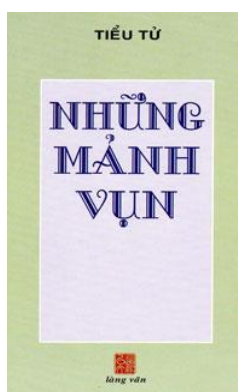


Tác Giả và Tác Phẩm

Tiểu Tử (I)

Tiểu sử & Tác phẩm

(xem Vài hàng về tác giả).



Mục Lục

Vài hàng về tác giả	– 2
Bài ca vọng cổ	- 3
Giọt mưa trên tóc	– 8
Chuyện đời bình của Tiểu Tử - Nguyễn Văn Sâm	- 14
Mùa thu cuộc tình	- 16
Viết một chuyện tình	– 24

Phụ đính:

Làm thính – Mài dao mài kéo
Cái mặt – Cái miệng - Made In VietNam
Con Mén – Ngụy – Chợ trời
Thầy Nam Chén – Thằng dân

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

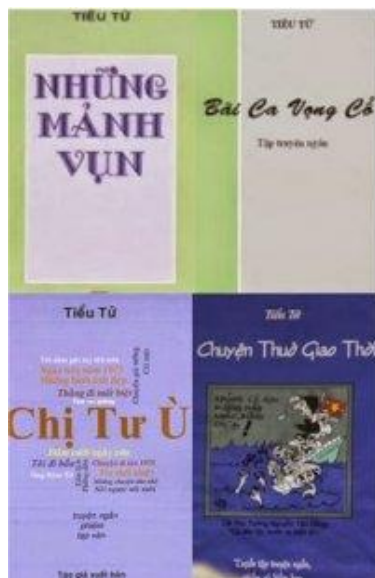
Tiểu sử

Tiểu Tử tên thật Võ Hoài Nam, sinh năm 1930 tại Gò Dầu Hạ (Tây Ninh). Sau khi tốt nghiệp trường kỹ sư Marseille (Pháp) năm 1955, ông về Việt Nam dạy trường Petrus Ký một năm rồi vào làm việc trong hãng dầu Shell Việt Nam từ năm 1956 cho đến ngày mất nước. Năm 1979, ông vượt biên rồi định cư ở Pháp.

Sau đó, ông qua Côte d'Ivoire (Phi Châu) làm việc cho Công ty Đường Mía của Pháp (1979-1982) và qua làm hãng dầu Shell Côte d'Ivoire cho đến lúc về hưu. Trước 1975, ông phụ trách mục biếm văn Trò Đời của nhật báo Tiến với bút hiệu Tiểu Tử, và tiếp tục dùng bút hiệu này kể từ sau 1975. Trong dịp trả lời phỏng vấn của Thư Viện Diên Hồng vào cuối năm 2007, ông cho biết, đã xuất bản tập truyện, Những Mảnh Vụn (2004), Bài Ca Vọng Cổ (2006), chuẩn bị tái bản tập truyện Những Mạnh Vụn và sẽ xuất bản cuốn thứ ba nhan đề Chị Tư Ủ.

Truyện của ông trong sáng, giản dị, gần gũi với đời sống đau đớn của người dân Miền Nam dưới chế độ VC kể từ sau 30-4- 1975, nên đọc truyện, ai cũng xúc động, không cầm được nước mắt. Ông viết văn bằng cả tấm lòng đôn hậu, thấm đượm đạo nghĩa của một người Việt yêu nước chống cộng, nên lời văn nhẹ nhàng, tha thiết, lay động nhân tâm, ngay cả với những người đã làm đường lạc lối theo VC. Truyện ngắn vô cùng cảm động sau đây của ông sẽ cho quý độc giả thấy được những giá trị tuyệt vời, những hạnh phúc cao cả, những phần thưởng vô giá... trong đời sống vợ chồng, một khi hai người biết thủy chung yêu thương nhau, quý trọng nhau, trọn vẹn sống cho nhau...

Tác phẩm



Trước 1975, giữ mục biếm văn "Trò Đời" của nhật báo Tiến. Bắt đầu viết truyện ngắn khi lưu vong qua Côte d'Ivoire.

Những mảnh vụn (Tập truyện - 2004)

Làng Văn Toronto xuất bản là tập truyện đầu tay.

Bài ca vọng cổ (Tập truyện - 2006)

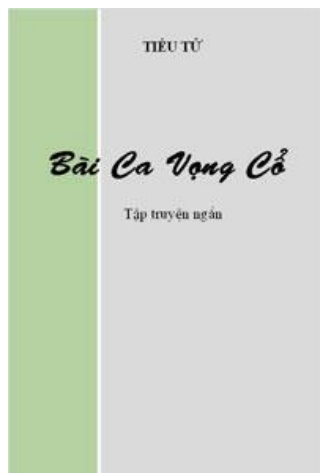
Chị Tư Ủ (Tập truyện 2012)

Chuyện thuở giao thời (2015)

Tuyển tập Tiểu Tử (2016)

Bài ca vọng cổ

(Riêng tặng những người còn ca vọng cổ
và tặng những người còn nhớ vọng cổ)



Tôi vượt biên một mình rồi định cư ở Pháp. Năm đó tôi mới 49 tuổi, vậy mà đi tìm việc làm đến đâu người ta cũng chê là tôi già! Vì vậy, một hôm, khi chải tóc, tôi nhìn kỹ tôi trong gương. Tôi bỗng thấy ở đó có một người có vẻ như quen nhưng thật ra thì rất lạ: mắt sâu, má hóp, mặt đầy nếp nhăn trên trán, ở đuôi mắt, ở khoé môi, mái tóc đã ngà bạc cắt tĩa thô sơ như tạt tay cắt lầy. Từ bao lâu nay tôi không để ý, bây giờ soi gương vì bị chê già, tôi mới thấy rằng tôi của hồi trước "Cách mạng thành công" và tôi của bây giờ - nghĩa là chỉ sau có mấy năm sống dưới chế độ gọi là ưu việt - thật không giống nhau chút nào hết. Tôi già thiệt, già trước tuổi. Cho nên, tôi nhìn tôi không ra. Từ đó, mỗi ngày tôi ...tập nhìn tôi một lần, nhìn kỹ, cho quen mắt!

Một người bạn làm việc lâu năm ở Côte d'Ivoire (Phi Châu) hay tin tôi đã qua Pháp và vẫn còn thất nghiệp, bèn giới thiệu cho tôi Công ty Đường mía của Nhà nước. Không biết anh ta nói thế nào mà họ nhận tôi ngay, còn gửi cho tôi vé máy bay nữa!
Xưa nay, tôi chưa từng quen một người da đen gốc Phi Châu nào hết. Và chỉ có vài khái niệm thô sơ về vùng Phi Châu da đen như là: Ở đó nóng lắm, đất đai còn nhiều nơi hoang vu, dân chúng thì da đen thùi lùì, tối ngày chỉ thích võ trống, thích nhảy tưng tưng v.v.. Vì vậy, tôi hơi ...ngán. Nhưng cuối cùng rồi tôi quyết định qua xứ da đen để làm việc, danh dự hơn là ở lại Pháp để tháng tháng vắc mặt Việt Nam đi xin trợ cấp đầu nọ, đầu kia...

Nơi tôi làm việc tên là Borotou, một cái làng nằm cách thủ đô Abidjan gần 800km! Vùng này toàn rừng là rừng. Không phải là rừng rậm rì cây cao chón chở như ở Việt Nam. Rừng ở đây cây thấp lưa thưa, thấp thấp cỡ mười, mười lăm thước ...coi khô hóc. Không có núi non, chỉ có một vài đồi trũng, nhưng đồi không cao và trũng, không sâu...

Nhà nước phá rừng trồng mía. Ruộng mía ngút ngàn! Nằm ở trung tâm là khu nhà máy, khu cơ giới, khu hành chánh, khu cư xá v.v.. nằm cách nhau cỡ vài cây số.

Muốn về thủ đô Abidjan, phải lái xe hơi chạy theo đường mòn xuyên rừng gần ba chục cây số mới ra tới đường cái tráng nhựa. Từ đó chạy đi Touba, một quận nhỏ với đồng đảo dân cư. Từ đây, lấy máy bay Air Afrika về Abidjan, mỗi ngày chỉ có một chuyến.

Phi trường Touba nhỏ xíu, chỉ có một nhà ga xây cất sơ sài và một phi đạo làm bằng đá đỏ, mỗi lần máy bay đáp lên đáp xuống là bụi bay ...đỏ trời!

Tôi hơi dài dòng ở đây để thấy tôi đi "làm lại cuộc đời" ở một nơi hoang vu hẻo lánh mà cảnh trí thì chẳng có gì hấp dẫn hết! Thêm vào đó, tôi là người Á Đông duy nhất làm việc chung với Tây trắng (chỉ có năm người) và Tây đen (đông vô số kẻ). Ở đây, thiên hạ gọi tôi là "le chinois" - thằng Tàu - Suốt ngày, suốt tháng tôi chỉ nói có tiếng Pháp. Cho nên, lâu lâu thêm quá, tôi soi gương rồi ...nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt, trông giống như thằng khùng! Chưa bao giờ tôi thấy tôi cô đơn bằng những lúc tôi đối diện tôi trong gương như vậy.

... Một hôm, sau hơn tám tháng "ở rừng", tôi được gọi về Abidjan để họp (Đây là lần đầu tiên được về thủ đô!). Anh tài xế đen đưa tôi ra Touba. Chúng tôi đến phi trường lối một giờ trưa.

Sau khi phụ tôi gửi hành lý, anh tài xế nói:

- Tôi ra ngủ trưa ở trong xe. Chờng Patron (ông chủ) đi được rồi tôi mới về.

Ở xứ đen, họ dùng từ "Patron" để gọi ông chủ, ông xếp, người có địa vị, có tiền, người mà họ nể nang v.v... Nghe quen rồi, chẳng có gì chói lố tai hết!

Tôi nói:

- Về đi! Đâu cần phải đợi!

Hắn nhăn răng cười, đưa hàm răng trắng toát:

- Tại Patron không biết chớ ở đây lâu lâu họ lại hủy chuyến bay vào giờ chót, nói tại máy bay ăn-banh ở đâu đó. Máy bay cũng như xe hơi vậy, ai biết lúc nào nó nằm đường.

Rồi hắn đi ra xe. Tôi ngồi xuống một pho-tôi, nhìn quanh, hành khách khá đông. Nhiều người ngồi với một số hành lý như thùng các-tông, bao bị, va-ly v.v... Không phải họ không biết gửi hành lý, nhưng vì những gì họ đã gửi đã đủ số ký-lô giành cho mỗi hành khách, nên số còn lại họ ...xách tay, cho dầu là vừa nhiều món vừa nặng vừa cồng kềnh!

Không khí nóng bức. Máy cái quạt trần quay vù vù, cộng thêm mấy cây quạt đứng xoay qua xoay lại, vậy mà cũng không đủ mát. Thiên hạ ngủ gà ngủ gật, tôi cũng ngã người trên lưng ghế, lim dim...

Trong lúc tôi thiu thiu ngủ thì loáng thoáng nghe có ai ca vọng cổ. Tôi mở mắt nhìn quanh rồi thờ dãi, nghĩ: "Tại mình nhớ quê hương xứ sở quá nên trong đầu nghe ca như vậy". Rồi lại nhắm mắt lim dim... Lại nghe vọng cổ nữa. Mà lần này nghe rõ câu ngân nga trước khi "xuống hò":

"Mấy nếp nhà tranh ẩn mình sau hàng tre rũ bóng... đang vươn lên ngọn khói... á... lam... à... chiều..."

Đúng rồi! Không phải ở trong đầu tôi, mà rõ ràng có ai ca vọng cổ ngoài kia. Tôi nhìn ra hướng đó, thấy xa xa dưới lùm cây dại có một người đen nằm võng. Và chỉ có người đó thôi. Lạ quá! Người đen đâu có nằm võng. Tập quán của họ là nằm một loại ghế dài bằng gỗ cong cong. Ngay như loại ghế bố thường thấy nằm dưới mấy cây dù to ở bãi biển ...họ cũng ít dùng nữa.

Tò mò, tôi bước ra đi về hướng đó để xem là ai vừa ca vọng cổ lại vừa nằm võng đong đưa. Thì

ra là một anh đen còn trẻ, còn cái võng là cái võng nhà binh của quân đội Việt Nam Cộng Hoà hồi xưa. Tôi nói bằng tiếng Pháp:

- Bonjour!

Anh ngừng ca, ngồi dậy nhìn tôi mỉm cười, rồi cũng nói "Bonjour". Tôi hỏi, vẫn bằng tiếng Pháp:

- Anh hát cái gì vậy?

Hắn đứng lên, vừa bước về phía tôi vừa trả lời bằng tiếng Pháp:

- Một bài ca của Việt Nam. Còn ông? Có phải ông là le chinois làm việc cho hãng đường ở Borotou không?

Tôi trả lời, vẫn bằng tiếng Pháp:

- Đúng và sai! Đúng là tôi làm việc ở Borotou. Còn sai là vì tôi không phải là người Tàu. Tôi là người Việt Nam.

Bỗng hắn trợn mắt có vẻ vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ, rồi bật ra bằng tiếng Việt, giọng đặc sệt miền Nam, chẳng có một chút lơ lớ:

- Trời ơi! ...Bác là người Việt Nam hả?

Rồi hắn vỗ lên ngực:

- Con cũng là người Việt Nam nè!

Thiếu chút nữa là tôi bật cười. Nhưng tôi kiềm lại kịp, khi tôi nhìn gương mặt rạng rỡ vì sung sướng của hắn. Rồi tôi bỗng nghe một xúc động dâng tràn lên cổ. Thân đã lưu vong, lại "trôi sông lạc chợ" đến cái xứ "khỉ ho cò gáy" này mà gặp được một người biết nói tiếng Việt Nam và biết nhận mình là người Việt Nam, dù là một người đen, sao thấy quý vô cùng. Hình ảnh của quê hương như đang ngời lên trước mặt...

Tôi bước tới bắt tay hắn. Hắn bắt tay tôi bằng cả hai bàn tay, vừa lắc vừa nói huyên thuyên:

- Trời ơi!... Con mừng quá! Mừng quá! Trời ơi!... Bác biết không? Bao nhiêu năm nay con thèm gặp người Việt để nói chuyện cho đã. Bây giờ gặp bác, thiệt... con mừng "hết lớn" bác à!

Rồi hắn kéo tôi lại võng:

- Bác nằm đi! Nằm đi!

Hắn lại đóng gạch "bờ-lóc" gần đấy lấy hai ba viên kê bên cạnh võng rồi ngồi lên đó, miệng vẫn không ngừng nói:

- Con nghe thiên hạ nói ở Borotou có một người Tàu. Con đâu dè là bác. Nếu biết vậy con đã phóng Honda vô trồng kiếm bác rồi! Đâu được tới bây giờ...

Hắn móc gói thuốc, rồi mời tôi:

- Mời bác hút với con một điếu.

Hắn đưa gói thuốc về phía tôi, mời bằng hai tay. Một cử chỉ mà từ lâu tôi không còn nhìn thấy. Một cử chỉ nói lên sự kính trọng người trưởng thượng. Tôi thấy ở đó một "cái gì" rất Việt Nam.

Tôi rút điếu thuốc để lên môi. Hắn chet quẹt máy, đưa ngọn lửa lên đầu điếu thuốc, một tay che che như trời đang có gió. Tôi bập thuốc rồi ngạc nhiên nhìn xuống cái quẹt máy. Hắn nhăn răng cười:

- Bộ bác nhìn ra nó rồi hả?

Tôi vừa nhả khói thuốc vừa gạt đầu. Đó là loại quẹt máy Việt Nam, nhỏ nhỏ, đẹp lép, đầu điếu có nét cong cong. Muốn quẹt phải lấy hẳn cái nắp ra chớ nó không dính vào thân ống quẹt, bằng một bản lề nhỏ như những quẹt máy ngoại quốc. Hắn cầm ống quẹt, vừa lật qua lật lại vừa nhìn một cách triu mến:

- Cửa ông ngoại con cho đó! Ông cho hồi ông còn sống lận.

Rồi hắn bật cười:

- Hồi đó ông gọi con bằng "thằng Lộ Nồi".

Ngừng một chút rồi tiếp:

- Vậy mà ông thương con lắm à bác!

Hắn đốt điếu thuốc, hít một hơi dài rồi nhả khói ra từ từ. Nhìn cách nhả khói của hắn tôi biết hắn đang sống lại bằng nhiều kỷ niệm... Tôi nói:

- Vậy là cháu lai Việt Nam à?

- Dạ. Má con quê ở Nha Trang.

- Rồi má cháu bây giờ ở đâu?

Giọng của hắn như nghẹn lại:

- Má con chết rồi. Chết ở Nha Trang hồi Việt cộng vô năm 1975.

- Còn ba của cháu?

- Ông hiện ở Paris. Tụi này nhờ có dân Tây nên sau 1975 được hồi hương. Con đi quân dịch cho Pháp xong rồi, về đây ở với bà nội. Con sanh ra và lớn lên ở Sài Gòn, về đây, buồn thúi ruột thúi gan luôn!

Tôi nhìn hắn một lúc, cố tìm ra một nét Việt nam trên con người hắn. Thật tình, hắn không có nét gì lai hết. Hắn lớn con, nước da không đến nỗi đen thui lùì như phần đông dân chúng ở xứ này, nhưng vẫn không có được cái màu cà phê lợt lợt để thấy có chút gì khác khác. Tóc xoắn sát da đầu, mắt lồi môi dày...

Tôi chợt nói, nói một cách máy móc:

- Thấy cháu chẳng có lai chút nào hết!

Hắn nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng nghiêm trang:

- Có chớ bác. Con có lai chớ bác.

Hắn xoè hai tay đưa ra phía trước, lật qua lật lại:

- Bên nội của con là nằm ở bên ngoài này đây nè.

Rồi hắn để một tay lên ngực, vỗ nhẹ về phía trái tim:

- Còn bên ngoài nó nằm ở bên trong. Ở đây, ở đây nè bác.

Bỗng giọng hắn nghẹn lại:

- Con lai Việt nam chớ bác!

Trong khoảnh khắc, tôi xúc động đến quên mất màu da đen của hắn, mà chỉ thấy trước mặt một thanh niên Việt Nam, Việt Nam từ cử chỉ tới lời lẽ nói năng. Tôi nói vỗ nhẹ lên vai hắn mấy cái, gật đầu nói:

- ờ... Bác thấy. Bây giờ thì bác thấy...

Hắn mỉm cười:

- ở đây người ta nói con không giống ai hết, bởi vì con hành động cư xử, nói năng không giống họ. Bà nội con cũng nói như vậy nữa! Còn con thì mỗi lần con nhìn trong kiếng, con vẫn nhận ra con là người Việt Nam. Bác coi có khổ không?

Rồi nó nhìn tôi, một chút trùi mền dâng lên trong ánh mắt:

- Bây giờ con gặp bác rồi, con thấy không còn cô đơn nữa. gặp một người giống mình, ở cái xó xa xôi hẻo lánh này, thiệt là trời còn thương con quá!

Tôi im lặng nghe hắn nói, nhìn hắn nói mà có cảm tưởng như hắn đang nói cho cả hai: cho hắn và cho tôi. Bởi vì cả hai cùng một tâm trạng...

Hắn vẫn nói, như hắn thềm nói từ lâu:

- Nhớ Sài Gòn quá nên con hay ca vọng cổ cho đỡ buồn. Hồi nãy bác lại đây là lúc con đang ca bài "Đường về quê ngoại" đó bác.

- Bác không biết ca, nhưng bác rất thích nghe vọng cổ.

Giọng nói hắn bỗng như hăng lên:

- Vọng cổ là cái chất của miền Nam mà bác. Nó không có lai Âu lai Á gì hết. Nó có cái hồn Việt Nam cũng như ca kho tộ, to canh chua. Bác thấy không? Bởi vậy, không có gì nhắc cho con nhớ Việt Nam bằng bài ca vọng cổ hết.

- Bác cũng vậy.

Tôi nói mà thảm phục sự hiểu biết của hấn. Và tôi thấy rất vui mừng có một người như vậy để chuyện trò từ đây về sau...

Có tiếng máy bay đang đánh một vòng trên trời. Chúng tôi cùng đứng lên, hấn nói:

- Nó tới rồi đó. Con phải sửa soạn xe tắc-tơ và rờ-mốt để lấy hành lý. Con làm việc cho hãng Air Afrika, bác à.

Rồi hấn nắm tay tôi lắc mạnh:

- Thôi, ác đi mạnh giỏi. Con tên là Jean. Ở đây ai cũng biết "Jean le vietnamien" hết. Chùng về bác ghé con chơi, nghen.

Bỗng, hấn ôm chầm lấy tôi siết nhẹ rồi giữ như vậy không biết bao nhiêu lâu. Tôi nghe giọng hấn lạc đi:

- Ghé con nghe bác... Ghé con...

Tôi không còn nói được gì hết. Chỉ vừa gạt đầu vừa vỗ vỗ vào lưng hấn như vỗ lưng một người con...

Khi hấn buông tôi ra, tôi thấy hai má của hấn ướt nước mắt. Tôi vội quay đi, làm lúi bước nhanh nhanh về nhà ga mà nghĩ thương cho "thằng Jean le vietnamien". hồi này nó ôm tôi, có lẽ nó đã tưởng tượng như là nó đang ôm lại được một góc trời quê mẹ...

...Trên máy bay, tôi miên man nghĩ đến "thằng Jean" rồi tự hứa sẽ gặp lại nó thường. Để cho nó bớt cô đơn. Và cũng để cho tôi bớt cô đơn nữa!

Bây giờ, viết lại chuyện thằng Jean mà tôi tự hỏi:

- "Trong vô số người Việt Nam lưu vong hôm nay, còn được bao nhiêu người khi nhìn trong gương vẫn nhận ra mình là người Việt Nam?"

- "Và có được bao nhiêu người còn mênh mang trong lòng bài ca vọng cổ, để thấy hình ảnh quê hương vẫn còn nguyên trong đó?"

Giọt mưa trên tóc

Đường Hai Bà Trưng. Chiều. Một trai một gái tuổi độ 17, 18, đạp xe về hướng Tân Định, đi song song. Bỗng, trời nổi gió ào ào rồi mây đen kéo về vần vũ. Mọi người đều hối hả, đi như chạy, để tránh mưa. Đứa con trai giục:

- Đạp lẹ lên Kim! Qua khỏi đoạn này mới có chỗ đụt.

Đứa con gái gạt đầu, chồm lên nhấn mạnh bàn đạp, nhưng chỉ vài phút sau mưa đã rơi lác rác xuống hai đứa làm chúng nó cười lên hăng hắc, cái cười hồn nhiên thanh thoát khi thấy mình bị

mưa đui kịp, cái cười còn nguyên nét trẻ con trong trò chơi “cút bắt”! Chúng nó vội tấp vào mái hiên một tiệm giày. Sau khi dựng xe đạp lại ngay ngắn, Kim nhìn bạn, hơi ân hận:

- Tại Nghĩa đợi Kim mới bị mưa ướt đó. Phải hồi nãy Nghĩa đạp đi trước thì đâu có sao?
Đưa con trai tên Nghĩa vừa nhìn quanh vừa trả lời, người hơi lắc qua lắc lại giống như cành cây đong đưa trong cơn gió thoảng:

- Mình đi chung mà Kim.

Nghe bạn nói, Kim yên lặng nhìn ra mưa mà nghe lòng thật ám cúng. Sự nhạy cảm của người con gái ở tuổi đó đã giúp Kim nhận thấy một tình yêu nho nhỏ đang nhen nhúm giữa hai đứa, một “cái gì” vừa nhẹ nhàng vừa tinh khiết, mà lại vừa thật là rung động. Một “cái gì” cứ bắt phải cần có nhau; một “cái gì” cứ bắt phải nghĩ đến nhau. Một “cái gì”... Một “cái gì”... Không biết nữa! Kim cảm thấy nóng hai vành tai. Kim nhìn xuống chiếc áo bà ba trắng đang dán vào người từng mảng nhỏ. Tự nhiên, Kim khoanh tay lại che ngực, rồi tự trách thầm: “Phải nghe lời má đội nón thì bây giờ đã có cái gì để ôm cho đỡ ngượng. Con gái gì mà đi đâu cũng đầu trần! Cho đáng...”. Thật ra, Kim thấy đội nón bực bội quá, cứ nghe ngứa ngáy trên đầu như mấy ngày chưa gội và sau đó khi lấy nón ra tóc cứ như bị dán keo nằm nhẹ xuống coi thật chướng mắt. Cho nên, thẳng hoặc có đi đâu với má thì Kim cầm theo cái nón lá cho khỏi bị rầy, kỳ dư là đi đầu trần – dù đi học hay đi lao động cũng vậy. Thành ra, tóc Kim bỗng lên thật đẹp, đen huyền xõa xuống ngang vai, chao qua chao lại khi Kim nghiêng đầu và lúc nào cũng tự do phát phơ theo chiều gió. Mấy thằng bạn cùng lứa – nhất là Nghĩa – thường hát gheo: “Nắng lên, gió lên cho tóc em bông...” Và Kim thấy hãnh diện với “mái tóc em bông” đó.

Cơn mưa thật lớn. Vía hè, mặt đường... đều lai láng nước. Làm như là nước từ dưới đất dâng lên!

Bên kia đường là nhà thờ Tân Định với bức tường cao kéo dài. Bên này, chỗ nào có mái hiên là có người đứng đụt. Cách chỗ hai đứa đứng vài căn phố là tiệm nước mà phía trước là chiếc xe mì với hàng ghế đầu đứng trong mưa chờ khách.

Mái hiên chỗ hai đứa đụt bỗng nghiêng triền qua một bên, đổ ào nước xuống như một dòng thác. Không bảo nhau mà cả hai đứa cùng nhảy lùi vào trong và cùng đứng về phía mái hiên không đổ nước. Khoảng trống không bị ướt dưới mái hiên bây giờ thu hẹp lại chỉ còn một góc nhỏ vừa đủ cho hai đứa đứng. Không đứng sát vào nhau, nhưng đứng thật gần nhau...

Nghĩa quay nhìn phía sau: cửa lưới sắt tiệm giày đóng im lạnh ngắt. Bên trong tủ kiếng, kệ hàng trống bốt, bụi đầy. Nhìn sang Kim, Nghĩa nói:

- Kim biết không? Ông chủ tiệm giày này đã đưa gia đình vượt biên cách đây ba bốn tháng...

- Sao Nghĩa biết?

Kim ngạc nhiên, bởi vì nhà Nghĩa ở xóm Chi Lăng, còn đây là chợ Tân Định.

Nghĩa chỉ tay sang nhà thờ:

- Con nhỏ em của Nghĩa học ở trường nhà thờ bên kia. Chiều nào Nghĩa cũng tới đón nó. Trong khi chờ đợi, nghe mấy anh xích lô nói chuyện với nhau mới biết.

- Họ đi thoát không?

- Không biết nữa. Mà không phải có tiệm giày đi thôi đâu. Cả dãy phố này đều lần lượt chui hết. Cho nên nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm, Kim thấy không? Nhà Nước tịch thu lâu rồi sao không thấy cấp cho ai hết.

Kim nhìn ra mưa, băng khuôn:

- Không biết họ đi có thoát không?

Im một lúc, bỗng Nghĩa ngập ngừng hỏi nhỏ:

- Gia đình Kim có định... có định... đi không Kim?

Kim nhìn bạn, nửa ngạc nhiên, nửa dò xét. Rồi khi thấy không có gì khác lạ trên gương mặt của người bạn trai, Kim thờ dài nhìn ra mưa:

- Gia đình Kim mà đi đâu, Nghĩa! Chạy gạo hằng ngày thì lấy vàng đâu mà đi chui?

Nghĩa bối rối, người hơi lắc lư:

- Thì... hỏi là hỏi vậy thôi, chớ Nghĩa cũng biết...

Ba của Kim làm thầy giáo. Hồi thời “ngụy”, bị động viên, rồi chạy chọt được biệt phái trở về đi dạy học – để khỏi đi đánh giặc. Qua trào Việt Cộng, hai chữ “biệt phái” đã làm cho họ nghi là CIA nên bắt đi học tập từ đó đến giờ. Ở nhà, má và chị Hai của Kim chạy ngược chạy xuôi lãnh đồ về may để nuôi năm miệng ăn và góp nhóm chút đỉnh để lâu lâu đi thăm ba của Kim một chuyến. Cho nên, nói chuyện “lo đi vượt biên” cũng như chuyện xuống biển mò trăng...

Bên gia đình Nghĩa cũng không hơn. Ngày xưa, ba Nghĩa làm kế toán ngân hàng, bây giờ đan giỏ chằm nón ở tổ “Mây Tre” Phú Nhuận với má Nghĩa. Hai ông bà sáng đi tối về, đeo nhau trên xe đạp. Nghĩa và con nhỏ em đi học, tối về dán bao giấy bỏ mỗi cho mấy bà ngoài chợ gói hàng. Bữa cơm gia đình thường là tương chao hoặc ba cái trứng luộc dầm nước mắm. Chuyện “vượt biên” đúng là chuyện mò trăng đáy biển!

Bỗng Kim nhìn Nghĩa, một thoáng tinh ranh nằm trong ánh mắt:

- Còn Nghĩa? Có tính đi không?

Nghĩa phì cười, miệng rộng huệch:

- Kim trả thù hả?

Kim cười bằng mắt, nhái lại câu của Nghĩa khi nãy, người cũng nhẹ lắc lư:

- Thì... hỏi là hỏi vậy thôi.

Không bảo nhau mà cả hai cùng phá lên cười, cái cười che giấu sự sung sướng bên trong của mỗi đứa, cái cười của những người cùng cảnh ngộ gặp nhau, cái cười không phải của niềm vui mà là của sự an ủi. Rồi chúng nó nhìn nhau một thoáng, trước khi quay nhìn đi nơi khác để cảm thấy thật gần gũi nhau vô cùng.

Mưa thôi ồ ạt nhưng vẫn chưa dứt hột thì nửa vùng trời đã hé nắng ở đằng kia. Ánh nắng xiên xiên thật sáng, thật trong làm như vừa được mưa lau sạch bụi! Nắng chiều mà giống như nắng sáng.

Nắng xuyên mưa đổ xuống chỗ Kim và Nghĩa, giống như vệt đèn pha sâu khấu. Nghĩa nhìn Kim đứng trong vùng ánh sáng đó bỗng nhớ tới vở kịch thần thoại Liên Xô mà hai đứa đóng trong trường cách đây mấy tháng, trong đó Nghĩa làm người cùng khổ còn Kim là bà tiên áo trắng, mái tóc đầy kim tuyến lấp lánh như kim cương. Bây giờ, những giọt mưa đọng lại trên tóc Kim cũng lấp lánh như kim cương trong tia nắng chiều nghiêng chụp xuống. Đẹp quá!

Kim chọt bắt gặp cái nhìn ngây dại của bạn, nóng bừng hai tai.

- Nhìn gì kỳ vậy Nghĩa?

Nghĩa giật mình, người hơi lắc lư:

- Nghĩa đang nhìn mấy giọt nước trên tóc Kim. Nó... Nó...

Kim mỉm cười, lắc mạnh đầu mấy cái rồi đưa hai tay vuốt tóc tém vào ót. Tóc được gom lại, dính vào nhau thành một cái đuôi cong cong.

Nghĩa tiếp:

- Nó giống như kim cương. Thật giống kim cương. Uổng quá!

- Cái gì uổng?

Kim ngạc nhiên hỏi. Nghĩa đang tiếc rẻ hình ảnh đẹp của Kim khi nãy với những giọt mưa trên tóc, bất ngờ bị hỏi vặn, không biết phải trả lời làm sao. Nghĩa đưa tay gãi ót, chặc lưỡi:

- Thì...

Mắt Nghĩa bỗng sáng lên, mặt hí hửng. Một ý nghĩ vừa thoáng qua trong đầu, Nghĩa chụp lấy như người sắp chết đuối chụp lấy cái phao:

- Uổng quá chứ! Nếu là kim cương thiệt thì Kim dư sức đưa gia đình đi vượt biên rồi.

Rồi Nghĩa cười lên ha hả, cái cười của người vừa thoát nạn. Kim cũng cười theo bạn, nhưng cười vì cái ý nghĩ ngộ nghĩnh bắt nguồn từ những giọt mưa trên tóc.

Trời cũng vừa hết mưa. Đường phố khi nãy vắng tanh, bây giờ đầy người trở lại. Làm như mưa ngừng cho nước rút xuống để rùng người mọc lên! Nghĩa và Kim nhập vào đoàn người đạp xe về ngã Phú Nhuận. Không khí sau mưa mát rượi. Hai đứa đều có cảm giác như mặt mũi mình vừa được rửa sạch trong cơn mưa.

Đến ngã tư Phú Nhuận, Nghĩa vẫy tay chào bạn:

- Thôi, “bye” nghe Kim.

Rồi cầm đầu đạp nhanh về hướng Gia Định trong lúc Kim quẹo sang trái để về cổng Phi Long.

Sau bữa cơm tối, ba gọi Nghĩa và con nhỏ em vào buồng, kéo ngồi xuống chiếc chiếu trải dưới đất, vẻ nghiêm trọng, thấp giọng nói:

- Hôm rày ba má giấu tụi con. Bây giờ, tới lúc phải cho tụi con biết. Khuya nay mình vượt biên. Nghĩa cảm thấy choáng váng màng mắt, mồ hôi đổ ra như tắm. Trước mắt Nghĩa bỗng là một khoảng trống không mờ hồ. Nghĩa không còn thấy ba. Nghĩa không còn thấy em. Nhưng Nghĩa còn loáng thoáng nghe tiếng ba nữa xa nữa gần:

- Ba sẽ chở má. Nghĩa chở em. Mình đạp xuống cầu Kinh, bỏ xe ở nhà bác Tám rồi băng ruộng ra bờ sông cách đó chừng năm trăm thước. Ghe chờ ở đó. Tụi con đừng đem gì theo hết. Cứ đi tay không như mình đi thăm bác Tám vậy. Hiểu chưa?

Nghĩa gật đầu như người máy, nhưng Nghĩa không hiểu. Thật tình không hiểu! Ba má vẫn hay than vắn thở dài: “Phải chi nhà mình có chút đỉnh gì để liệu một chuyến vượt biên như thiên hạ coi ra sao”. Khi gặp bạn bè, ba thường chép miệng: “Tôi mà biết bị kẹt lại như vậy, tôi đã đưa gia đình di tản cha nó hồi bảy mươi lăm rồi! Bây giờ thì thôi. Đành muôn năm ở lại với Bác!”. Vậy mà bây giờ... bây giờ... Nghĩa không hiểu! Thật tình không hiểu! Mới hồi nãy đây, còn đứng đụt mưa chung với Kim, còn đùa nhau về chuyện vượt biên – lý do để hai đứa thấy gần nhau hơn nữa – còn đạp xe song song trên đường dài – dù đường dài có dài thăm thẳm chắc hai đứa lúc nào cũng đạp xe song song... Vậy mà bây giờ... bây giờ... Sao nó giống như ngã tư Phú Nhuận, mỗi đứa đi về một hướng, hai hướng ngược nhau trên một đường thẳng, nghĩa là chẳng bao giờ gặp lại nhau dù có kéo mãi về vô tận. Và những giọt mưa trên tóc. Ở... những giọt mưa trên tóc! Những gì hồi nãy mới thấy đây, mới hiện diện đây, những rung động, những cảm nhận thật rõ ràng mới đây, hồi nãy, khi đứng đụt mưa với Kim dưới mái hiên tiệm giày... bây giờ sao giống như giọt mưa trên tóc, chỉ một cái lắc đầu đã rơi mất trong không gian! Còn Kim?... Kim?... Kim sẽ làm sao? Một câu hỏi thật ngớ ngẩn nhưng nói lên chiều sâu của tình yêu vừa chớm, thứ tình yêu chưa rõ nét như bước chân chập chững của trẻ thơ, thứ tình yêu còn thơm mùi giấy mực học trò, còn thật thà như đọc cừu chương hai! Nghĩa bỗng thấy cần phải gặp Kim. Gặp ngay bây giờ. Không biết để làm gì, nhưng phải gặp. Không biết sẽ nói cái gì, nhưng cứ gặp trước cái đã. Có một cái gì thúc đẩy từ bên trong. Có một cái gì kêu gọi từ bên ngoài. Nghĩa không hiểu nữa. Cảm thấy thật cần thiết, thật cấp bách!

Nghĩa bước ra phòng khách, với tay lên kệ lấy đại hai quyển sách gì đó rồi nói với ba đang soạn giấy tờ trên bàn:

- Con đem trả sách cho thằng Tuấn.

Khi thấy ba nhìn mình soi mói, Nghĩa tiếp:

- Trả cho nó học.

Ba gật đầu:

- Ở... Nhưng ba cấm con nói “chuyện đó” với bất cứ ai, dù là bạn thân cũng vậy. Nghe chưa?

Nghĩa gật đầu, đẩy xe đạp ra sân. Ba nói với theo:

- Trả rồi về ngay nghe con, Nghĩa.

Nghĩa "dạ" rồi phóng lên xe, đạp thật nhanh. Trên đường Phan Đăng Lưu (Chi Lăng cũ), Nghĩa ném hai quyển sách vào một đồng rác rồi đi thẳng.

Nhà Kim ở xóm cổng Phi Long. Nghĩa vẫn quen lui tới. Vậy mà bây giờ sao thấy nó xa thăm thẳm. Mặc dù xe đã lao nhanh nhưng Nghĩa vẫn có cảm tưởng như hãy còn quá chậm. Nghĩa vừa nhấn mạnh bàn đạp vừa nghĩ miên man: “Không biết phải nói làm sao đây? Ba đã cấm thì mình làm sao nói? Mà không nói làm sao Kim hiểu? Không biết mình đi có thoát không? Rồi cuộc đời sẽ ra sao? Không có Kim mình sẽ ra sao? Còn Kim? Kim sẽ ra sao? Ra sao?... Ra sao?...”. Thật nhiều câu hỏi để không có được một câu trả lời. Người con trai đó cảm thấy thật chơi vơi, tất cả đều vượt khỏi tầm tay, tất cả đều vượt khỏi tầm suy luận của nó, nó không hiểu được gì hết, không chủ động được chuyện gì hết! Lần đầu tiên, người con trai đó nhận thấy cuộc đời này

quá nhiều rắc rối chớ không đơn giản như những bài toán ở trong trường, mà mình thì giống thằng học trò dốt nhìn tấm bảng đen thấy nó rộng bằng cái sân banh...

Khi Nghĩa vừa thắng xe trước cổng nhà Kim thì con chó chạy ra sủa mấy tiếng rồi chồm lên cửa sắt vẫy đuôi mừng. Có tiếng má của Kim hỏi vọng ra:

- Ai đó?

- Dạ thưa cháu.

Nghĩa trả lời.

- Nghĩa hả? Đi đâu tối vậy?

Rồi đèn dưới hiên được bật lên, một bóng đèn nhỏ xíu tỏa ánh sáng vàng vọt như ánh sáng cây đèn dầu. Má của Kim bước ra mở cổng:

- Cháu ngồi chơi. Em nó tắm rồi ra bây giờ. Bác còn phải vô may tiếp mớ đồ để mai giao...

Nghĩa “dạ”, rồi dựng xe vào tường rào. Con chó chạy lại quấn quýt mừng rồi chạy vào trong sủa mấy tiếng như để báo là nhà có khách! Nghĩa nhìn quanh: nhà vắng teo, chỉ nghe có tiếng máy may xành xạch đều đều. Nghĩa nghĩ: “Chắc mấy đứa nhỏ về dưới quê hết rồi. Chớ không thì đã chạy ào ra mừng như mọi khi”. Sân nhà Kim tuy nhỏ nhưng trắng xi măng sạch sẽ. Ở góc sân có cây mận khá lớn, tàng gie ra phủ lấy sân như cây lọng. Dưới gốc mận, có mấy gộc củi to đặt đứng để làm ghế ngồi. Trên thân cây mận, hãy còn treo mấy giỏ phong lan mà ba của Kim trồng hồi đó.

Khi Nghĩa vừa ngồi xuống cạnh gốc mận thì Kim cũng vừa bước ra hiên nhà. Tóc Kim chải ngược về phía sau, để lộ khuôn mặt đều đặn với đôi mắt ngời tinh anh. Kim dừng ở hiên một chút... như để định hướng, rồi mới bước tiếp ra sân. Chỉ trong một thoáng đó thôi – một thoáng dừng lại của Kim – Nghĩa bỗng thấy không gian chìm mất chỉ còn lại gương mặt của người bạn gái là hiện hữu, là sinh động, là rạng rỡ... Nghĩa thấy gương mặt đó thật rõ, thật sáng. Thấy mái tóc hãy còn lóng nước, tóc mai còn dán vào má vào tai. Thấy vàng trán rộng, thấy đôi mày dài. Thấy ánh sao trong mắt, thấy nét cười phớt nhẹ làn môi... Chỉ trong có một giây thật ngắn ngủi – như một chớp mắt – mà sao ngàn đó nét, ngàn đó chi tiết được Nghĩa nhìn thấy hết, thấu nhận rõ hết. Phải chăng đó là hình ảnh của Kim mà Nghĩa muốn ghi lần cuối cùng vào tim vào óc? Ghi lấy để giữ lấy mãi mãi, bởi vì, sẽ không còn có lần nào khác nữa để Nghĩa được nhìn Kim như bây giờ...

Kim vừa bước về hướng Nghĩa, vừa hỏi:

- Ủa? Đi đâu mà tối vậy Nghĩa?

Yên lặng. Từ cái thoáng dừng lại khi nãy của Kim, từ cái thoáng đặt hết tâm tư vào gương mặt của người bạn gái, Nghĩa không còn cảm nhận được sự hiện diện của mình. Tiếng của Kim, Nghĩa nghe loảng thoảng như trong chiêm bao.

Nghĩa chỉ sực tỉnh khi Kim đã ngồi đối diện. Người con gái đó có dáng ngồi thật thẳng, thật ngoan, thật dễ thương với hai bàn tay đặt nằm thoải mái trên đầu gối. Ở Kim, toát ra một cái gì vừa tươi mát vừa tinh khiết, lại vừa trầm lặng với sức sống căng đầy. Nghĩa cảm thấy bối rối, không biết phải nói cái gì, nói làm sao, rồi miên man nghĩ: “Chắc Kim sẽ buồn lắm khi nghe mình nói. Chắc Kim cũng sẽ... cũng sẽ đau khổ lắm khi biết mình đi. Bây giờ còn ngồi đây với nhau chớ lát nữa đây, rồi ngày mai, rồi mãi mãi sẽ không còn gặp nhau nữa. Vĩnh viễn không gặp nhau nữa. Vĩnh viễn... Vĩnh viễn...”. Nghĩa thấy thương Kim. Nghĩa thấy thương Nghĩa. Nghĩa thấy thương hai đứa. Nghĩa muốn khóc! Nghĩa không dám nhìn thẳng mặt Kim. Nghĩa nhìn đôi bàn tay thon nhỏ của Kim, đôi bàn tay ngoan hiền nằm trên đầu gối. Đôi bàn tay đó đã từng vẫy gọi Nghĩa trong đám đông, đã từng vỗ vào nhau thành nhịp khi Nghĩa đàn, và một hôm, đã từng kết lại giùm Nghĩa cái nút áo, sau một lần vật lộn với bầy em của Kim. Đôi bàn tay đó, rồi đây, suốt cuộc đời về sau, Nghĩa sẽ không còn được cầm lấy, nắm lấy, hay nhìn thấy, dù là trong giấc mộng. Không tự chủ được, Nghĩa nghiêng người tới cầm lấy hai bàn tay của Kim. Một cử chỉ thật đột ngột làm Kim sững sốt định rút tay về, nhưng khi thấy Nghĩa chẳng có nét gì sỗ sàng nên để yên. Nghĩa giữ tay Kim trong tay mình như giữ một vật gì đẹp nhất, quý nhất của cuộc đời này. Như hơi thở. Như nhịp tim. Như tình yêu... tình yêu... tình yêu...

Yên lặng. Nghĩa ngồi như pho tượng. Lưng khom khom, đầu chúc xuống, cùi chỏ chống lên đùi làm hai vai nhô lên. Kim không nhìn thấy mặt Nghĩa, nhưng Kim “nhìn” thấy tâm tư của Nghĩa trong đôi bàn tay và trong dáng ngồi của bạn. Đôi bàn tay muốn nắm thời gian ngừng lại và dáng ngồi nói lên niềm thống khổ vô biên...

Yên lặng. Rồi có tiếng Kim hỏi, thật trầm tĩnh: "Nghĩa đi hả?"

Không có tiếng trả lời. Nhưng Nghĩa gật gật đầu, cái đầu đã ở sẵn tư thế cúi thấp xuống của một người nhận chịu số phận! Rồi vai Nghĩa bỗng run run, Nghĩa gục xuống tay nấc lên khóc. Bấy giờ – và chỉ bấy giờ – những ngón tay của hai đứa mới đan vào nhau, tự nhiên đan vào nhau, giữ lấy nhau, giữ chặt lấy nhau. Không biết tại sao? Không biết để làm gì? Mà cần gì phải biết, khi tất cả đều vô nghĩa? Vô nghĩa!

Yên lặng. Không gian không còn nữa. Thời gian không còn nữa. Vũ trụ bây giờ nằm trọn trong lòng tay hai đứa, một vũ trụ rách nát, đau thương. Ở đó, giữa những ngón tay đan chặt vào nhau, tình yêu vừa mới sinh ra, còn măng non nhưng sao đã thấy già nước mắt...

Yên lặng. Kim không khóc. Kim vẫn ngồi thẳng, nhìn thẳng, tuy tâm hồn đã tê dại. Phải một lúc lâu sau, thật lâu sau, Kim mới trở về với chính mình để nhận thấy rằng bỗng nhiên mình già đi mười mấy tuổi! Kim nhìn xuống Nghĩa, chỉ thấy cái đầu tóc ngắn, cái ót gầy gầy, đôi vai nhô cao. Hình ảnh cuối cùng của Nghĩa là đây chăng? Người con trai có đôi mắt xéch xéch, có cái cười rộng huých làm cho một bên má lúm đồng tiền, người con trai đã làm Kim rung động, người con trai đã làm Kim xao xuyến, người con trai đó, bây giờ, Kim chỉ nhìn thấy được có cái ót và đôi vai thôi! Rồi mai một... mai một... Một chua xót đang trạo trọc dâng lên. Kim cắn môi kềm lại. Yên lặng...

Một lúc sau, Kim hỏi, giọng lạc đi:

- Chùng nào?

Nghĩa ngồi thẳng lên, tay vẫn không rời tay Kim, mặt còn đầy nước mắt, giọng cũng lạc đi:

- Khuya!

Kim nhìn gương mặt méo mó vì đau khổ của Nghĩa bỗng nghe xúc động dạt dào. Kim muốn chồm tới ôm lấy Nghĩa, ôm lấy gương mặt đầy nước mắt đó áp vào má mình, ôm thật chặt, xiết thật chặt, để mọi niềm đau được cùng chia sẻ, để mọi nỗi hận được cùng xả bỏ. Nhưng Kim gượng lại, gượng lại vì lễ giáo, và gượng lại vì sợ không rời nhau ra được nữa... Trào lòng dâng dậy miên man, Kim nhắm nghiền mắt lại, siết những ngón tay của Nghĩa, siết với hết sức mình, siết thật mạnh, siết thật đau, siết như để nén một trời thống khổ, siết như để bóp vỡ một cái gì uất nghẹn trong tim, siết như đang cố gắng nuốt một liều thuốc đắng, siết như... siết như để chia tay lần cuối trước khi lìa đời... Kim cắn răng để đừng bật khóc!

Yên lặng. Lâu sau, Nghĩa buông tay Kim đứng lên, lùi thủi lại lấy xe đạp. Kim bước theo, nhẹ như một cái bóng. Kim mở cồng, tiếng cồng rì sét rên lên. Nghĩa dẫn xe ra, không dám nhìn lại cũng không dám nói một lời, chỉ phóng lên xe đi thẳng. Kim đóng cồng, cồng sắt lại rên lên trước khi kêu cái rầm khô khan. Kim có cảm tưởng như mình vừa bị nhốt trong tù. Ngoài kia, đã là một thế giới khác.

Khi Kim bước lên cầu thang để lên gác – cái gác lửng ba làm cho Kim ngủ và học riêng một mình trên đó – Kim bỗng nghe hai chân mình yếu đi, chẳng còn chút sức lực nào hết. Kim cố bám từng nấc thang, mồ hôi đổ ra như tắm. Lên đến bên trên, Kim chỉ còn đủ sức gieo mình xuống giường, úp mặt xuống gối, khóc ngất... Bao nhiêu nước mắt trần gian xin gởi hết cho Kim, người con gái mang tâm trạng người góa phụ.

Trời mưa Paris. Ở đây không có “mưa rồi chợt nắng” như ở Sài Gòn. Ở đây, mưa không ngập tràn cống rãnh, mưa không đưa rác trôi quanh phường phố. Cũng không có trẻ con cời truồng chạy giỡn trong mưa. Cho nên, chẳng có gì để gọi nhớ như mưa Sài Gòn...

Nghĩa ngồi một mình uống cà phê trong một bar ở khu Maubert. Hai cô đầm tránh mưa kéo vào ngồi bàn trước mặt. Những giọt mưa trên mái tóc vàng gọi nhớ những giọt mưa trên mái tóc đen của Kim hồi đó. Hồi đó, nghĩa là đã hơn bảy năm. Bảy năm không một tin tức gì hết của Kim, mặc dù đã gởi không biết bao nhiêu thư, đã nhắn không biết bao nhiêu lời qua bạn bè của hai đứa!

Cứ im lìm trống rỗng, làm như những chuyện gì đã xảy ra hồi đó chỉ là một ảo ảnh, một giấc mơ...

Những giọt mưa trên tóc hai cô đầm trước mặt vẫn lấp lánh dưới ánh đèn trong bar càng gợi lại hình ảnh Kim trong làn đọt mưa hồi đó với những giọt mưa trên tóc, rõ ràng như Nghĩa đang nhìn bây giờ. Vậy mà bây giờ....

Nghĩa đốt điếu thuốc. Hít một hơi dài bỗng nghe khói thuốc thật đáng và làm cay chảy nước mắt!

Những chuyện đời bình thường trong truyện ngắn Tiểu Tử Nguyễn Văn Sâm



Nguyễn Văn Sâm và Tiểu Tử
(hình Ngọc Ánh 2015)

Tôi biết rất ít về con người của Tiểu Tử, đại khái ông, là con trai của nhà văn tiên phong Miền Nam Võ Thành Cứ, đã từng dạy ở trường Petrus Ký một niên khóa nào đó giữa thập niên 50 khi tốt nghiệp kỹ sư từ Pháp về. Lúc đó tôi đang theo học tại trường này (54-57) (như vậy trên danh nghĩa tôi là học sinh của ông). Bây giờ ông định cư ở Paris sau một thời gian làm việc ở Phi Châu. Thỉnh thoảng ông phóng lên mạng một truyện ngắn ngắn nhưng hầu hết tình tiết trong câu chuyện thường đi sâu vào lòng người, được đón nhận với cảm tình. Điều này do ông biết chọn tình tiết nổi bật, hy sinh những điểm nhỏ không ích lợi cho toàn truyện mặc dầu sẽ làm văn trở nên sinh động và mang nhiều màu sắc văn chương hơn. Thêm vào đó, văn ông giản dị trong sự mô tả khiến người đọc dễ cảm nhận những điều ông muốn chuyển tải. Đối thoại của Tiểu Tử bình dị, không bị lệ thuộc vào tính chất cách điệu của văn chương sáng tác nên rất giống với lời nói chuyện ngoài đời. Đó là ba trong số những yếu tố thành công của truyện ngắn Tiểu Tử.

Tôi có cảm tình với truyện ngắn của Tiểu Tử qua truyện đầu tiên được thưởng thức, đó là truyện Bài Ca Vọng Cổ, truyện nói về một người thanh niên mang hai dòng máu Việt-Phi, đương sống ở Phi châu mà tác giả đã tình cờ gặp lúc anh ta ngân nga vọng cổ một mình. Anh ca để tự thưởng thức cung điệu du dương mật ngọt đặc trưng của quê hương mẹ khi đương lạc lõng trên quê hương cha. Câu chuyện nhẹ nhàng nhưng bi thiết ở chỗ bài vọng cổ đối với anh khi ngân lên coi như tiếng khóc nhớ thương về một quê mẹ xa xăm trộn lẫn với sự tiếc nuối tuổi thơ đã mất, chỉ còn lại chút ít trong trí nhớ, đồng thời là sự cô đơn của người mang hai dòng máu sống trên một quê hương tuy trên danh nghĩa là quê hương của cha mình đó nhưng xa lạ vô cùng tận vì mình không có quá khứ với nó, thiếu kỷ niệm, có thể nói là ngoại nhân đối với nó và với người chung quanh. Câu chuyện tôi cho là mang một tình tự quê hương in sâu trong trí, không cần điều liên liên tưởng cũng được chủ thể kéo về. Hàm ý về thân phận của chính tác giả cũng đang lạc lõng giữa xứ người. Truyện đơn giản nhưng chứa đặc sắc hiếm có làm người đọc không thể quên được. Nó giống các truyện nổi tiếng của những người đi trước như 'Chém treo ngành' của Nguyễn Tuân, 'Lò Chén Chòm Sao', 'Ba Con Cáo' của Bình Nguyên Lộc, 'Con Thần Lăn Chon

Nghiệp' của Hồ Hữu Tường hay 'Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư' của Sơn Nam... Đặc điểm của 'Bài Ca Vọng Cổ' là tình tự quê hương được cụ thể hóa bằng giọng ca, những giọt nước mắt và cả những câu xác định lập đi lập lại như phân trần và cần được người khác xác nhận rằng anh ta là người Việt Nam. Chắc chắn rằng ai đọc truyện này cũng cảm thấy ngùi ngùi lâng lâng buồn. Thành công của Tiểu Tử ở chỗ đó.

Tôi tìm đọc hầu hết các truyện của Tiểu Tử khi có dịp để hiểu rõ hơn hoàn cảnh và tâm tình của những người không may bị đại nạn sau cơn hồng thủy của đất nước, thường là những đề tài trong truyện của Tiểu Tử. Thỉnh thoảng hai người trao đổi vài dòng thăm hỏi bình thường với tư cách văn hữu nhưng chưa bao giờ nói chuyện về văn chương cũng như chưa từng gặp mặt. Ôi, hai lục địa xa xôi cho những người đã về hưu gần cả chục năm!

Kỳ sang Paris vào đầu Thu 2015 vừa rồi tôi hân hạnh gặp được ông trong một bữa tiệc hội ngộ thân tình với vài bạn văn quen biết nhau chút đỉnh như LS Trần Thanh Hiệp, nhà văn Vũ Thư Hiên... do anh Trần tức nhà văn Nguyễn Thị Cỏ May tổ chức tại nhà.

Đó là một người đàn ông đã quá tuổi tám mươi nhưng còn rất phong độ, mạnh mẽ, vui tánh, rất dễ gây cảm tình đầu đối với người mới gặp. Chúng tôi sau vài câu giới thiệu của chủ nhà bỗng chốc thành thân thiết vì cùng nhau có nhiều điểm giống: cùng có thời gian dạy học ở một ngôi trường lớn của Sài Gòn, cùng mang nợ viết lách, chưa nói tới yếu tố di tản buồn mà người bên ngoài nước phần nhiều ai cũng có.... Con người của Tiểu Tử ở đời thường bình dị dễ thương đặc biệt như văn chương ông, cái giọng nói tuy quá tuổi 'nghe chuyện gì cũng thuận tai' vẫn còn sang sảng lại rất ròn Nam Bộ khiến ai cũng thấy thân tình. Càng cảm tình hơn nữa khi nửa chừng bữa tiệc ông hứng khởi tự nhiên lấy nĩa khò nhíp lên bàn xuống xè một câu vọng cổ mùi mẫn. Bên Tây mà, có rượu ngon bản địa, có fromage danh tiếng sản xuất từ máy ông cha nhà dòng, có bạn đồng điệu nói chuyện thời thế, văn chương người ta dễ bộc lộ niềm vui thích của mình. Trong bữa tiệc có người từ lâu hâm mộ văn phong ông hỏi tò mò 'Sao lại là Tiểu Tử?' 'Ở tại hồi đó lâu lắm rồi, coi truyện Tàu, thấy bậc bề trên hay được xưng tụng là 'đại nhân' còn người thấp hèn thì tự xưng 'tạ hạ', 'tiểu nhân' tự thấy mình chắc hồng hơn ai nên xưng 'tiểu tử' cho yên'.

Nói xong ông bật cười hể hả ra chiều đắc ý với bút hiệu của mình. Tôi thầm nghĩ ông với bộ dạng đồ sộ, chắc nịch như Hồ Hữu Tường ngày xưa, xưng là 'đại nhân' chắc cũng chẳng ai phàn nàn gì. Xưng Tiểu Tử chỉ là biểu lộ sự khiêm cung thôi.

Câu chuyện đang rôm rả chợt có tiếng điện thoại reo, người nhận mở âm thanh cho mọi người cùng nghe – cũng lại là cái tánh chơn thật của người Nam Kỳ Lục Tỉnh – giọng người phụ nữ mềm dịu thân thiết bên kia đầu dây, ông gật gật đầu như đang đối diện: 'Ừa, anh dzia liền!' Cái giọng ngọt lịm hóm hỉnh của ông già khiến ai cũng cười, ông thêm: 'Bả nhắc bữa nay có hẹn với đốc tưa, nhắc hoài nhắc hủi sợ quên!' Tuổi già bệnh hoạn là chuyện thường nhưng xem ra Tiểu Tử còn cầm cự hơn chục năm nữa với cá tính hồn nhiên lạc quan này. Nói chung Tiểu Tử sở trường và hình như chỉ viết truyện ngắn. Tôi gọi ông là nhà văn của những sự đời bình thường trước mặt. Đời bình thường trước mặt là những chuyện không có gì đáng nói và sẽ mất tiêu trong trí nhớ đối với người bình thường, nhưng đã được Tiểu Tử lượm lên, phủi bỏ râu ria bụi bặm, ghi lại trong truyện phần cốt lõi, thế là chúng trở thành những sự kiện lóng lánh của đời. Cái hay của Tiểu Tử ở đó. Sự kiện chưa chắc đã hay, càng chẳng có chút yếu tố ly kỳ nào nhưng khi vào trong tác phẩm của Tiểu Tử lại hóa thân thành những điều người đọc nhập tâm ghi nhớ. Càng đáng ghi nhớ hơn khi ông đưa người đọc vào một tâm trạng lâng lâng u buồn.

'Khi hấn buông tôi ra, tôi thấy hai má của hấn ướt nước mắt. Tôi vội vã quay đi, làm lui bước nhanh nhanh về nhà ga mà nghĩ thương cho 'thằng Jean le Vietnamien'. Hồi nãy, nó ôm tôi, có lẽ nó đã tưởng tượng như là nó đang ôm lại được một góc trời quê mẹ..'

(Bài Ca Vọng Cổ)

Chẳng hạn như truyện ngắn Xíu. Anh chàng Bảy được người yêu dúi dúi đầu vào lưng anh lần đầu cũng là lần chót trước ngày nàng đi vượt biển nguy nan. Và:

... Xíu đi rồi, ngày nào Bảy cũng đạp xe đi long bong. Không biết đi đâu, cứ đạp chầm chậm, đạp hoài. Khát, thì tấp vô uống cái gì đó. Đói, thì tấp vô ăn đại cái gì đó. Ăn gì uống gì, không cần để ý tới nữa.

Vậy mà Bảy cũng đạp tới cái công viên nhỏ mà hai đứa thường hẹn nhau. Chàng dựng xe cạnh chiếc băng xi măng mà hai đứa thường ngồi, rồi bước lại ngồi giống như ngày xưa chàng vẫn ngồi để đợi nàng tới. Nhưng bây giờ thì chàng ngồi một mình, ngồi thật lâu. Và không biết tại sao lại phải ngồi như vậy!

Rồi lại đạp xe đi loanh quanh. Không cần biết đi đâu...

Bảy không biết rằng mình đang đi lượm những mảnh vụn của cuộc tình...

(Xíu)

Vâng, Bảy đạp xe về những chỗ cũ, ngồi xuống những chỗ trước đây anh và Xíu cùng ngồi, để lượm lại những mảnh vụn của cuộc tình do hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, đã đập nát, liệng tung tóe trên các nẻo đường. Đã gọi là mảnh vụn thì làm sao lượm lại cho hết và làm sao gắn lại cho khớp. Người đọc u buồn lây nỗi u buồn của nhân vật là vì thế.

Chuyện Lấn cũng lộ nét bi thiết cố hữu. Đó là những lời đối đáp ăn trét của bà cụ bị bệnh lú lẫn với cô giáo có lòng nhơn muốn giúp đưa bà về nhà, đó là cái nhìn vô hồn của bà đối với sinh hoạt chung quanh, đó là những lời trách móc của đứa cháu nội, nó coi bà già như cục nợ. Tiểu Tử có cái nhìn sắc sảo khi tả hành vi của bà già lấn.

Bà mặc áo bà ba vải trắng, quần lãnh đen, mang dép nhựa. Vừa đi vừa nhìn chung quanh. Bà đi một lúc lại ngồi xuống bệ gạch xây tròn chung quanh gốc cây via hè. Có khi bà ngồi chồm hồm cạnh bệ gạch, thay vì ngồi lên bệ gạch! Đi hay ngồi, bà cũng nhìn quanh. Bà nhìn mấy cửa hàng, bà nhìn từng người qua lại. Cái nhìn trống rỗng.

(Lấn)

Những lời đối đáp của bà thì không thể trích được, nó là cái xương sống của truyện. Điểm nổi bật cũng là cách nói chuyện của đứa cháu nội với bà, nó gọi cho ta thân phận đáng buồn của người già khi đến xế cuộc đời. Bên trong thì trí nhớ đã được bạch hóa chẳng còn gì, ngoài đời thường thì cho tới cháu cũng dẫn vật, trách móc, coi như gánh nặng bất đắc dĩ phải cưu mang.

Những cảnh đời nho nhỏ, đáng thương làm cho người đọc xúc động đó là căn bản cấu tạo nên truyện của Tiểu Tử. Chọn bắt những điều nho nhỏ của đời để thổi bùa thành những truyện ngắn gọi cảm là cái tài đặc biệt của Tiểu Tử không phải ai cũng có.

Viết tới câu này tôi nhớ đến trường hợp nhà văn trẻ Nguyễn Ngọc Tư ở quê nhà, cũng có khả năng tương tự nhưng đó là trường hợp khác và văn phong khác...

Victorville, CA, Dec. 23, 2015

Nguồn: sangtao.org

Mùa thu cuộc tình

Bữa ăn trưa đó của ông Năm thật giản dị: một trái cà tô mát không dầu không dấm và một miếng

thịt bò nhỏ bằng bàn tay nướng trên vỉ sắt không muối không bơ. Quá giản dị! Nhứt là hôm nay thứ bảy, không phải đi làm. Nghĩa là có dư dả thì giờ để làm một món gì đó cho có vẻ một bữa ăn cuối tuần. Cho nó khác với ngày thường ăn vội vàng cái gì cũng được. Thật quá giản dị! Nhứt là ông Năm sống một mình, không bị phiền toái bởi những chuyện vụn vặt linh tinh phải làm vào cuối tuần của người có gia đình. Ở Paris này mà sống một mình như ông Năm thì thời gian không biết phải làm gì cho hết chớ đừng nói không có thì giờ để làm một bữa ăn cho tươm tất vào trưa thứ bảy. Nói rằng ông Năm không biết làm bếp cũng không đúng. Hồi xưa, hồi còn ở bên nhà, thật tình ông Năm không biết chiên một cái trứng gà. Ông chỉ biết đi làm ngày hai buổi, còn việc bếp núc có bà Năm lo hết. Bây giờ thì khác. Ông cũng biết nấu vài món thông thường và lâu lâu cũng biết "làm" một nồi phở để đãi đôi ba ông bạn già cùng lứa tuổi và cùng thân phận lưu vong...

Như bình thường thì trưa thứ bảy, ông hay thả xuồng khu 13 la-cà ở nhà sách Khai Trí một lúc rồi sang qua mấy cửa hàng nhỏ nhỏ trên lầu Paris Stores để coi có gì lạ không. Sau đó, ông mới tập vô tiệm phở để ăn trưa, có khi một mình, nhưng thường thì với một vài người bạn gặp nhau ngoài phố. Ở khu 13 vào trưa thứ bảy, không gặp người này cũng gặp người nọ, bởi vì ai cũng đến đó để mua đồ, nói là "đi chợ Tàu" chớ thật ra là để tìm lại một chút gì hơi hướm của quê hương: những khuôn mặt gần gũi (gặp ai cũng thấy quen quen!), những món hàng còn giữ nguyên nét cũ (đòn chả lụa vẫn phải có màu xanh của lá, con vịt quay vẫn phải đỏ ao màu mật...) và những cái tên chỉ cần đọc lên là đủ để gợi nhớ... Hồi sáng này, ông Năm cũng đã đóng bộ để đi khu 13.

Trời đã sang thu, nhưng nắng còn thật ấm. Cây marronnier nhà hàng xóm nằm ngay dưới cửa sổ nhà ông Năm đã trở màu vàng. "Chắc lá đã rụng đầy", ông Năm nghĩ vậy khi đứng thất cravate gần khung cửa sổ. Chỗ ông cư ngụ là một studio nhỏ ở lầu ba khu nhà cũ nằm sâu phía sau nhà thờ Sacré Coeur. Cây marronnier che hết phía dưới thành ra từ cửa sổ nhà ông Năm nhìn thẳng ra chỉ thấy bức tường cao của khu nhà đối diện chắn ngang, chừa phía trên bầu trời bị đóng khung hình chữ nhật bởi hai dãy nhà dài. Trên nền trời đó, tuốt phía xa, là nóc nhà thờ với cây thánh giá. Thành ra, thế giới bên ngoài nhìn từ phòng ông Năm chỉ còn lại vồn vện có cây thánh giá để cái nhìn còn có một điểm tựa! Ông Năm theo đạo Phật, nhưng từ ngày dọn về đây - năm sáu năm gì rồi - cứ nhìn cây thánh giá riết mà ông có cảm tưởng như mình đã thành con chiên của Chúa! Nhiều khi ông thấy cây thánh giá thật là sinh động. Ông không hay rằng niềm suy tư của ông đã gửi trên đó từ lâu... Có lần, trong thư gửi về Việt Nam cho bà Năm, ông viết: "Anh thường nhìn cây thánh giá đứng cao vòi vọi một mình trên kia mà tự hỏi không biết anh và cây thánh giá, ai cô đơn hơn ai? Nhưng cây thánh giá hãy còn giang tay ngạo nghễ chớ anh thì từ lâu rồi anh đã buông tay đầu hàng số mệnh! Tuy nhiên, ở đây anh còn có cây thánh giá trước mắt để hướng về đó mà cầu nguyện, chớ ở bên nhà giờ đây muốn cầu nguyện em phải hướng về đâu hả em? Anh bỗng ứa nước mắt thương em vô cùng... Ở ngay trong lòng quê hương mà thiếu thốn đủ thứ, đến nỗi điểm tựa cho niềm tin mà còn không có thì em sống ra sao, em hả?" Đối với ông Năm, cây thánh giá trên chót nhà thờ Sacré Coeur mặc nhiên đã trở thành một vật gì thật gần gũi, thật trần gian, thật người, và là động cơ khơi nguồn kỷ niệm...

Hồi xưa, ông làm việc cho Air France ở Sài Gòn. Đời sống rất thoải mái, nhưng hai vợ chồng lại không có con. Chạy thầy chạy thuốc mãi rồi mới biết tại vì tử cung của bà Năm nằm lệch. Điều này làm bà Năm khóc hết nước mắt. Tuy nhiên, hồi đó còn trẻ nên cũng dễ nguôi, hai vợ chồng chẳng quan tâm cho lắm. Lần hồi, tuổi đời chồng chất, sự không có con đã trở thành một vấn đề cho hai vợ chồng. Mặc dù ông Năm không bao giờ nhắc đến chuyện đó, bà Năm vẫn khơi ra để nhận lỗi về mình. Mặc cảm đó làm cho bà lúc nào cũng ân hận, áy náy. Rồi cái gì hư, cái gì trật, cái gì bậy ở trong nhà dù là do lỗi những người giúp việc, bà cũng nhận hết. Ông Năm phải mất một thời gian dài để giải thích, khuyên lơn, an ủi, bà Năm mới lấy lại được quân bình. Có hôm, trong lúc hai vợ chồng đi dạo trên bãi biển Vũng Tàu, nhìn thấy mấy gia đình đông con đùa giỡn vui vẻ, bà Năm chợt thở dài than:

- Nếu không phải tại em thì bây giờ hai đứa mình đâu có bơ vợ như vậy!

Ông Năm choàng tay ôm vai vợ xoa người lại để nhìn sâu vào mắt:

- Em à! Mình không có con, nhưng mình còn có nhau. Đó là Trời thương lắm rồi, em còn đòi hỏi

gì nữa? Thử tưởng tượng một ngày nào đó không còn có nhau nữa thì sao?

Bà Năm gật gật đầu nhưng chẳng bao giờ tưởng tượng đến "cái ngày không còn có nhau" đó. Vậy mà cái ngày đó đã đến cho ông bà Năm. Hai năm sau ngày mất nước, trong chuyến vượt biên ở Cà Mau, ông Năm đi thoát, bà Năm bị bắt lại với một số người không may khác! Ông Năm sang Pháp, làm việc lại cho hãng Air France. Bà Năm nằm tù hết mấy tháng. Được thả ra thì nhà cửa đã bị tịch thu, đành về quê ở Gò Công làm công nhân cho nhà máy xay lúa của gia đình mà trong đợt đánh tư sản đầu tiên, VC đã tịch thu để biến thành hợp tác xã. Từ đó, là những chuỗi dài thương nhớ, là những lo âu dần vật, là những lá thư nhiều ẩn nghĩa cho đúng "văn phạm Nhà Nước". Còn chuyện vượt biên lần nữa là chuyện mà bà Năm không bao giờ dám nghĩ đến! Bên này, ông Năm chạy mãi rồi cũng được giấy nhập cảnh cho bà gọi về, nhưng phía bà Năm thì gặp quá nhiều khó khăn trong hồ sơ xin xuất cảnh, cứ bị kéo dài, kéo dài bằng những châu chực, bằng những lời hứa hẹn suông và bằng mấy lần bị lường gạt... Để cuối cùng, mấy năm sau, mới biết là hồ sơ đã bị bác từ lâu! Tin đó đến với ông Năm bằng tờ giấy tập học trò vàng như giấy súc mà trên đó bà Năm chỉ còn đủ sức viết có mấy hàng... Vậy là vĩnh viễn không còn có nhau nữa! Ông Năm mất tinh thần hết một thời gian dài. Sau đó, dọn về khu phố này tình cờ cửa sổ mở về hướng nhà thờ Sacré Coeur, để mỗi sáng trước khi đi làm ông nhìn cây thánh giá một lúc, giống như một tín đồ ngoan đạo...

Khi ông Năm mặc xong quần áo thì trời cũng đã gần trưa. Đốt điếu thuốc để lên môi, ông đóng cửa bước chậm rãi xuống cầu thang, giống như đo từng nấc thang một! Thật ra, tại tánh ông Năm vốn đã trầm thêm tuổi đã gần sáu mươi bắt ông phải cẩn thận khi bước lên bước xuống. Ngoài ra, có gì phải vội phải gấp khi mà chẳng có ai đợi ai chờ? Đi khu 13 vào trưa thứ bảy đã thành một thói quen, chẳng có gì phải náo nức. Bỗng nhiên, ông Năm nhận thấy cuộc đời mình sao thật vô vị. Giống như tờ giấy trắng mênh mông trải dài, thẳng băng, chẳng có một dòng mực, chẳng có một đốm màu, cũng chẳng có một vết hoen ố. Hình ảnh đó làm cho ông Năm dừng lại ở giữa cầu thang, ngẩn ngơ một lúc như vừa khám phá ra một điều gì quá rõ rệt nằm ngay trước mắt mà sao lâu nay ông không nhận thấy! "Mình đi làm đều đặn. Mỗi tuần xuống khu 13 cũng đều đặn vào trưa thứ bảy. Mỗi tối thứ hai đi ciné một lần vì giá vé hạ. Đêm nào cũng coi télé vào 8 giờ tối để theo dõi tin tức, rồi đọc sách đọc báo đến 11 giờ rưỡi là tắt đèn ngủ. Đều đặn. Đều đặn. Đến như cái cầu thang này, mình cũng đều đặn trèo xuống trèo lên đến nỗi biết nó có bốn mươi tám nấc! Vậy rồi thôi! Rồi cứ như vậy cho tới về hưu, tới chết!" Ông Năm hít hơi thuốc thật sâu để thở khói ra thật dài. Ông làm mấy lần như vậy, giống như đang tìm một đáp số! Rồi ông vỗ nhẹ bàn tay lên thành lan can gỗ, tự nhủ "Thôi! Đừng nghĩ tới nữa". Ông tiếp tục bước xuống, nhưng bây giờ sao thấy bước chân nặng hơn hồi nãy nhiều...

Khi đi qua trước phòng gác gian, có tiếng gọi:

- Ông Georges! Ông Georges!

Georges cũng là tên của ông Năm. Người Pháp phát âm Năm thành Nam, nghe lơ lớ chói lổ tai, nên ông lấy đại tên Georges cho dễ gọi dễ kêu. Bà gác gian bước ra trao cho ông một điện tín, nói:

- Vừa mới tới. Tôi định lên nhà đưa cho ông thì ông xuống đây.

Ông Năm run tay mở bức điện tín. Giọng chữ ngắn ngủn hiện lên nhảy múa: "Đã có xuất cảnh. Lo vé máy bay cho em. Mai". Điếu thuốc trên môi bỗng rơi xuống đất. Ông Năm có cảm giác như mình đang lên cơn sốt. Ông đọc lại điện tín một lần nữa, hai tay phải gồng cứng lại mới kèm được tờ giấy đứng yên căng thẳng dưới mắt. Ông nói cho mình nghe: "Đúng rồi! Bà được xuất cảnh rồi!"

Bà gác-dang nghiêng đầu lo lắng:

- Có sao không? Có chuyện gì không? Ông Georges?

Tiếng bà ta lời ông Năm về thực tại. Ông nhìn bà ta, mỉm cười, rồi nắm lấy tay bà ta lắc mạnh:

- Cám ơn bà! Cám ơn bà nhiều! Tôi thật không biết nói gì cho phải. Bà thật tốt bụng! Quá tốt bụng! Cám ơn! Cám ơn!

Giọng ông thật thành khẩn, làm như chính bà đã cho giấy xuất cảnh! Bà ta không hiểu gì cả, vừa ngạc nhiên vừa buồn cười trước thái độ của ông Năm. Bà áp úng trong lúc ông Năm buông bà ra

để chạy lên cầu thang:

- Nhưng mà... Nhưng mà..."

Nửa chừng, sực nhớ ra, ông dừng lại nghiêng người nói với xuồng:

- Điện tín của vợ tôi ở Việt Nam. Bà nói bà sẽ qua đây ở với tôi! Cám ơn! Cám ơn nhiều!

Rồi ông phóng lên cầu thang, nhảy hai bậc một, nhanh như sóc, nhẹ như hươu. Làm như ông mới có hai mươi tuổi!

Vào phòng, ông ngã người lên giường, thở hổn hển. Cái tuổi hai mươi bắt thần tìm lại chỉ đủ giúp ông trèo hết bốn mươi tám nấc thang thôi! Một lúc sau, ông cầm điện tín lên, đọc lại một lần nữa. Thật rõ ràng mà! Đây nè, hàng chữ không bỏ dấu "Da co xuất canh. Lo ve may bay cho em. Mai". Đọc là hiểu ngay! Còn Mai là tên của bà rồi, chớ còn ai vô đây nữa! Cái tên dễ thương mà mình đã thương từ mấy chục năm, không còn lộn với ai được. Vậy là chỉ còn có vé máy bay nữa là xong.

Ông nhòm người lên nhìn tấm lịch tháng treo gần đó để thấy rằng mình bỗng quên mất hôm nay là thứ bảy! Vậy phải đợi thứ hai mới vào sở lo vụ này được. Ông lại nằm xuống. Dễ thôi! Nhờ thằng Durand đánh cái télex là xong ngay. Ờ... nhưng mình cũng phải gửi cái điện tín về cho bà mừng. Tội nghiệp! Không biết ai chạy lo cho bà cái xuất cảnh, chớ bà thì lo khi gì được với cái tánh hiền khô và nhát hít của bà. Nghĩ đến đó, ông Năm bỗng thấy thương vợ vô cùng. Cái người đàn bà hiền khô và nhát hít đó đã về làm vợ ông từ hơn ba mươi năm, trước sau như một, theo chồng như một cái bóng. Ngoài chuyện không có con, chẳng thấy bao giờ bà làm bận tâm ông. Con nhà giàu ở Gò Công, học ở Marie Curie, vậy mà cô gái có cái tên Trần thị Lệ Mai đó đã có một quan niệm sống thật cổ điển, thật Á đông. Và khi trở thành bà Trần văn Năm, luôn luôn bà đối xử với bên chồng thật vuông tròn và xem việc nội trợ như một thiên chức! Hồi xưa, bạn bè vẫn nói là "thằng Năm trúng số độc đắc" hoặc "để bọc điều mới có người vợ như vậy". Ông thì nghĩ rằng tại vợ mình hiền khô và nhát hít nên chẳng dám làm phiền ai bao giờ. Có lẽ nhờ vậy mà ai cũng thương... Ông lại nhòm dậy nhìn tấm lịch. Trên đó ông có ghi bằng marker đồ con số 10 to bằng nửa bàn tay ở góc trái. Vậy mà cũng đã mười năm xa nhau! Mỗi năm mua lịch, mình ngồi nắn nót viết con số lên đó giống như người tù bị lưu đày ghi số năm mà mình biệt xứ. Có khác là người tù còn biết ngày được thả chớ còn mình thì mù tịt. Đã tưởng vĩnh viễn sống một mình rồi... chết cũng một mình trên đất lưu vong này, nào ngờ Trời còn thương mình nhiều quá! Ông ngồi hẳn dậy đốt điều thuốc, khói thuốc thật thơm thật ngọt. Vậy mà cũng đã mười năm xa nhau! Mười năm... lâu lắm chớ! Vậy mà sao vẫn thấy còn thương còn nhớ. Lạ quá! Có phải như vậy người ta gọi là chung thủy hay không! Rồi ông nhìn quanh. Nhà cửa thiệt là lượm lượm, phải dọn dẹp lại coi cho nó được một chút. Vậy là ông đứng lên đẩy ghế, đẩy bàn, quên mất là mình còn mặc bộ đồ lớn để đi khu 13 và làm như bà Năm sắp qua tới bây giờ! Vừa làm vừa nói một mình, lâu lâu ông ngừng lại hít một hơi thuốc thật sáng khoái. Hai cái fauteuils này cho sát vào tường, kê gần nhau để cùng ngồi coi télé. Cái télé nằm đó được rồi. Cái bàn ăn nhích qua một chút để có chỗ kéo cái nệm dưới gầm giường ra. Bà trên giường, mình dưới đất, tạm ổn trong khi chờ đợi kiếm nhà khác rộng hơn. Cái tủ búp phê đẩy tới một chút là nằm ngang với bàn ăn. Mẹ nó! Coi vậy mà cũng nặng ớn! Ông đứng lên thở hổn hển, nhìn quanh. Bây giờ coi có nét rồi đó. À! Cái màn cửa sổ, phải tháo xuống đem giặt, cho nó "sáng" ra mới được.

Rồi ông vào buồng tắm thay đồ. Đồ đạc ở đây thì sạch sẽ rồi, khỏi lo. À! Còn cái tủ quần áo ở bên phòng ngoài nữa. Phải thu gọn lại cho có chỗ để bà để quần áo chớ! Ông bỗng phì cười.

Làm như mình sắp cưới vợ vậy! Mà thiệt! Sau mười năm xa cách, gặp lại nhau cũng giống như cưới nhau lần nữa chớ gì! Ông soi gương chải lại tóc. Tóc mình mới có mấy sợi bạc thôi. Mặt mũi hãy còn "nét" lắm, ai mà nói mình sắp sáu mươi? Cô dâu qua đây thấy chú rể như vậy là nhìn... rút con mắt! Ông Năm bỗng nghe lòng vui rộn rã, giống như tâm trạng ngày xưa, thuở còn trẻ, lúc sửa soạn đi đến nơi hẹn với người con gái tên Trần thị Lệ Mai...

Vậy là trưa thứ bảy này ông Năm không thấy đói! Tuy vậy, cũng phải "bỏ bụng" một cái gì, vì thói quen hơn là vì nhu cầu. Ông mở tủ lạnh lấy một trái cà tộ mát và một miếng thịt bò. Cà xắt khoanh, không dầu không dấm, thịt nướng trần trên vỉ sắt không muối không bơ. Làm cho "lấy có" và ăn cũng cho "lấy có". Bởi vì tâm hồn ông đang mãi phiêu bồng ở đâu đâu xa lắm, hình như

là ở Gò Công quê vợ, ở Gia Định quê mình, ở những ngày đầu "hai đứa gặp nhau" (những ngày đó, tiếng nói của tình yêu là một chuỗi dài im lặng!), ở rạp hát bóng Đại Nam là nơi "hai đứa hẹn hò" (Dù trời mưa anh cũng tới. Em nghe không?), ở Đà Lạt ít lâu sau đó... Chao ôi! Đẹp quá! Dễ thương quá! Tình yêu là cái gì mà sao mãi mãi vẫn còn nguyên, như mới hôm qua hôm kia...

Ông Năm lái xe lên phi trường Charles de Gaulle lần này là lần thứ hai. Hồi sáng, đã lên đó một lần, đợi cả tiếng đồng hồ để được thông báo là chuyến bay Air France từ Thái Lan qua sẽ đến trễ gần tám tiếng. Nhờ là nhân viên của hãng nên ông Năm được biết là máy bay bị trục trặc kỹ thuật ở Karachi. Trở về sở làm, ông ngồi đờ đẫn không yên, lâu lâu cứ nhìn đồng hồ. Bạn bè trong sở thấy vậy thương hại, mỗi người một câu an ủi trấn an. Có người ngồi lại gọi chuyện tán dóc cho ông đỡ thấy sốt ruột. Có người đặt tay lên vai ông bóp mạnh:

- Georges! Đợi chờ nhau mười năm mà mày còn chịu nổi huống gì chỉ có mấy tiếng đồng hồ nữa thôi. Can đảm lên chứ!

Vậy rồi thời gian cũng qua, chiều cũng xuống, để ông Năm lái xe đi phi trường, lòng náo nức xôn xao trong sự đợi chờ kỳ diệu. Vào phi trường, ông gắn thẻ nhân viên lên ngực áo rồi đến quầy Air France hỏi thăm. Mô phật! Lần này máy bay sẽ đến đúng giờ.. Hai cô tiếp viên trong quầy không quen ông Năm nhưng thấy đeo thẻ Air France, nên cũng hỏi đẩy đưa:

- Ông chờ đón bạn à?

Ông mỉm cười, vừa bước đi vừa trả lời:

- Không! Tôi đón nhà tôi. Chào hai cô.

Phi trường giờ này nhiều chuyến bay cùng đến một lúc nên người đi kẻ lại tấp nập. Ông Năm ngồi uống cà phê, hút thuốc, nhìn thiên hạ. Ông thấy ai cũng dễ thương hết! Ông muốn họ uống với ông một tách cà phê, hút với ông một điếu thuốc lá. Cà phê espresso thật ngon. Khói thuốc Dunhill thật ngọt. Tâm hồn ông Năm được trải rộng mênh mông...

Lại nghĩ đến bà Năm. Bả "điệu" lắm! Lúc nào cũng sạch sẽ gọn ghẽ. Tóc lúc nào cũng chải gọn về phía sau rồi cuốn thành một vòng kẹp lại phía trên ót, thành ra khuôn mặt trái soan và cái cổ tròn lúc nào nhìn cũng rõ nét. Còn về quần áo thì bả chẳng bao giờ mặc loại có màu sắc sặc sỡ loè loẹt, luôn luôn hoặc đen hoặc xanh đậm và nếu có bông thì cũng phải tiếp màu với nền vải và hình dáng phải nhã nhặn, nho nhỏ tương xứng với tầm vóc của bả. Hà! Bả hiền khô và nhát hít vậy mà về vấn đề ăn mặc bả khó đàng trời! Người ta nói bả có "gout". Mình cũng nghĩ như vậy, nhưng nếu bả không có thân hình đều đặn cân đối thì không biết cái "gout" để vào đâu cho nó nổi! Ông hít một hơi thuốc dài sáng khoái. Hồi đó sao mà mình mê bả quá, nhứt là đôi bàn tay có ngón thon dài sang trọng và cặp mắt đen to như mắt đằm làm cho cái nhìn của bả lúc nào cũng có vẻ như ngạc nhiên. Điều lạ là sau này khi đã đứng tuổi, bả vẫn còn giữ nguyên đường nét thời con gái. Thành ra lắm khi nhìn bả, mình muốn trêu chọc bằng câu "Gái không con mà nom cũng mơn con mắt", nhưng vì sợ bả buồn nên mình nín thinh luôn!

Ông Năm ngừng suy tư trên hình ảnh đẹp của bà vợ, mỉm cười vu vơ. Lại hút thuốc, lại nhìn thiên hạ. Hớp cà phê cuối cùng đã nguội ngắt mà sao vẫn còn thấy ngon lạ lùng. Bỗng ông bật cười. Sau bảy mươi lăm, sống với Việt Cộng mà bả vẫn tiếp tục "điệu" như thường! Trong lúc người ta lôi quần áo cũ rách ra bán và để mặt mũi tóc tai lôi thôi léch thếch cho có "tác phong cách mạng" thì bả vẫn gọn ghẽ sạch sẽ như thường, vẫn chút đỉnh má hồng, chút đỉnh son, vẫn quần dài áo ngắn tươm tất, mặc dù phải đạp xe đi làm công nhân ở tổ may thêu xa bảy tám cây số. Mình hay trêu chọc bả bằng câu nói của Việt Cộng "Song chân lý ấy vẫn không bao giờ thay đổi", bả cười không nói. Vậy mà có hôm, bả trả lời bằng một câu... xanh dờn: "Đàn bà phải biết tự trọng. Làm như mấy bà cách mạng tóc tai xù xộp, quần áo xốc xếch rộng rinh hoặc ngắn ngủn như mặt đồ khỉn, em làm không được"...

Có tiếng nhạc chuông diu dặt, tiếp theo là giọng bỗng trầm của cô tiếp viên thông báo chuyến bay Air France số AF 199 đến từ Thái Lan đã đáp xuống sân bay. Ông Năm đứng lên trả tiền, xong đi vào phía trong qua ngã văn phòng trực của hãng. Ông nghe lòng vừa náo nức vừa hồi hộp giống như ngày xưa khi đứng chờ xem kết quả thi tú tài! Ông ra đón tận cổng vào. Có hai

chuyến bay đến từ hai nơi khác nhau nhưng đồ hành khách xuống cùng một lúc, nên sân bay đầy người. Giữa cái lao xao lộn xộn đó, ông Năm nghễnh cổ tìm vợ trong luồng người thoát ra từ cổng F, cổng của chuyến bay Air France. Ông nhìn từng khuôn mặt, từng người. Ông nhìn, ông chớp mắt để nhìn cho rõ hơn. Những gương mặt Á đông phờ phạc. Những gương mặt Á đông hốc hác. Những gương mặt Á đông xanh xao. Ông nhìn, ông chòm tới, nhích tới để nhìn. Bà để nhìn lắm. Lúc nào cũng sạch sẽ gọn ghẽ. Lúc nào cũng điệu. Trong đám đông, bà nổi hơn người ta nhờ nước da trắng hồng của gương mặt trái soan và đôi mắt lớn, cho nên dễ nhận ra lắm. Không phải bà này. Bà này già quá cũng không phải. Bà này coi ngờ ngờ nhưng đi chung với bầy con nít, không phải bà. Ông nhón chân lên để cái nhìn được đưa ra xa thì tai thoáng nghe hình như có tiếng người gọi nhỏ: "Ông Năm!" Ông vẫn tiếp tục nhìn từng người, từng khuôn mặt. Lại có tiếng người gọi nhỏ, lần này tiếng gọi lạc đi:

- Ông Năm...

Nghe rõ có tiếng ai gọi mình, ông nhìn lại. Ngay phía trước, đứng cách ông chỉ mấy bước, người gọi ông là một bà già tóc muối tiêu hớt bom bê ngắn như mấy bà Tàu Chợ Lớn, mặc áo len nâu rộng thùng thình, ống tay dài phủ mắt hai bàn tay đang xách mỗi bên một túi vải. Chỉ mới nhìn tới đó thôi, linh tánh bắt ông nhìn lại gương mặt: khuôn mặt gầy xạm nắng với những nếp nhăn trắng trắng ở khoé môi và đuôi mắt. Ngăn đó thứ giống như miếng cau khô, chỉ trừ có hai con mắt là sinh động, là mở to như có vẻ ngạc nhiên, là nói lên, là nhắc nhở, là... là... Trời ơi! Là vợ tôi đây mà! Ông Năm nghẹn ngào bước tới, hai tay đưa về phía bà già và chỉ còn đủ sức gọi có một tiếng: "Mai!" Ông ôm lấy vợ mắt nhắm nghiền đau đớn. Tội nghiệp! Người vợ chỉ dám gọi chồng bằng hai tiếng "Ông Năm!" như người xa lạ, và chỉ dám gọi có hai lần. Và khi chồng nhìn ra mình, ôm chầm lấy mình, người vợ đó chỉ còn nói được bằng nước mắt!

Ông Năm buông vợ ra để nhìn lại lần nữa. Ông nghe nghẹn lời và nghẹn cả lòng. Ông chỉ còn nói được bằng hai bàn tay... Hai bàn tay vượt làn tóc bạc bây giờ sao quá thẳng quá ngắn. Hai bàn tay ôm lấy khuôn mặt bây giờ sao không lấp đầy hai lòng bàn tay. Hai bàn tay đặt xuống bờ vai bóp nhẹ. Dưới lớp áo len, ông cảm rõ nét gầy của bờ vai bây giờ. Bây giờ... Hồi đó... Từ trong sâu thẳm của lòng ông, nỗi đau khổ tột cùng bỗng bật lên thành tiếng, một thứ tiếng nói lạch lạch méo mó vì uất nghẹn: "Sao vậy nè?" Rồi, không kèm chế nỉ nữa, không cần giữ gìn ý tứ gì nữa, trong cái rùng người xào xạc đó, ông ôm lấy vợ, ngửa mặt lên trời hét lên một cách thống thiết: "Sao vậy nè... Trời?" Tiếng "Trời" nặng trĩu thoát ra từ lòng ngực ông như tất cả sinh lực trong người được trút ra hết... Rồi ông ôm lấy vợ, nước mắt ràn rụa. Bà Năm cũng khóc nhưng vẫn không buông rời hai cái túi vải. Hơn mười năm sống với Việt Cộng, đã trở thành một bản năng: nắm chặt, giữ chặt những gì còn thuộc về mình, những gì mà "tụi nó" chưa kịp chiếm lấy, cướp lấy!

Một lúc lâu sau, phải một lúc lâu sau, ông Năm mới lấy lại bình tĩnh. Ông nói:

- Thôi mình về đi em!

Tiếng "em" thật tự nhiên, thật nhẹ nhàng. Tiếng "em" mà đã mười năm, bà không còn nghe thấy! Bà cắn môi để kềm xúc động, nhìn chồng mà đuôi mắt nheo lại mỉm cười. Bà nghe một cái gì mát rượi đang len vào lòng, một cái gì đã làm rơi mắt từ hơn mười năm, bây giờ mới tìm gặp lại. Mãi đến bây giờ, ông Năm mới thấy trong đôi mắt vợ, nét cũ ngày xưa: to tròn như mắt đằm, tròng đen lay láy. Đôi mắt đó đang nhìn ông, cái nhìn ngời lên như muốn nói thật nhiều... Ông cúi xuống định xách hai túi vải. Bà Năm lắc đầu:

- Để em xách!

Tiếng "em" cũng thật tự nhiên thật nhẹ nhàng. Giọng nói thật dịu dàng, trong trẻo. Làm như nước mắt đã tẩy sạch dấu vết của mười năm... Ông vói tay cầm lấy quai túi:

- Để anh xách cho.

Bà Năm vừa bước đi, vừa nói, tay vẫn nắm chặt hai túi vải:

- Không sao. Em xách được. Ở bên, em gánh lúa mỗi ngày cho nhà máy, có sao đâu.

Ông Năm bỗng nghe lòng quặn thắt. Thì ra "tụi nó" đày đọa bà đến nước đó! Bà tội gì? Tội gì? Tội vượt biên? Thì đã ở tù trên ba tháng rồi còn gì nữa? Vậy tội gì? Ông Năm nghiêng cái cằm thù trong răng để đừng chửi đổng, nhưng rồi ông cũng bật ra:

- Quân khốn nạn!

Về đến nhà thì trời đã xầm tối. Lần này thì chính ông Năm xách hai túi vải, đi trước dẫn đường, lòng vui như mở hội. Đến chân cầu thang, ông nói:

- Ở từng lầu ba lận. Em leo nổi không?

Bà Năm trả lời, giọng vẫn trong trẻo:

- Gì không nổi? Bây giờ em làm cái gì cũng nổi hết.

Rồi bà bước lên cầu thang, bước đều đặn. Ông Năm theo sau, nhìn dáng dấp nhỏ thó với mái tóc bạc hớt bom-bê cao ông bỗng thương vợ vô cùng. Mười năm... Mái tóc huyền mà ngày xưa hay kéo sát về phía sau để cuốn tròn kẹp gọn một vòng trên ót... bây giờ chỉ còn là như vậy! Cái cổ tròn dẫn xuống bờ vai thon thon của hồi đó... bây giờ gầy nhom như vậy! Mười năm... Chắc bà phải khổ ghê lắm, phải chịu đựng ghê lắm mới ra nông nổi này! Tội nghiệp! Người đàn bà hiền khô và nhát hót đó chưa làm phiền lụy ai bao giờ, vậy mà Việt Cộng vẫn moi ra một cái cớ nào đó để hành hạ. Và như vậy suốt mười năm. Lam lũ quá nên bà già trước tuổi, chớ bà cũng còn giữ được cái nhìn, giọng nói và tâm hồn... những thứ mà Việt Cộng không cưỡng chiếm được! Vào nhà, ông Năm bật đèn lên, bà Năm nhìn quanh mỉm cười, không nói. Ông Năm đặt hai túi lên bàn ăn, rồi cũng nhìn quanh:

- Nhà của anh đó. Nhỏ như cái lỗ mũi. Tạm một thời gian rồi mình sẽ kiếm nhà khác rộng hơn.

Bà Năm dịu dàng:

- Như vậy cũng được. Có hai đứa mà gì...

Bỗng nhiên hai người nhìn nhau. Tiếng "hai đứa" nhắc cho họ nhớ tới hoàn cảnh bây giờ, một hoàn cảnh mà từ lúc gặp lại nhau bao nhiêu thống hận dập dồn đã làm họ quên đi: bây giờ "hai đứa" vẫn còn có nhau, thật sự còn có nhau. Rồi sẽ không còn gì chia cách. Rồi sẽ đi bên nhau, đi hết đoạn đường còn lại, một đoạn đường không còn bao nhiêu xa... Bởi vì họ biết: họ đang bước vào mùa thu của cuộc đời... Cho nên họ nhìn nhau mà yêu thương dâng đầy trong mắt.

Bà Năm bước lại cửa sổ. Ngoài xa trên nền trời trắng đục, hiện lên thật rõ cây thánh giá và nóc nhà thờ Sacré Coeur. Bà Năm hỏi:

- Cây thánh giá này đây?

Câu hỏi trống không nhưng hai người cùng hiểu: cây thánh giá mà ông Năm viết đi viết lại không biết bao nhiêu lần trong thư gửi về Việt Nam. Ông bước lại khoác vai vợ, gật gật đầu. Hai người yên lặng nhìn cây thánh giá như đang tạ ơn, giống như đang rước lễ, giống như cô dâu chú rể sau khi được kết hợp thành vợ chồng... Thời gian bỗng như dừng lại, để hình ảnh trở thành bất diệt, nói lên cái cao cả của tình yêu, cái huyền diệu của niềm tin... những thứ mà Việt Cộng muốn xóa bỏ để biến con người thành gỗ đá. Một lúc lâu sao, bà Năm như sực tỉnh:

- Để em soạn đồ ra.

Rồi bà bước lại bàn mở hai túi vải. Ông Năm đốt điều thuốc, khói thuốc lảng lảng nhẹ. Ông ngồi cạnh giường nhìn vợ soạn đồ bằng đôi bàn tay xạm nắng với những đường gân nổi lên ngoài ngoè. Đôi bàn tay đã từng có ngón tay thon dài khéo léo từ đường kim mũi chỉ... bây giờ là như vậy! Ông thấy thương vợ vô cùng. Bà Năm soạn đồ ra để trên bàn: vài bộ quần áo, mấy cái khăn lông, một cái mền nhỏ... Vừa làm bà vừa nói:

- Có bao nhiêu, em đem theo hết. Nói là đi chánh thức chớ không biết lúc nào tụi nó bắt mình lại. Có nhiều người lên máy bay rồi mà còn bị lôi xuống, không biết vì cớ gì. Rồi khi được thả ra là trắng tay.

Bà lấy trong túi ra một khuôn hình, trao cho ông Năm:

- Em đem hình ông già bà già qua để lâu lâu mình thắp một cây nhang.

Ông Năm nhìn hình cha mẹ, lòng bồi hồi xúc động. Hình này, hồi đó, để trên bàn thờ nhà cũ. Nhà bị tịch thu, không hiểu bà làm sao lấy được để mang qua đây? Ông đứng lên nhìn quanh, rồi treo khuôn hình lên cây đinh trên tường đối diện.

Có tiếng bà Năm nói:

- Em có đem qua cho anh chai rượu nếp than nữa. Nhớ hồi đó anh ưa lắm.

Ông quay lại, cầm chai lên mở nút. Chưa đặt miệng chai lên mũi mà mùi rượu ngọt ngào thơm phức tỏa ra thật nồng nàn.. Ông hít một hơi dài, đóng nút lại, rồi nhìn chai rượu mà ứa nước mắt.

Nỗi nhớ quê hương nằm sâu trong tiềm thức, bây giờ, mùi rượu nếp than, màu rượu nếp than đã làm bật dậy, vô cùng mãnh liệt. Ông tưởng chừng như vừa hửi thấy mùi thơm quê hương. Có mùi ngọt ngọt của lúa chín, có mùi nồng nồng của rơm của rạ, có mùi hăng hăng của đồng un đốt cạnh chuồng trâu chuồng bò... Ông tưởng chừng như đang giữ trong tay một mảnh trời quen thuộc. Ở đó có màu tím lờn lợt của hoa bằng lăng, có màu tím nâu nâu của vỏ măng cụt, có màu tím học trò của trái mồng tơi, và những tà áo tím phất phơ theo gió qua cầu, với những chiều tím quê ngoại, đứng ngắm ngơ bên sông Vàm Cỏ khi tuổi vừa mới lớn... Chao ơi! Ngần đó thứ, tưởng quên nhưng vẫn nhớ. Ngần đó thứ bây giờ xa thật xa.. Xa, không phải vì cách biệt, mà xa vì không còn thuộc về mình nữa!

Ông Năm cầm chai lắc lắc, bột nếp than tím ngát dợn lên trong lòng chai. Ông mở nút rót thẳng vào miệng một hớp. Chát rượu béo ngậy ngọt ngào cay cay nhắc ông nhớ những quán nhậu ở Hóc Môn, những món thịt rừng ở Biên Hoà, những con cá mú sữa kho tộ ở Vũng Tàu bãi sau bãi trước... Ông ngậm lấy hớp rượu để nghe rõ chát rượu đang thấm vào nướu răn, đang thấm vào các thớ thịt cổ, đang thấm lên nóc giọng, đang nồng lên mũi. Ôi! Mùi vị quê hương là đây... ông không cầm được nước mắt!

Bà Năm vẫn âm thầm soạn đồ đạc. Bà hiểu ông Năm lắm và nghe thương chồng vô cùng. Tội nghiệp! Mười năm xa quê hương... Ông Năm vào phòng tắm rửa mặt rồi ra chỉ chỗ cho vợ xếp quần áo. Xong ông bảo:

- Anh đã làm sẵn mấy món ăn cho hai đứa. Để anh đem ra hâm. Em đặt bàn đi. Đồ đạc trong tủ búp phê đó.

Bà Năm nghi ngờ:

- Anh mà làm bếp cái nổi gì? Mua ở tiệm thì có.

Ông Năm cười sáng khoái:

- Em làm rồi! Bây giờ, anh làm cái gì cũng được hết. Nấu bếp, giặt đồ, làm ménage ... đủ thứ.

Rồi em coi! À... đặt bàn em nhớ để một đĩa sâu cho món súp légume và một đĩa trệt cho món gà nấu rượu, nghe!

Bà Năm mỉm cười, thấy chồng sung sướng mà lòng cũng thênh thang trải rộng. Một lúc sau, hai vợ chồng ngồi vào bàn ăn. Trên bàn cũng có hai cây nến. Cũng khăn trải bàn trắng phau, cũng khăn ăn màu xám lợt, cũng đĩa trắng chạy chỉ vàng, cũng nĩa dao cán gỗ có nét vẽ cong cong nhẹ nhẹ. Và không quên hai ly rượu có chân, đựng chút rượu nếp than có màu tím đậm đà và hương thơm mời mọc. Ông vui vẻ:

- Như vậy mới đúng là nuit de nocces chứ, phải không em?

Bà Năm nhìn chồng không nói, nhưng vành tai bỗng đỏ bừng. Bà nói lảng:

- Súp ngon chớ! Anh học nấu ở đâu vậy?

Ông để ngón tay trở lên môi, về bí mật:

- Hùm... Không nói đâu! Ông Tiên người Tàu chuyên nấu đồ Tây chỉ đó, dặn anh đừng nói cho ai biết!

Rồi cả hai cùng cười vì hình ảnh ngộ nghĩnh đó, cái cười hồn nhiên tìm lại sau mười năm xa nhau...

Bữa ăn kéo dài bằng những chuyện kể cho nhau nghe, nhớ đâu kể đó, không mạch lạc đầu đuôi, bởi vì trong thời gian mười năm có biết bao nhiêu sự việc đã xảy ra làm sao mà nhớ cặn kẽ cái nào sau cái nào trước! Dọn dẹp xong thì trời đã khuya. Hai vợ chồng chia nhau, bà nằm trên giường, ông nằm trên nệm dưới đất. Tắt đèn đã lâu mà hai người vẫn còn trần trọc. Làm như còn thèm nói chuyện với nhau nữa! Bóng tối dày đặc vây quanh. Không khí trong nhà êm êm mát mát. Mùi rượu nếp than và mùi thuốc lá Dunhill còn phả phất thơm thơm. Bỗng bà Năm nghe một bàn tay của chồng đặt lên mình mình. Toàn thân bà run lên nhẹ nhẹ. Hơi thở của bà bỗng trở nên phập phồng. Một cảm giác dường như thật cũ, mà cũng dường như thật mới, dịu dịu ngây ngây... Bà không biết nữa! Rồi, không tự chủ được, bà cầm bàn tay chồng áp lên má, lên mũi, lên môi. Bàn tay này tưởng đã vĩnh viễn không còn nhìn thấy, cảm lấy. Da thịt này tưởng đã vĩnh viễn không còn đụng chạm sờ mó được. Mười năm... Mười năm... Nước mắt bỗng chảy dài xuống hai bên tai, bà Năm thốt lên nho nhỏ: "Mình!" Chỉ có một âm đơn độc, nhưng sao tiếng

"mình" nói lên thật nhiều, diễn tả thật nhiều. Tiếng "mình" mà mười năm nay ông Năm không còn nghe. Tiếng "mình" gọi lên tình nghĩa vợ chồng, nỗi niềm chia sẻ. Tiếng "mình" cũng là tiếng nói của yêu đương, của hài hoà sum họp. Và tiếng "mình" ở đây, trong hoàn cảnh này, sao nghe thật mời mọc dâng hiến... Người đàn bà mười năm khổ hận đó, vợ ông, cần được yêu thương thật nhiều để bù lại. Tiếng "mình" gọi nhỏ trong đêm bỗng nghe tiếp nối... Bỗng hồi xúc động, ông Năm chồm lên ôm lấy vợ, hôn tràn lên tóc, lên má, lên môi. Ông nghe trong tay, thân xác gầy còm của vợ run lên như đang cơn sốt. Và tai ông còn nghe những tiếng "mình" đứt quãng ú ớ như tiếng nói trong chiêm bao...

Cuộc tình của tuổi vào thu âm thầm như lá rụng bên ngoài nhưng cũng nồng nàn ngọt lịm như hớp rượu nếp than cùng chia nhau khi nãy. Có mùa chớm thu nào mà không thấy còn sót lại vài tia nắng hạ?

Tôi muốn câu chuyện này chấm dứt ở đây cho cuộc tình được đẹp như bài thơ, được vuông tròn như trong tiểu thuyết. Nhưng trên thật tế không phải như vậy. Bởi vì... Một tháng sau đó, bà Năm ngã bệnh, phải vào nằm nhà thương. Bà bị ung thư phổi, ở thời kỳ chót. Bà đã giấu ông Năm lâu nay, bây giờ bà mới cho biết: hồi còn ở Việt Nam, nhờ khám thấy ung thư nên bà mới xin được chiếu khán xuất cảnh. "Nhà nước Cách Mạng vốn khoan hồng nhân đạo, nên cho phép chị sang thăm chồng đấy! Chớ chị không nằm trong diện được cứu xét nào cả. Rõ chưa?" Gã cán bộ trao giấy phép cho bà Năm, mà nói như thật! Tụi nó dư biết rằng có giữ bà lại cũng chỉ tốn gạo tốn khoai thêm vài tháng nữa và là một miệng ăn phi sản xuất, chẳng lợi lộc gì cho "nhân dân". Thà tống đi gấp để khỏi phải chôn thêm một người, chật đất!

Ông Năm đã ngồi bên giường vợ suốt thời gian cuối cùng. Ông đã cảm bàn tay còn mang tỳ vết của mười năm gian khổ. Ông đã ôm gương mặt phong trần chưa kịp đổi hồng sau mấy tuần sống đầy hạnh phúc. Và cuối cùng, ông đã chải lại mái tóc bạc chưa kịp dài để được cuốn tròn kẹp lên sau ót, như ngày xưa...

Ông đã gục lên thân xác gầy khô, khóc với tất cả nước mắt còn lại.

Mùa thu đó, lá rụng thật nhiều.

Viết một chuyện tình

Mấy lúc gần đây, không hiểu sao, tôi bỗng thèm viết một chuyện tình! Từ ngày tập tễnh viết văn, nhớ lại, tôi chưa từng viết chuyện tình nào cả. Điều này làm tôi cũng ngạc nhiên, bởi vì, chuyện tình là chất liệu mà các nhà văn khai thác thờuơng nhứt và nhiều nhứt. Từ những ngòi bút mẫn non của tuổi học trò qua những nhà văn "tài tử" hay đã thành danh... có ai không từng viết chuyện tình? Chỉ có tôi là chưa. Lạ thật!

Vậy mà bây giờ tôi bỗng thèm viết một chuyện tình. Ở cái tuổi về chiều của tôi, "thèm" như vậy không biết có phải là triệu chứng của sự hồi xuân hay không? Người ta nói mấy ông già ở tuổi hồi xuân "ghê" lắm, "mắc dịch" lắm. Vì vậy, khi về già, tôi hay bị ám ảnh bởi cái tuổi hồi xuân đó, và không biết lúc nào "nó" bùng ra để biến tôi thành ông già "mắc dịch"! Cho nên khi cảm thấy thèm viết chuyện tình, tôi tự hỏi: "Có phải là nó đến đó không?". Hỏi mấy ông bạn già – già hơn tôi để có nhiều kinh nghiệm – thì người nào cũng cười cười: "Nó đó!". Nếu thật là "nó" thì cái sự hồi xuân của tôi không đến nỗi nào "ghê" lắm. Trái lại, nó có vẻ nhẹ nhàng tao nhã nữa. Bởi vì tôi chỉ có thèm viết chuyện tình thôi!

Dĩ nhiên, tôi không có cao vọng viết một chuyện tình loại "để đời" như "Lan và Điệp", hay như "Roméo và Juliette". Tôi chỉ thèm viết một chuyện tình tầm thường, chẳng éo le gút mắt gì hết, nhưng phải là một chuyện tình sống thực.

Vậy là đầu hè năm nay, tôi bắt đầu giàn dựng "một chuyện tình"...

Muốn viết một chuyện tình, đầu tiên là phải có một chàng trai và một cô gái. Dễ quá ! (Còn chuyện tình giữa hai đực rựa với nhau hay giữa hai kiêu nữ với nhau mà người ta gọi một cách văn vẻ là " đồng tính luyến ái "... loại chuyện tình tréo cẳng ngỗng đó không nằm trong sự thèm viết của tôi ! Mô Phật !). Chàng trai không cần phải " đô con ", cô gái không cần phải đẹp như người mẫu. Hai nhân vật mà tôi muốn " dựng " lên phải giống như mọi người bình thường, nhưng họ phải trẻ (Lạ quá ! Sao chuyện tình nào cũng phải có nhân vật trẻ hết ! Làm như ở lứa tuổi sồn sồn chuyện tình bị ... xơ cứng, không gợi cảm hứng cho nhà văn nữa !) Và họ phải dễ thương ! Ở nhà vợ chồng tôi không có bàn viết. Lâu nay, tôi viết ở bàn ăn. Cho nên, muốn viết phải ... canh giờ, bởi vì gần tới giờ cơm là phải đi chỗ khác. Sau bữa ăn, dọn dẹp xong, mang giấy bút trở lại bàn ăn để viết tiếp thì ý văn nó đã đi đâu mất !

Lần này, thèm viết chuyện tình – lại là lần đầu tiên viết chuyện tình – tôi muốn được viết một cách ... trơ tráo, nghĩa là không bị bắt buộc ngừng ngang để trả bàn ăn lại cho bữa ăn, và tôi được tự do ngắt câu văn ở chỗ nào mà tôi xét thấy ý văn vẫn nằm nguyên ở đó ngoan ngoãn chờ, và nhứt là xấp giấy tôi viết vẫn giữ nguyên vị trí xiên xiên của nó trên mặt bàn – tôi có tặt đặt giấy không thẳng góc với cạnh bàn mới viết được ! – để khi tôi ngồi trở lại viết tôi không cảm thấy có sự gián đoạn ! Muốn được như vậy, tôi phải có một cái bàn riêng để viết.

Chủ nhứt đó, tôi nói chuyện cái bàn viết cho hai thằng con tôi nghe, khi chúng nó chờ gia đình lại nhà tôi ăn cơm (Nhà của vợ chồng tôi ở trong một làng nhỏ – ngoài đồng, xa Paris. Các con tôi, vì đều làm việc ở Paris, nên có nhà ở trong đó. Cuối tuần, tụi nó hay chờ nhau ra thăm ông bà nội vì nhà có sân trước vườn sau rộng rãi cho mấy đứa nhỏ chạy giỡn nô đùa). Tụi nó hỏi :

- Ba cần cái bàn bao lớn ?

- Không cần phải loại bureau lớn làm gì. Ba chỉ cần một bàn nhỏ cỡ sáu tấc một thước có một hộc ở giữa để bản thảo và giấy bút. Nhẹ nhàng vậy thôi.

Hai hôm sau, thằng con lớn chờ tới một cái bàn đúng y như tôi muốn. Tôi cho nó đặt bàn ngay trong phòng vợ chồng tôi ở trên lầu, cạnh cửa sổ. Ngồi ở đó, tôi có cái nhìn thật thoải mái. Nhìn lên là trời cao trong vắt – thời tiết đang là mùa hè – Nhìn xuống là khu vườn sau nhà tôi với mấy cây ăn trái đầy trái và khoảng đất trồng rau trồng cà của vợ tôi. Cuối vườn là hàng rào trúc bá diệp thấp thấp. Tiếp theo đó là vườn sau của nhà phía bên kia, lớn hơn vườn nhà tôi, bởi vì nó có một hồ tắm.

Tôi nói với con tôi :

- Đó ! Phải ngồi một chỗ như vậy, phải có cái nhìn như vậy, mới có hứng viết văn. Con thấy không ?

Thích quá, tôi với lấy xấp giấy trắng và cây bút bi để ở đầu giường đem đặt lên bàn, rồi ngồi vào ghế, khoan tay ngã người lên thành ghế, mắt nhìn thẳng ra cửa sổ. Tôi có cảm tưởng như chuyện tình mà tôi muốn viết, tôi vừa viết xong !

Đúng lúc đó, vợ tôi bước vào phòng. Bà la lên :

- Trời ơi ! Đặt cái bàn viết kiểu gì kỳ vậy ! Phòng chỉ có một cửa sổ mà ông ngự ở đó không cho ai xài hết. Bộ hết chỗ để rồi sao ?

Thằng con giải thích :

- Ba viết văn, ba cần ngồi ở chỗ có cái nhìn khoáng đãng. Với lại ba cũng đâu có che hết cái cửa sổ đâu mà má la.

- Ông bày đặt chuyện đó. Xưa nay, ông viết ở bàn ăn chớ viết ở đâu ? Bây giờ, ông đòi mua bàn để có chỗ cho ông ngồi ngay cửa sổ ông dòm con đầm ở trường nằm phơi nắng ở nhà bên kia kia. Thằng con cười hề hề, còn tôi thì nghe như vừa bị tặt cho một xô nước lạnh !

Sự thật, con đầm nhà bên kia, mùa này, sáng nào cũng ra hồ tắm bơi lội rồi phơi nắng, nhưng nó có mặc mai-dô hàng hoàng. Và chỗ nó nằm phơi nắng – nhìn từ cửa sổ phòng tôi – bị mấy cây ăn trái của vườn nhà nó che khuất. Mà cho dù nó có nằm ngay trước mắt chắc tôi cũng không ngừng viết để nhìn. Bởi vì con đầm đó đã lớn tuổi, thân hình mập phì có ngấn có ngấn, chẳng còn một nét nào hấp dẫn để bắt cái nhìn của tôi dừng lại lâu lâu...

Tôi làm thinh, đứng lên tự tay kéo cái bàn đẩy vào một góc phòng. Thằng con tiếp tay đem cái ghế qua. Vợ tôi nói có vẻ hài lòng :

- Đó ! Vây, coi đợc không.

Tôi vẫn làm thnh, ngồi lên ghé lấy xấp giấy trắng đặt nằm xiên xiên về phía trái rồi cầm bút để viết cái tựa " Một Chuyện Tình ". Tôi viết chậm rãi, chm chú, kẻ từng chữ một, loại chữ in – chữ hoa – loại chữ mà mình có thể đồ đi đồ lại từng nét nhiều lần, để đợi thời gian đi qua ... Và để cho vợ con tôi thấy tôi đang viết, tôi cần sự yên tnh để viết, và nhưt là tôi cần ngồi một mình để viết.

- Thôi ! Mình xuống dưới nhà đi má. Để cho ba viết. Vớ lại con phải trở về Paris ngay, sợ kẹt xe. Khi mẹ con nó đi ra, tôi chưa viết xong chữ " Một " ! Tôi buông bút, nhìn bức tường màu trắng đục nằm cách tôi sáu tấc mà thấy ở đó một khoảng không mênh mông lênh loãng, còn tôi thì chơi với một mình, chơi với một mình. Tự nhiên, tôi thờ dài...

Tâm trạng đó rồi cũng đi qua (Trời đã ban cho tôi tiếng thờ dài thật là màu nhiệm !) Tôi lại tiếp tục giàn dựng chuyện tình trong đó đã có hai nhân vật chánh.

Bây giờ, phải cho họ gặp nhau. Nếu là chuyện xảy ra ở Pháp thì dễ quá : trai gái ở đây gặp nhau " hà rầm ", không có cơ hội họ cũng bày ra cơ hội. Đàng này, chuyện tình mà tôi muốn viết là chuyện tình Việt Nam một trăm phần trăm. Thành ra phải có " cái nhìn " khác.

Thời bây giờ, chắc không còn chuyện ông mai dẫn chàng trai đi coi vợ như thời tôi còn trẻ. Còn sắp xếp để cô phù dâu phải lòng anh phù rể thì sao có về tiểu thuyết quá ! Cho nên, tôi cho họ gặp nhau ở nhà một người bạn chung, trong một dịp nào đó, sinh nhật hay đám giỗ hay tiệc tất niên gì gì .

Đến đây thì hơi khó. Bởi vì tôi không biết khi chàng trai " chịu " cô gái, anh phải làm sao ? Còn cô gái ? Làm sao thấy cô ta " chịu " chàng trai ? Và lúc nào thì hai cái " chịu " đó ... đụng nhau để có sự " giao lưu hai chiều " ? Có lẽ chàng sẽ mỉm cười nhìn nàng. Có lẽ nàng sẽ mỉm cười nhìn lại với hai vành tay ửng đỏ (Nghe nói con gái nhạy cảm hơn con trai trong lãnh vực tình yêu ! Ở đây chắc đúng như vậy).

Sau vài tua trao qua trao lại cái nhìn, chắc chàng phải tìm cách lại gần nàng để bắt chuyện (Đọc nhiều chuyện tình, tôi để ý gần như lúc nào đàn ông cũng " đi " trước) Và chắc nàng chỉ đợi có như vậy, cho nên thấy nàng tiếp chuyện ngay và có phần phần khởi nữa.

Vây rồi họ quen nhau. Rồi hẹn hò (Có chuyện tình nào mà không có cái vụ hẹn hò ?) Ở Sài Gòn – chuyện xảy ra ở Sài Gòn, điều này tôi quên nói ở đoạn trước ! – có nhiều chỗ để hẹn hò. Hồi đó, hồi mấy con tôi còn nhỏ, tôi hay đưa tụi nó đi sở thú hay vườn Tao Đàn. Tôi còn nhớ đã thấy biết bao nhiêu cặp hẹn hò ở hai nơi đó ... Vây, chỗ hẹn hò cho hai nhân vật trong chuyện không thành vấn đề.

Họ hẹn nhau và gặp nhau vài lần hay nhiều lần gì đó, không quan trọng. Điều quan trọng là không có vụ lỗi hẹn trong chuyện tình mà tôi muốn viết bởi vì tôi thấy lỗi hẹn, rồi giận hờn, rồi nước mắt ... v.v... nó cái lương quá và sự lỗi hẹn đã đợc nói quá nhiều rồi trong các chuyện tình. Bây giờ, viết một chuyện tình không có lỗi hẹn, có lẽ nó sẽ gần gũi với cuộc sống bình thường hơn. Nó thật hơn và chắc chắn sẽ dễ viết (Lần đầu tiên viết chuyện tình, chọn cái gì dễ để viết cho nó ... tron !)

Cái không dễ viết – đối với tôi – là những chi tiết. Ví dụ như đoạn chàng và nàng bắt đầu tỏ tình sau nhiều lần hò hẹn. Họ phải làm sao ?

Nhớ lại, hồi đó, tôi đi coi vợ mấy lần. Lần nào cũng có một ông mai dẫn đi (Sao hồi xưa có nhiều người làm nghề mai mối quá. Vây mà thiên hạ vẫn chê rằng : " Ở đời có bốn cái ngu : làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu " !) Đến lần coi vợ thứ mấy tôi không nhớ nhưng nhớ là lần cuối cùng, tôi ... gật đầu. Vây là sau đám hỏi cô gái đó và tôi " dính " nhau rồi dính luôn cho đến bây giờ ! Dĩ nhiên là có lẽ " sí lờ " rồi có đám cưới (Lễ " sí lờ " là đàn trai trầu rượu đến đàn gái xin xác nhận ngày làm đám cưới, mặc dù hai bên đã OK với nhau từ lâu !) Chuyện tình hồi đó thật là dễ ợt. Bởi dễ ợt như vậy cho nên viết chuyện tình trong bối cảnh thời bây giờ, có nhiều chỗ tôi không biết tả ra làm sao cho sống thật !

Tôi đã đọc nhiều chuyện tình, chẳng lẽ tôi " cốp " lại sao ? Thì thôi cố gắng tưởng tượng vậy.

... Sau nhiều lần hò hẹn – có đi xi-nê, có đi ăn phở, có đi ăn kem ...v.v... những thứ phải có để hai người gần lại – một hôm (Thường thì là một ngày đẹp trời, bởi vì bộ diên sao mà hò hẹn

dưới mưa ?), chàng làm gan cầm lấy bàn tay của nàng, cầm bằng cả hai bàn tay, thận trọng như cầm một báu vật sợ nó tan đi hay rơi mất. Nàng không rút tay về. Chỗ này, có lẽ nàng sẽ thẹn thùng nhìn xuống (Đẹp quá ! Phản ứng đầu tiên của người con gái !) Rồi, như đã lấy một quyết định, nàng vừa đặt bàn tay còn lại lên hai bàn tay của chàng vừa ngước lên để hai nụ nhìn giao nhau. Rồi giữ nguyên như vậy rất lâu ... rất lâu ...

Đọc tiểu thuyết thấy nói " chàng và nàng nhìn nhau đắm đuối ". Ở đây, chắc " đắm đuối " là nhìn như vậy. Tôi chưa từng biết cái nhìn đắm đuối nó ra làm sao nhưng hiểu nghĩa đen của mỗi từ (" đắm " là chìm , " đuối " là kiệt sức), tôi tưởng tượng ra được trạng thái kỳ diệu của đôi trai gái nhìn nhau đắm đuối : không còn biết gì hết, không còn thấy gì hết, tất cả đều tan biến, không gian thời gian ... chỉ còn lại có hai người là hiện hữu. Tôi nghĩ : tình yêu chắc phải tuyệt vời lắm nên con người mới chết lịm được như vậy.

Giàn dựng đến đây, tôi cảm thấy thật vui. Bởi vì, dù không có kinh nghiệm sống, tôi vẫn đưa " Một chuyện tình " đi một cách tự nhiên như thật. Tôi đứng lên bước lại cửa sổ hít một hơi dài sáng khoái. Qua kẽ lá hàng cây, tôi thấy lỗ chỗ dạng con đằm nhà bên kia đang nằm phơi nắng. Tôi tiếc sao nó không đẹp để tôi khỏi thấy oan ức khi bị vợ tôi " nói này nói nọ ". Rồi tôi lại nghĩ : tôi có nhìn người đàn bà đẹp thì cũng giống bà đứng " chết trân " khi bà nhìn kim cương lấp lánh. Vậy mà sao...

Có tiếng vợ tôi dưới nhà nói vọng lên :

- Trời nắng giũ. Ông xuống tưới giùm vườn rau, coi ông. Con đằm nó ra phơi nắng rồi kia ! Tôi bật cười, lặng lẽ xuống tưới rau mà thầm phục vợ tôi có tài ghép vào với nhau hai sự kiện hoàn toàn khác biệt.

Suốt buổi đó, tôi tưới rau, quét lá khô, nhổ cỏ dại mà trong đầu vẫn giàn dựng tiếp chuyện tình của đôi trai gái yêu nhau mà tôi đã để lại trên bàn viết.

... Họ nhìn nhau đắm đuối, rồi, không kèm được, chàng ôm lấy nàng. Chàng nghe trong vòng tay thân hình mềm mại của người yêu run lên nhẹ nhẹ. Nàng hơi ngã người về phía sau, nhịp thở đứt quãng, bờ môi khép hờ. Mùi con gái tiết ra thoang thoang làm chàng ngây ngất ! Chàng cúi xuống hôn nhẹ lên môi người yêu, hơi vội vã như sợ mất đi phút giây huyền diệu đó. Nàng nhắm mắt ...

Ở đoạn này, điều mà tôi chắc chắn có, là cái " mùi con gái ". Bởi vì hồi đó, trong buổi " ăn nằm " đầu tiên, tôi khám phá ra cái mùi con gái trong thân thể của vợ tôi. Cái mùi đó thật là nhẹ nhàng trinh nguyên nhưng vô cùng quyến rũ. Nó phai đi lần lần theo thời gian để được thay vào bằng mùi dầu thơm đàn bà, cái mùi nhân tạo có khi đậm đặc đến tàn nhẫn !

Khi tôi hình dung " nàng nhắm mắt ", tôi ngẩn ngơ hết mấy phút. Làm sao người con gái, khi nhắm mắt như vậy, có thể ... hốt hồn mình được ? Lúc đó, chắc tình yêu đã phải căng đầy đến mức độ mà chẳng còn gì chẳng phải cho nhau ... Đẹp quá !

Rồi thì chắc phải cho họ hôn nhau thật sự, hôn nhau nồng nàn. Họ nhắm mắt hôn nhau để chỉ còn cảm nhận có tình yêu đang quán đặc trên làn môi ...

Một lúc sau, một lúc lâu sau, họ buông nhau ra để nhìn nhau. Nhưng lần này không phải cái nhìn đắm đuối mà là cái nhìn sáng rực hạnh phúc, cái nhìn được kèm theo cái mỉm cười mãn nguyện, bởi vì họ đã nói hết cho nhau những gì họ muốn nói, dù họ không có nói lên bằng lời... Để thương không ?

Rồi họ cặp nhau đi, ôm lấy lưng nhau mà đi, bước đi phiêu phiêu như không chạm đất. Bởi vì họ còn ở trên mây tình yêu...

Đến đây, tôi nghĩ có thể tạm chấm dứt chương đầu của " Một chuyện tình ". Cứ để nó " lửng lơ " như vậy mà đẹp. Tôi rất hài lòng và có cảm tưởng như tôi vừa đi chung với chàng trai và cô gái đó trên một đoạn đường đầy hoa thơm cỏ lạ mà tôi chưa từng được đi qua !

Làm xong công chuyện ở vườn sau, tôi lên lầu thay đồ đi tắm. Tôi thấy trên bàn viết có mấy chồng sách đặt ngổn ngang. Bước lại xem, thì ra là mấy quyển Lịch Sách Tử Vi của vợ tôi. Mấy quyển này – nhiều lắm, bởi vì năm nào bà cũng mua ba quyển khác nhau và những quyển của mấy năm trước bà vẫn còn giữ lại – bà để trong tủ quần áo thay vì để trên kệ sách phòng khách, bởi vì bà chỉ đọc nó ở trên giường ! Tôi hỏi vọng xuống nhà:

- Ủa ! Sao bà để sách ở đây vậy ?
- Để tạm, trong khi tôi soạn lại tủ quần áo. Không có chiếc bàn viết của ông đâu mà lo !
Tôi đưa hai tay lên không rồi bỏ mặc cho nó rơi xuống. Cử chỉ tôi đầu hàng đó ! Bởi vì tôi đã quen với cái " tạm " của bà, cái " tạm " thường kéo dài năm bảy tháng, đôi ba năm !
Tắm xong, tôi hăng hái ngồi vào bàn viết, mặc dù tôi bị vây quanh bởi mấy chồng sách tử vi !
Chuyện tình còn đang ngầy ngật trong tôi, tôi phải viết ra ngay để đừng sót một chi tiết nào hết, đừng quên một rung động nào hết. Tôi viết say sưa như viết chuyện thật đời mình ! Càng viết, tôi càng nghe nhẹ trong lòng, làm như là những gì chất chứa ở trong đó được trút ra lần lần trên từng trang giấy...
Tôi viết mà quên thời gian. Có tiếng vợ tôi gọi từ dưới nhà :
- Ông ơi ! Xuống ăn cơm.
Tôi " Ờ ", nhưng vẫn tiếp tục viết. Được mấy dòng, tôi tự nhủ : " Xuống ăn chớ để bà đợi ".
Tới giữa cầu thang, nhìn xuống thấy trên bàn ăn có mấy đĩa đồ ăn, một tô cơm và chỉ có một cái chén và một đôi đũa. Ngồi vào bàn, tôi hướng về phía bếp, hỏi :
- Bà không ăn sao ?
- Ăn rồi ! Đợi ông ăn đặng đói rã ruột à !
Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu : " Hay là mình trở lên viết tiếp chuyện tình ? Ăn một mình thì ăn lúc nào không được " Nhưng tôi vẫn bới cơm vào chén vì thấy nếu đã ngồi vào bàn rồi mà bỏ đi thì vợ tôi sẽ cho rằng tôi chê cơm của bà, rồi sanh chuyện ! Bà đâu hiểu rằng, đối với tôi bây giờ, ăn không quan trọng bằng viết, bởi vì tôi đang thèm viết.
Bỗng tôi nhớ lại câu nói của một đại văn hào người Pháp hay người Mỹ gì đó tôi quên, rằng : " Thông thường , các nhà văn hay viết những gì mà họ không có ".
Tôi ngẩn ngơ một lúc rồi đưa chén lên môi lùa cơm vào miệng như tôi lùa lá khô vào một góc vườn, hồi nãy.

Phụ đính

Làm thinh

Cái làng nhỏ đó nằm gần biển Manche, cách thành phố Etretat (miền bắc nước Pháp) độ 10 km. Trong làng có chừng năm chục nóc gia nằm chụm nhum lại thành một khu, trừ một cái nhà nằm rời xa một mình về phía biển. Người trong làng gọi cái nhà đó là " nhà ông Lê ".

Cách đây mấy năm, ông Lê – người Việt Nam độ 40 tuổi – từ Paris ra đây mua lại cái nhà đó để làm nhà nghỉ mát. Mùa hè và các ngày lễ lớn, ông đưa vợ con – vợ người Pháp và hai con trai chín mười tuổi – ra đây đổi gió và lâu lâu ông cho bạn bè mượn năm bảy hôm. Ông có mượn một người trong làng – tên Jean Marie – trông nom nhà cửa và cất tĩa vườn tược cây trái.

Mới đầu, người trong làng cứ tưởng ông Lê là người Tàu. Cho nên, họ hơi dè dặt. Chừng biết ông là người Việt Nam, họ cởi mở hơn, thân thiện hơn. Làm như, đối với họ, người Tàu là người ngoại quốc xa lạ, còn người Việt Nam thì ít nhiều gì cũng đã từng được xem là người...trong nhà ! Họ càng có cảm tình với ông Lê khi biết rằng ông qua Pháp học từ hồi mười lăm tuổi, rằng ông tốt nghiệp trường Arts et Métiers, rằng ông làm chức lớn trong cơ quan Nhà Nước .v.v...Họ hay nói với nhau:" Vợ chồng ông Lê thật dễ thương".

Vùng này cao hơn mặt biển hai ba chục thước mà cuộc đất lại không lồi lồi xuống lặn khi ra gần biển như ở những nơi khác, nên không có bãi. Ở đây, biển đậm thẳng vô bờ, loại bờ đá dựng thiên nhiên sừng sững như một bức tường cao thật cao. Những ngày biển động, sóng đập vào

chân tường đá nghe âm ầm ầm. Vì nhà ông Lê nằm cách bờ đá dựng không xa, nên vào những ngày đó, từ trong nhà nghe âm vang tiếng sóng giống như những tiếng thờ dài...

Hè năm đó, ông Lê và gia đình ra đây nghỉ mát chỉ có ba tuần thay vì một tháng như thường lệ. Ông nói với ông Jean Marie – người quản gia – rằng phải trở về Paris để đón cha mẹ từ Việt Nam qua. Ông Jean Marie hỏi ông có định đưa ông bà cụ ra đây chơi không thì ông Lê trả lời rằng không, bởi vì ông bà cụ mới xuất ngoại lần đầu tiên nên phải đợi một thời gian cho quen với khí hậu phong thổ.

Vậy mà chỉ mười ngày sau, thấy ông Lê chở ra đây một ông già tóc trắng với hai va-ly hành trang. Người quản gia nghĩ: " Chắc định ở lâu nên mới mang hành trang nhiều như vậy ". Ông Lê giới thiệu: " Đây là cha tôi. Còn đây là Jean Marie, quản gia". Sau đó, ông nói: " Trong thời gian cha tôi ở đây, tôi xin nhờ bà Jean Marie lo dùm việc nấu nướng giặt giũ giống như những lúc gia đình tôi ra đây nghỉ mát. Có điều là cha tôi không thể đi chợ ở Etretat như chúng tôi vẫn làm lâu nay, nên tôi nhờ ông bà lo giùm luôn vụ này. Đổi lại, tôi sẽ tặng tiền thù lao của hai ông bà lên mười phần trăm. Tôi xin ông bà chấp nhận cho".

Sau khi gọi điện thoại về nhà bàn tính với vợ, ông Jean Marie bằng lòng. Tiếp theo đó, ông Lê trao cho ông Jean Marie một số tiền và nói: " Đây, tôi gởi ông bà một tháng tiền chợ. Tôi dự trừ dự dả phòng khi cha tôi cần mua những gì khác, nhưng nếu thấy thiếu thì điện thoại cho tôi hay để tôi gởi ra thêm. Mỗi cuối tháng, tôi sẽ gởi tiền để gởi đầu cho tháng kế tiếp, ông bà yên tâm". Ông Jean Marie hỏi: " Còn bà cụ đâu ? Sao không cùng ra đây với ông cụ ?". Ông Lê trả lời như không trả lời: " Mẹ tôi ở Paris". Rồi sau khi nói mấy lời cảm ơn ông Jean Marie, ông bắt tay từ giả người quản gia và ông già tóc trắng để trở về Paris, vội vã như không muốn vấn vương gì nữa ! Thấy ông Lê đối xử với ông già tóc bạc như là một người quen thường, ông Jean Marie vừa ngạc nhiên vừa bất nhẫn, bởi vì ông nhận thấy rõ ràng ông già tóc bạc đó và ông Lê thật sự giống nhau như hai cha con...

Ông già ở trong nhà ông Lê như một cái bóng. Ông không xem tê-lê, không nghe ra-đi-ô. Ông cứ ngồi ở xa long hút thuốc liên miên, mắt nhìn thẳng ra cửa kiếng hướng về phía biển, giống như đang coi một cái gì ở ngoài đó. Ở ngoài đó không có gì hết ! Không có một cái cây, không có một lùm bụi. Cỏ dại cũng không mọc cao. Mặt đất trống trơn chạy thẳng ra bờ đá dựng. Từ chỗ ông ngồi, nhìn ra chỉ thấy đất và trời. Lâu lâu, vài con hải âu bay phớt ngang, và lâu lâu trên nền trời trong xanh của mùa hè, một sợi mây đi lạc... Chỉ có bao nhiêu đó, vậy mà ông cứ ngồi nhìn, nhìn đăm đăm...

Mới đầu, ông bà Jean Marie cứ tưởng rằng ông già không biết nói tiếng Pháp. Nhưng sau mấy lần hỏi han thấy ông trả lời trôi chảy mạch lạc, ông bà mới yên tâm. Có điều là hỏi thì ông mới trả lời chớ không thấy bao giờ tự ông gọi chuyện. Suốt ngày, ông làm thình. Cần dùng gì thì ông viết ít chữ rồi gắn trên mặt tủ lạnh. Ông bà Jean Marie thấy vậy cũng ráng giữ ý không làm tiếng động khi quét dọn hay đi ra đi vào. Nhiều khi, họ có cảm tưởng như trong nhà không có ai hết ! Chỉ có mùi khói thuốc là nhắc đến sự hiện diện của ông già...

Ông già đó tên Lê Tư. Hồi thời trước – cái thời mà miền nam Việt Nam chưa biết mùi cộng sản – ông Tư là một nhà thầu xây cất rất có bề thế ở Sài Gòn. Ông giao du rộng, lại "biết cách giao du", thêm giỏi tính toán sắp xếp nên ông trúng thầu nhiều công trình lớn của Nhà Nước và của các công ty ngoại quốc. Do đó, càng ngày ông càng nổi tiếng và sự nghiệp thì cứ nhân lên gấp năm gấp mười. Dù vậy, ông không bao giờ chối bỏ cái gốc hàn vi của ông và rất tự hào đã bắt đầu bằng hai bàn tay trắng.

Ông thường nói: "Hồi tôi từ Đà Nẵng vô Sài Gòn, tôi chỉ có một chiếc xe đạp cũ và cái nghề thợ hồ. Ban ngày đạp xe đi làm, ban đêm đạp xe đi học thêm ở Trung Tâm Văn Hoá Pháp và hội Việt Mỹ. Hồi thời đó, quanh năm suốt tháng, tôi chỉ biết có thất lưng buộc bụng, ăn uống kham khổ, để dành tiền gửi về cho cha mẹ ở Đà Nẵng và để đóng các học phí. Vậy mà tôi vẫn không ngã lòng. Lúc nào trong đầu tôi cũng nghĩ rằng phải cố gắng vươn lên, bởi vì không ai giúp mình bằng mình hết. Nhờ vậy mà bảy tám năm sau, tôi đã có một cơ sở vững chắc để cạnh tranh với các nhà thầu khác. Rồi thì xây cất hết công trình này đến công trình khác, có khi hai ba công trình cùng một lúc, cơ sở cứ lớn dần dần để trở thành bệ thế như ngày hôm nay. Nghe tôi nói tôi bắt đầu sự nghiệp bằng con số không chẳng có mấy ai tin hết".

Khi đã khá giả, ông mới cưới vợ. Ông hay nói đùa: "Tình phải có tiền đi theo nó mới vững. Giống như bê-tông phải có cốt sắt nó mới bền!".

Ông bà Lê Tư chỉ sanh có một người con trai đặt tên Lê Tuấn. Năm Tuấn được mười lăm tuổi, ông gửi con qua Pháp học. Ông muốn nó học ngành kỹ nghệ để sau này trở về nối nghiệp ông. Ông nói: "Việt Nam mình cạnh tranh không nổi với hãng thầu ngoại quốc bởi vì mình có binh mà thiếu tướng". Và ông hy vọng trong tương lai, con ông sẽ thực hiện những công trình vĩ đại, vượt trội hẳn những gì ông đã làm. Để cho ông được nở mặt.

Cái tương lai đó bỗng tắt ngúm chỉ trong một thời gian ngắn sau ngày 30 tháng tư, 1975...

Trước cái ngày đen tối đó, một người như ông Lê Tư dư sức để di tản dễ dàng. Vậy mà không thấy ông nhúc nhích. Ông cứ điềm nhiên hút thuốc, uống trà, xem truyền hình, nghe ra-đi-ô. Giống như một kẻ bàng quan. Bà Lê Tư thì cứ đi ra đi vô, hết gọi điện thoại cho bà bạn này đến gọi cho bà bạn khác. Rồi thúc giục ông đi di tản. Bà nói:

- Trời ơi! Mấy bà đi hết rồi kia!

Ông cười:

- Thì ai sợ cứ đi. Bà yên tâm. Tôi bảo đảm không có sao hết. Nói thiệt với bà, "họ" đã liên lạc với tôi cách đây hơn tháng, nói rõ rằng họ cần dùng những người như tôi để xây dựng lại đất nước. Cho nên, bà thấy tôi không? Tôi bình chân như vại!

Điều mà ông không nói cho bà biết là từ bao lâu nay, ông vẫn đều đặn gửi tiền giúp cách mạng qua ngã thằng cháu – cũng gốc liên khu năm như ông – đang hoạt động ở mấy tỉnh miền Đông. Chính người cháu đó đã cho người về gặp ông để giải thích rõ ràng chủ trương đường lối của cách mạng. Nhờ vậy, ông mới vững tâm tin tưởng.

Đâu dè, sau khi cách mạng "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", cách mạng quay về đánh tư sản. Ông Lê Tư cũng "bị" mời đi "làm việc" như mọi người. Ông có xuất trình giấy chứng minh của liên khu bảy, là vùng ông đã giúp đỡ?, nhưng lá "bùa" đó không linh! Ông cũng có nghĩ đến thằng cháu cách mạng, nhưng bây giờ ông không biết nó ở đâu để gọi nó đến làm chứng. Vì vậy, ông vẫn bị mời tới mời lui để "làm việc". Mỗi lần làm việc, họ quay ông như...con dế! Đến nỗi về sau, mệt mỏi quá, chán chường quá, thấy nói gì cũng vô ích, nên ông bèn làm thinh, mặc cho họ muốn nói gì thì nói, hỏi gì thì hỏi. Rồi đến lần "làm việc" cuối cùng, ông cũng làm thinh ký tên trên xấp giấy tờ họ đưa ra, ông ký mà không thèm đọc qua một chữ! Lần đó, ông bước ra khỏi cơ quan, có cảm tưởng như đang sống trong một thế giới khác, một thế giới...lộn ngược! Ông không còn khái niệm không gian thời gian. Ông chỉ biết rằng sau cái phút ký tên đó, ông trắng tay. Và ông còn nghe trong đầu câu nói ớn ngợa "nhờ ông đã sớm giác ngộ cách mạng nên không

phải đi cải tạo". Ông lái xe về nhà như một người máy. Ông đâu biết rằng trong cuộc "đòi đòi vĩ đại" này, con người đâu còn sống bằng lý trí : con người chỉ sống bằng bản năng thôi !

Về đến trước cổng nhà, bỗng nhiên ông Lê Tư nhận thức rằng tất cả những gì trực thuộc về ông bây giờ chỉ còn lại người vợ đang đợi ông ở nhà...

Xưa nay, mọi việc trong gia đình đều do ông quyết định. Bà Lê Tư luôn luôn làm theo ý của ông, không bao giờ thắc mắc. Bởi vì bà hoàn toàn tin tưởng vào người chồng mà lúc nào bà cũng cảm phục như một thần tượng. Bà nói : "Từ bàn tay trắng dựng nên sự nghiệp đồ sộ như vậy, không phải ai làm cũng được!". Và bà thường ví chồng bà như một cây cau vững chắc để bà bám vào đó như một giầy trâu...Vậy mà bây giờ...bây giờ...Ông Lê Tư không biết ví mình như cái gì nữa. Cách mạng mà ông đã giúp từ ngày ông dựng nghiệp, hôm nay nhân danh gì gì đó, đã biến ông thành con số không. Dễ dàng như người ta cầm nui giẻ bôi hết những hàng chữ phấn trên một bảng đen, bôi mà không cần biết những hàng chữ đó viết những gì ! Chỉ trong có một khoảnh khắc, ông chẳng còn gì hết và bản thân ông cũng không là gì hết ! Ông đã trở thành một "thứ gì" đó không có tên, một sản phẩm của cách mạng mà sách vở xưa nay chưa thấy có định nghĩa !

Ông bước vào nhà mà cảm thấy mình lêu bêu như bọt nước, không làm chủ được gì hết, kể cả làm chủ chính bản thân mình ! Cái biệt thự có hồ tắm vườn hoa, có năm ngăn bảy nắp, mà ngày xưa ông đã xây cất cho tương xứng với địa vị xã hội của ông...bây giờ bỗng trở nên ngạo nghễ, vô duyên.

Nhà vắng teo. Một số gia nhân đã xin nghỉ việc từ những ngày sôi động, số còn lại đã được cho nghỉ ngay sau ngày 30 tháng tư. Bà Lê Tư chắc đang làm gì ở dải nhà sau nên ông không nghe tiếng động. Ông đốt điếu thuốc rồi ngồi xuống phờ-tơi nhìn thẳng ra vườn. Ông nhìn mà không thấy gì hết ! Yên lặng...

Tiếng bà Lê Tư làm ông giật mình :

- Sao ông ? Họ đòi gì nữa vậy ?

- Họ đâu có đòi. Họ lấy.

- Lấy gì ?

- Lấy hết tài sản của mình.

Giọng bà bỗng cao lên một nấc :

- Lấy hết tài sản ?

Ông nhìn bà rồi trả lời bằng cái gật đầu. Giọng của bà lại cao thêm một nấc :

- Gì lạ vậy ? Tự nhiên rồi đòi lấy tài sản của người ta. Đó là ăn cướp chứ đâu phải lấy ! Rồi ông trả lời làm sao ?

Ông thở mấy hơi thuốc, rồi mới nói :

- Thì tôi giao hết lại cho họ chứ còn làm sao ?

- Bà chỉ kêu lên được một tiếng "Trời" rồi ngồi phịch xuống ghế, mắt nhìn thẳng ra vườn. Bà nhìn mà cũng không thấy gì hết ! Yên lặng...

Một lúc sau, ông nói, giọng thật trầm tĩnh :

- Bà nghĩ coi. Bây giờ họ là kẻ chiến thắng. Quyền sanh sát nằm hết trong tay,

họ muốn nói gì làm gì mà không được.

- Còn luật pháp để đâu ?

- Luật pháp của ai ?

Bà làm thinh. Một lúc sau, bà nói :

- Hôm trước ông nói họ đã móc nối với ông để ông ở lại giúp họ xây dựng gì gì đó. Sao bây giờ họ lột hết của ông vậy ?

Ông làm thinh. Khói thuốc trong miệng bỗng trở nên thật đắng. Ông nghe thềm một hộp trà hay một hộp nước lạnh, hay bất cứ một chất lỏng nào cũng được...để ông nuốt xuống " cái gì đó" đang nghẹn ngang ở cổ. Ông dụi điếu thuốc rồi đi lại bar ở góc xa-long rót một ly nhỏ Porto uống ực một cái, giống như người ta bị mắc xương. Xong ông trở lại phô-tơ ngồi xuống, đốt điếu thuốc. Chất rượu đang nồng trên mũi, nhưng sao khói thuốc vẫn còn nghe thật đắng !

Giọng bà Lê Tư có vẻ trách móc :

- Chớ phải ông nghe lời tôi đi di tản như thiên hạ thì đâu có sao.

- Đi di tản cũng mất hết chớ hơn gì.

- Sao mất hết được ? Ông quen lớn nhiều mà không hốt được một mớ đem đi theo à ? Có nhiều người còn gởi được bàn ghế và vô số đồ cổ nữa. Như anh X., như anh T., như ông tướng Z...toàn là bạn thân của ông không.

Ông làm thinh. Bà vẫn nói, càng nói giọng càng gay gắt :

- Thà rằng mình đi, cái gì không đem theo được là mình bỏ. Tụi nó có lấy, cũng là lấy những gì mình bỏ. Chớ còn bây giờ, tụi nó bóp họng ông để lấy, bộ ông không thấy tức sao ?

Ông làm thinh. Ngừng một lúc như để suy nghĩ, rồi bà nói một câu giống như bà đóng sập cánh cửa sắt để nhốt ông trong một nhà tù :

- Chẳng bằng ông muốn ở lại để giúp cách mạng chớ gì ? Phải không ?

Ông nuốt nước miếng mấy lần, rồi tiếp tục làm thinh. Bây giờ, ông thật sự thấy mình như bọt nước trôi lêu bêu, không bám được vào đâu hết...

Chiều bữa đó, cách mạng đưa đến mười mấy thanh niên trai gái và một toán bảo vệ cầm súng để làm công tác kiểm kê. Họ bắt mở hết các học, các kệ, các tủ...để họ đem ra đếm từng món, không bỏ sót một nơi nào hết, một món nào hết. Đêm, họ ngủ lại trong nhà ông Lê Tư để sáng sớm hôm sau họ tiếp tục. Xong công tác kiểm kê, người cán bộ chỉ huy chỉ định một nhóm bốn

người ở lại để canh giữ những gì đã kiểm kê, sợ ông bà Lê Tư...ăn cắp mang đi ! Gã còn nói như ra lệnh :

- Từ hôm nay trở đi, anh chị phải dọn ra nhà sau để ở, không được bước lên đây nữa. Anh chị cũng không được quyền sử dụng chiếc ô-tô bây giờ thuộc diện quản lý của Nhà Nước. Khi ra vào nhà, anh chị phải dùng cái cổng hậu, không được đi bằng cổng chánh. Rõ chứ ?

Ông Lê Tư làm thinh. Bà Lê Tư cũng làm thinh. Nhưng hai sự làm thinh đó không cùng một ý nghĩa : ông làm thinh vì biết rằng có nói gì cũng vô ích còn bà làm thinh là vì bà hận ông vô cùng !

...Từ ngày dọn xuống ở trong một nhà phụ – có ba dải nhà phụ trước đây dùng cho gia nhân – và từ ngày biết rằng văn phòng, các kho vật liệu, kho dụng cụ cơ giới, biệt thự ở Núi Lớn Vũng Tàu, các chương mục ở ngân hàng...v.v. đã hoàn toàn nằm trong tay Nhà Nước, bà Lê Tư ít nói chuyện với ông. Nhưng hầu như ngày nào bà cũng ngồi nói một mình, nói trống, cố tình nói lớn tiếng để cho ông "phải" nghe. Bà cứ lải nhải với giọng trách móc chanh chua, hết chuyện tin lời cách mạng, đến chuyện mất hết của cải, rồi bắt qua chuyện di tản, chuyện ở "chui rút" trong nhà của bếp của bồi...Còn ông thì cứ làm thinh ngồi nghe, nghe riết mà tóc của ông càng ngày càng bạc trắng !

Thời gian đi qua...Một hôm bà bỗng nói với ông :

- Tôi đã nhờ người quen trong toà đại sứ liên lạc được với thằng Tuấn ở Paris. Nó sẽ lo giấy tờ cho mình qua bến.

Bây giờ, mọi sự đều do bà quyết định, ông chỉ làm thinh đi theo. Bây giờ, người chồng " thần tượng" của thời trước chỉ còn là một cái bóng ! Bây giờ, bà mới là thân cây cau, còn ông , ông chỉ là một thứ giậy trâu...Đúng là một sự "đổi đời vĩ đại" !

Ít lâu sau, chính bà đã chạy chọt dứt lốt để có xuất cảnh cho hai vợ chồng bay qua Paris, vào giữa mùa hè năm đó.

...Ông Lê, người con trai của ông bà Lê Tư, đến đón ông bà ở phi trường Charles De Gaulle. Gặp lại nhau, mừng mừng tủi tủi. Ông Lê Tư có cảm tưởng như mình vừa sống lại. Ông ôm con siết mạnh, rồi buông ra để nhìn. Lòng tràn sung sướng, ông vừa cung tay đặt nhẹ lên vai con, vừa chửi đổng : " Cha mày !" . Rồi tiếp : " Ba tưởng không còn gặp lại con nữa chứ !" Trong một khoảnh khắc, ông tìm lại được lời nói và cử chỉ của một con người bình thường, con người của thời trước tháng tư 1975...

Trên đường về nhà, ông Lê vừa lái xe vừa hỏi về những chuyện đã xảy ra ở Việt Nam trong những ngày sôi động của tháng tư, nhứt là ở đoạn " mấy thằng Mỹ kéo nhau chạy sút quần". Nghe lời nói và giọng điệu của con, ông Lê Tư cảm thấy có " cái gì không ổn", nhưng ông nghĩ : " Có lẽ tại nó ở bên này lâu quá nên nó nói tiếng Việt không biết chọn lời". Rồi ông kể lại những điều mắt thấy tai nghe. Người con lâu lâu khoái chí, vỗ tay lên tay lái, gục gặc đầu : " Cho tụi nó chết!"

Bỗng người con hỏi :

- Còn mấy thằng tướng ngụy ?

Câu hỏi đó như một ánh sáng bật lên trong bóng tối để ông nhìn thấy rõ sự thật: không phải con ông không nói rành tiếng Việt mà là con ông nghiêng về phía bên kia, cái phía đã lật lọng, ăn

cháo đá bát, cái phía đã lấy hết tài sản của ông một cách ngang nhiên trắng trợn ! Trời đất chung quanh bỗng như sụp xuống! Tuy nhiên ông vẫn trả lời:

- Máy người đó thì ba không biết.

- Tụi nó chạy ra đảo Guam hết. Thằng chủ chạy thì thằng tớ phải chạy theo chớ dám ở lại đâu. Tưởng ba biết gì kể lại nghe chơi chớ ở bên này báo chí tê-lê nói đầy đủ. Trên tê-lê thấy nhiều thằng tướng ngơ ngác như bầy gà nuốt giây thun !

Người con nói xong cười lên khoái trá. Ông Lê Tư nghe giận phùng lên mặt ! Ông đưa tay định xáng cho thằng con một cái, nhưng ông kềm lại kịp. Ông bỏ tay xuống mà nghe ngực mình tức ran. Tự nhiên, ông ứa nước mắt. Từ phút đó, ông làm thính. Thấy như vậy, tưởng cha bị một vì cuộc hành trình quá dài nên ông Lê cũng không hỏi tiếp.

Bà Lê Tư ngồi ở băng sau, không chen vô một lời. Bà cảm thấy rồi đây sẽ không thể nào ở chung với một thằng con như vậy được. Bà đã tưởng đi ra khỏi xứ để khỏi phải thấy hằng ngày những chuyện trái tai gai mắt, nào ngờ qua đây gặp thằng con không biết học ở đâu mà ăn nói giống " tụi nó" y chang ! Nhưng không sao. Rồi bà sẽ mua nhà ở riêng. Bà dư sức. Với số hột xoàn mà bà đã cất giấu sau 1975 và bây giờ đang nằm an toàn trong cái giỏ mây hai đáy bà ôm trong lòng, bà dư sức. Cho dù bà phải cư ngụ suốt phần đời còn lại ông chồng mà bà đã không còn coi là thần tượng nữa, từ lâu...

Về đến nhà – ở Neuilly Sur Seine, khu nhà giàu – ông Lê giới thiệu vợ con rồi đưa cha mẹ lên phòng trên lầu, nói :

- Ba má nghỉ một chút rồi xuống ăn trưa.

Bữa ăn được dọn lên từng món theo phong cách tây phương. Vợ ông Lê hỏi han lễ độ và kín đáo chăm sóc ông bà Lê Tư. Hai thằng con ông Lê – giống mẹ hơn giống cha nên ít thấy lai Việt – không biết một tiếng Việt. Chúng ăn nhanh nhanh. Xong món thứ nhì, chúng không đợi món kế tiếp, vội vã rút lên phòng. Suốt bữa ăn, câu chuyện chỉ vây quanh mấy món ăn nấu theo tây, bởi vì ông Lê khoe có bà bếp giỏi. Bà bếp, người Pháp, có bước ra chào ông bà Lê Tư...

Nhờ vậy, không khí trong bữa ăn không đến nỗi nào tẻ lạnh.

Sau bữa ăn, vợ ông Lê vì tế nhị, muốn để cho chồng và cha mẹ nói chuyện riêng với nhau, nên xin phép lên lầu. Bà dặn chồng :

- Anh không nên nói chuyện nhiều. Ba má chắc cần phải ngủ vì sai giờ giấc. Mình còn nhiều thì giờ mà...

Khi bước qua xa long để uống cà phê, ông Lê hỏi :

- Ba má định qua đây ở chơi bao lâu ?

Ông Lê Tư châu mày, nhìn bà. Bà trả lời :

- Ba má định qua ở luôn chớ đâu phải ở chơi.

Người con ngạc nhiên :

- Ủa ? Sao lại ở luôn ? Bây giờ nước nhà độc lập rồi, không còn thằng nào ngồi trên đầu trên cổ mình hết. Tất cả đều thuộc về mình, không còn sợ thằng ác ôn nào cướp giật nữa. Như vậy mà ba má định bỏ xứ qua đây ở luôn. Thiệt là vô lý !

Hồi nãy, trên xe về đây, ông Lê Tư còn nghĩ rằng thằng con ông chỉ nghiêng về phía bên kia. Bây giờ thì quá rõ ràng : nó đã đứng hẳn về phía bên đó. Ông nghe lòng quặn thắt : chẳng những cách mạng đã cướp hết tài sản của ông, mà tội nó còn cướp luôn thằng con duy nhất của ông, cướp từ hồi nào rồi...

Ông Lê Tư làm thinh. Bà Lê Tư hơi mắt bình tĩnh:

- Tại con không biết. Tội nó lấy hết tài sản của ba má rồi còn đuổi xuống ở căn nhà của bồi, rồi lại bắt không được đi cổng chánh phải đi cổng hậu. Bây giờ tội nó sợ mình không chấp hành chỉ thị nên kéo kèm gai cô lập căn nhà ba má ở. Con nghĩ coi sống làm sao?

- Buổi đầu lúc nào chẳng có chuyện sai sót. Rồi cách mạng sẽ trả lại hết cho ba má, yên tâm đi ! Điều mà con muốn nói là chưa chi mà ba má đã muốn bỏ xứ ra đi giống như bè lũ đi điếm trộm cắp tháo chạy mấy ngày trước giải phóng... làm con thấy không hãnh diện chút nào hết !

Câu nói chưa dứt, ông Lê Tư đã đứng phắt dậy, làm thinh đi thẳng lên lầu. Bà Lê Tư cũng nói gót, nhưng bước chân bà nặng chình chịch. Đưa con máu mủ mà bà mới ôm hôn thấm thiết hồi nãy trên phi trường, bây giờ bỗng giống như người xa lạ. Bà cảm thấy hụt hẫng đến độ bà không biết phải làm gì, nói gì. Đến giữa cầu thang, kèm không được, bà ôm mặt khóc tức tưởi...

Suốt buổi chiều, ông Lê Tư ngồi trong phòng làm thinh hút thuốc. Ông không nghe buồn ngủ, ông chỉ nghe mệt – thật mệt – và chán chường – thật chán chường. Ông bắt gặp lại tâm trạng của ông vào những ngày cuối cùng của thời ông bị cách mạng quay hăng bữa để ông kê khai tài sản một cách "đầy đủ và trung thực" !

Bà Lê Tư cũng không ngủ. Bà điện thoại để liên lạc mấy bà bạn đã định cư ở Pháp, nhất là ở vùng phụ cận Paris. Rồi bà hện hò...Sung sướng như thấy chân trời đang mở rộng.

Sau bữa ăn tối, đợi bà Lê và hai con lên lầu, bà Lê Tư nói :

- Chị bác sĩ A sáng mai lại rước má về nhà chỉ chơi vài bữa. Sau đó, có lẽ sẽ qua nhà bà được sĩ L . Ở đây, má có nhiều bạn bè lắm, con đừng lo cho má. Con chỉ cần lo cho ba thôi.

Ông Lê Tư nhìn thẳng mặt con, giọng nghiêm trang :

- Ba nói thật : ba với con không hợp nhau. Ba không thể ở chung với con được. Ba xin con cho ba ở một nơi nào khác, ở một mình cũng không sao.

Ông nói "xin con cho ba" , đó là sự thật. Bởi vì bây giờ ông hoàn toàn trắng tay. Xưa nay, tiền dư ra, ông cho bà một phần để mua hột xoàn, còn bao nhiêu ông chuyển hết qua chương mục của người con...

Ông Lê ngồi làm thinh, không biết ông đang nghĩ gì. Cũng là làm thinh, nhưng sự làm thinh của ông khó hiểu hơn sự làm thinh của ông bà Lê Tư !

Vậy rồi sáng hôm sau, bà bác sĩ A lái xe lại rước bà Lê Tư. Tiếp theo là ông Lê chở người cha ra ở cái nhà nghỉ mát ở gần bờ đá dựng. Suốt cuộc hành trình dài mấy tiếng đồng hồ, hai cha con không nói với nhau một lời !

Từ ngày ra đây ở, ông Lê Tư cảm thấy cuộc đời mình như đang đi vào một ngõ bí. Không sống được với cách mạng, đã đành. Còn lại bà vợ thì bây giờ bà coi mình như cục bấu trên lưng. Rồi đến thằng con, đối với mình, nó còn lạ hơn người xa lạ ! Cứ nghĩ quẩn nghĩ quanh như vậy hết ngày này qua ngày khác mà con người ông sa sút thấy rõ. Bây giờ, ông ốm nhom. Đi đứng đã phải chống ba-toon và đêm đêm cứ phải nằm trằn trọc tới khuya lơ mới dễ được giấc ngủ. Thấy tội nghiệp, ông bà Jean Marie hay thừa dịp đưa nước trà hay cà phê để ngồi lại gọi chuyện vắn vơ. Họ cũng ngạc nhiên tự hỏi sao không thấy ai gọi điện thoại hỏi thăm ông già này hết. Làm như ông không có mặt trong cuộc đời này... Cho nên họ tận tình chăm sóc ông từng chút. Đến nỗi, về đêm, bà Jean Marie thường đợi ông lên giường nằm đang hoàng mới tắt đèn đóng cửa đi về nhà ! Ông Lê Tư rất cảm kích nên lâu lâu ông phá lệ làm thỉnh để nói hai tiếng " cảm ơn", nhẹ như hơi thở...

Một hôm, ông Lê Tư bỗng thềm nhìn mặt biển, cái biển mà từ hôm ra đây – đã gần hai tháng – ông chỉ nghe tiếng của nó rì rào ngoài kia thôi. Ông bèn chống ba-toon bước từng bước run run đi lần ra hướng đó. Cứ đi vài bước là ông phải dừng lại một lúc để thở, nhưng ông vẫn cố bước đi...

Bây giờ thì ông đã đứng trên mép bờ đá dựng. Dưới chân ông, rất sâu phía dưới, là biển. Biển xanh dờn, kéo dài ra chân trời. Trời nước mênh mông. Gió muối và mùi thơm thơm của rong rêu nhắc ông nhớ cái biệt thự ở mỏm núi lớn Vũng Tàu. Ông đã xây cất biệt thự đó để làm nơi tiếp tân nên có một sân gạch thật rộng hướng về phía biển. Ông hay đứng ở đó nhìn chân trời như ông đang đứng nhìn chân trời bây giờ. Cũng trời, cũng nước, cũng một đường gạch ngang. Hồi đó, lúc nào ông cũng thấy chân trời đang mở rộng cho ông, cái hồi mà ông làm chuyện gì cũng thành đạt. Bây giờ, cũng trời, cũng nước, cũng một đường gạch ngang nhưng sao ông không thấy nó mở rộng cho ông một chút nào hết ! Ông chỉ thấy toàn là bế tắc. Chân trời là đường chấm dứt một cái gì : trời cao nghiêng xuống đến đó là hết, biển rộng vươn dài đến đó cũng là hết ! Giống như cuộc đời của ông bây giờ... Cửa cải: hết ! Vợ con : hết ! Sức khỏe của ông rồi cũng sẽ hết ! Hết ! Hết !

Bỗng, ông Lê Tư liệng mạnh cây ba-toon xuống biển, giống như ông dứt khoát không cần dùng đến nó nữa. Rồi ông hít một hơi dài, nhắm mắt bước thẳng vào khoảng không trước mặt, giống như bước qua một lần ranh tưởng tượng.

Từ bây giờ, ông Lê Tư làm thỉnh vĩnh viễn...

Chiều hôm đó, ông Jean Marie gọi điện thoại về Paris. Không có người bắt máy, nhưng có máy nhắn tin nên ông nhắn : "A lô ! Tôi là Jean Marie. Tôi xin báo tin buồn: ông cụ đã từ trần. Ông đi dạo gần tường đá dựng chẳng may rơi xuống biển. Nhà chức trách đã vớt được xác đem về nhà xác bệnh viện Etretat. Yêu cầu ông bà ra gấp. Vợ chồng tôi xin chia buồn. Thành thật chia buồn..."

Không biết, khi hay tin, vợ con ông có nhớ cho ông một giọt nước mắt ?

Mài dao mài kéo

Nói đến "mài dao mài kéo", ở Việt Nam hồi xưa, hồi thời Pháp thuộc, người ta nghĩ ngay đến giới "anh chị"- hạng xâm mình... trên rông dưới rùa – sửa soạn khí giới để làm "một trận thư hùng" thanh toán nhau hay trả thù nhau. Hồi thời đó, khi đã "nộ khí xung thiên" thì họ đòi "để thẹo" đối thủ hay ít lắm cũng "xin tí huyết". Cho nên dao/kéo – ngoài lãnh vực bếp núc vá may – còn được sử dụng một cách rất... linh động phiêu hốt trong giới giang hồ. Thời bây giờ, văn minh rồi, dao/kéo đã được trả về vị trí nội trợ. Cho nên, khi muốn "xin tí huyết" của kẻ thù, các băng đảng ngày nay chỉ dùng khí giới "hiện đại" để mà... bùm ! Có nhanh, có gọn, nhưng thiếu nét "anh hùng mã thượng".

"Mài dao mài kéo" mà tôi nói ở đây là cái nghề của một ông bạn tôi mới quen, trong thời gian tôi bị kẹt lại ở Việt Nam sau 1975.

... Tôi để ý tới anh ta trong lúc tôi đang nhăm nhi ly cà phê ngon của cái quán cóc nằm dưới mái hiên một căn phố nhỏ. Quán này chỉ có hai cái bàn thấp và bảy tám cái ghế thấp, thấp thấp nhỏ nhỏ giống như đồ chơi trẻ con. Cho tới cái ly cà phê cũng nhỏ xíu, hớp chừng hai hớp là cạn ! Có lẽ vì vậy mà thấy ai tới đây cũng để thì giờ ngồi nhăm nhi từng ngụm nhỏ cà phê chớ không thấy... uống !

Tôi thường xách cái ghế nhỏ ra ngồi cạnh công-tơ nước cách quán chừng hơn bốn thước. Ở đó có cái thùng xi-măng che công-tơ, thùng vuông vức nắp bằng, chỉ cao hơn cái ghế chừng hai tấc và nằm cạnh một bức tường dài. Tôi thích ngồi ở đó vì được cách biệt với cái xô bồ trong quán và nhứt là có bức tường sau lưng để dựa ! Mấy đứa nhỏ trong quán viết nguệch ngoạc bằng than trên tường "Chỗ này của ông Hai nón nỉ" và vẽ một đầu người đội nón, râu lún phún, nét vẽ ngây ngô buồn cười kèm theo một mũi tên chỉ về chữ "ông Hai" ! Tôi rất thích thú với trò trẻ con ngộ nghĩnh đó và nhứt là sự được người trong quán dành riêng cho một chỗ ngồi – một chỗ ngồi không nằm trong phạm vi của quán !

Hôm đó, tôi nghe tiếng rao "mài dao mài kéo" từ đằng xa. Một lúc, thấy anh thợ mài dao ngừng xe đạp trước quán. Anh đem xe lên dựng trên vỉa hè, treo cái nón rơm lên ghi-đong rồi bước vào trong. Xe đạp của anh rất đặc biệt. Đầu tiên là hai cái chống gắn ở đùm bánh sau: khi đạp xuống hai bên, nó giữ xe đạp đứng thẳng một cách vững chắc. Kế đó là thùng đồ nghề phía sau có hai hàng học tử và một ngăn để can nhựa đựng nước. Gắn trên mặt thùng là hai bàn đá mài tròn một lớn một nhỏ có ma-ni-ven, một viên đá bùn và một cái ê-tô. Trên vè bánh xe trước có gắn đứng theo chiều dọc một tấm bảng cỡ ba trang giấy học trò, nền vàng với ba hàng chữ đỏ trên mỗi mặt.

Lúc đó, quán đã đông người. Chắc không còn bàn trống nên thấy anh ta một tay cầm ly cà phê một tay xách cái ghế nhỏ, bước ra khỏi quán ngó quanh tìm chỗ. Tôi vẫy tay gọi:

- Ngồi đây nè.

Hắn mỉm cười gật gật đầu rồi bước lại đặt ly cà phê lên thùng công-tơ:

- Cám ơn ! Cám ơn !

Trước khi ngồi xuống, anh ta liếc nhanh hàng chữ trên tường rồi nhìn cái nón nỉ tôi đang đội, cười tủm tỉm.

Sau khi làm một ngụm cà phê, anh ta rút bao thuốc hướng về phía tôi tỏ ý mời. Tôi lắc đầu. Hắn đốt thuốc hút. Xong để bao thuốc và cái hộp quẹt lên thùng công-tơ, ngã người dựa vào tường, dúi thẳng hai chân, thở khói một cách sảng khoái. Và như vậy, trong im lặng, hắn và tôi nhăm nhi cà phê...

Một lúc sau, thằng nhỏ trong quán mang ra một bình trà:

- Nãy giờ con quên đem trà ra. Đừng phiền nghe ông Hai !

Tôi khoát tay lắc đầu trả lời. Bấy giờ, anh ta mới mở miệng hỏi:

- Chắc anh đến đây thường ?

- Ngày nào cỡ giờ này là có tôi ngồi đây. Mặt trời nằm phía sau lưng, nên chỗ này còn mát.

Chừng đứng bóng trở đi là không ngồi được.

- Nhà anh gần đây không ?

- Cũng gần. Đi bộ chừng năm phút.

- Hôm rày trời không mưa, cũng không nóng lắm. Thấy dễ chịu há ?

- Ở... Mùa này như vậy cũng hiếm.
 Ngừng một chút rồi tôi lại hỏi... đây đưa:

- Mài dao mài kéo... Anh kiếm ăn được không ?
 - Tạm tạm. Nhờ bây giờ ai cũng xài đồ cũ hết nên có đồ mài hoài.
 - Thấy anh có nhiều đồ nghề quá há !
 - Phải như vậy chứ ! Thời bây giờ, cái gì cũng đòi... cao cấp hết. Mình cũng phải phô trương cho thiên hạ tin. Mà đồ của tôi thì bảo đảm là... cao cấp thứ thiệt !
 - Ở... Mà sao chi nhiều dữ vậy ?
 Anh ta vừa nói, hai tay vừa ra dấu:

- Nè nghen. Bàn mài lớn để "tè" mấy con dao quá sét. Bàn mài nhỏ, mịn hơn để "đi" hai mép của lưỡi dao. Mình quây ma-ni-ven, bàn mài chạy o o, tốc độ gấp năm gấp sáu lần hơn. Dao để tới đâu là nó "ăn" tới đó, lẹ lắm ! Còn viên đá bùn là để làm láng và để chỉnh lại mấy chỗ chưa đều. Còn cái ê-tô là để kẹp mấy con dao mà mình muốn sửa lại cho nó ngay, nó thẳng. Như vậy mới là... cao cấp, anh thấy không ?
 Tôi gật đầu thán phục. Rót trà vào ly, tôi mời:

- Uống miếng trà đi, anh.
 Hấn cầm ly ực một cái rồi lấy mu bàn tay quẹt miệng. Xong, hấn đứng lên cất gói thuốc và hộp quẹt vào túi:

- Thôi. Chào nghen...
 Anh ta đội nón, dẫn xe xuống đường, vừa đạp chậm chậm vừa rao kéo dài: "Mài dao mài kéo...". Hôm sau, anh ta lại ghé quán, cũng vào giờ như hôm qua. Tôi đã ngồi ở công-tơ nước với ly cà phê, và thật ra cũng có ý đợi. Lần này anh ta dựng xe cạnh đó, vừa dựng vừa nói:

- Anh cho phép tôi ngồi ở đây, mình nói chuyện chơi.
 Rồi không đợi tôi trả lời, anh đi thẳng vào quán. Một lúc trở ra với ly cà phê, cái ghế và điều thuốc trên môi phì phà... Anh ngồi xuống, giống tư thế hôm qua. Sau ngậm cả phê, anh hỏi

- Anh không hút thuốc à ?
 - Tôi bỏ hút lâu rồi.
 - Vậy là anh số một ! Tôi bỏ hoài không được. Hồi xưa tôi còn hút bạo hơn nữa chứ không phải như bây giờ đâu !
 Tôi đưa mắt đọc thầm ba hàng chữ đỏ trên bảng nền vàng gắn trên bánh trước của xe đạp: "Mài kéo mài dao – Mài sao cho bén – Đừng kén tay mài". Thấy hay hay, tôi rung đùi đọc lại, đọc thành tiếng. Rồi vỗ tay lên mặt thùng công-tơ, khen:

- Hay ! Hay quá ! Sâu sắc quá ! Anh viết đó hả ?
 - Dạ. Thì... viết bậy vậy mà.
 - Đâu bậy ? Bộ anh tưởng ai cũng viết bậy nổi như vậy sao ? Phải có trình độ chứ...
 Anh ta làm thình, nhấp cà phê, hút thuốc một lúc mới nói:

- Thời buổi này, "có trình độ" không dễ làm... khi gì hết. Bọn "không trình độ" nó ngồi đây trên đầu trên cổ thiên hạ, thì người "có trình độ" chỉ còn có... "đi chỗ khác chơi" thôi !
 Bây giờ thì tôi đã đoán ra anh ta thuộc về "phe" nào rồi. Tôi hạ giọng:

- Nè ! Sao tôi thấy tấm bảng của anh giống lá cờ của mình quá. Phải không ?
 Anh ta nhìn tôi, mắt sáng rực. Anh đưa tay bắt tay tôi, giọng sung sướng:

- Anh tinh ý lắm. Bao nhiêu năm nay chưa ai thấy được điều đó hết !
 Vậy rồi giữa anh ta và tôi bỗng thấy như thật gần. Anh hỏi tôi:

- Hồi đó anh làm gì ?
 - Làm "Chef de réseau" của một hãng ngoại quốc (tôi nói chen tiếng Pháp).
 - Còn bây giờ ?
 - Ở không, vợ con ở ngoại quốc gọi tiền về nuôi.
 - Ủa ? Sao vậy ?
 - Hồi di tản, tôi bị rút lại. Còn anh ? Hồi trước làm gì ?
 - Làm báo. Làm hai ba tờ. Chuyên về phiếm, xã luận, truyện ngắn.
 - Sao bây giờ đi... mài dao vậy ?

- Chớ anh biểu bây giờ tôi viết cái gì ? Suốt đời sống trong nghề viết, tự do vung vít quen rồi, đã thành một lập trường, một đường lối. Biểu tôi bẻ cong ngòi bút để... "bợ" chế độ, tôi làm không được ! Và lại, làm báo theo kiểu "phô-tô-cọp-pi" như họ, thiệt tình, không phải là nghề của tôi. Cho nên tôi đã "rửa tay gác bút".

Nói xong câu đó anh ta cười khà khà có vẻ thích thú với hình ảnh " rửa tay gác kiếm " của mấy võ lâm cao thủ trong truyện chưởng Hồng Kông ! Ngừng một chút, hít vài hơi thuốc, uống ngụm cà phê cuối cùng rồi tiếp:

- Bây giờ đi mài dao... cũng thú ! Mình cứ tưởng tượng là mình mài "gươm thiêng" để đợi thời cơ phục hận !

Lần này, anh ta cười lên ha hả, sáng khoái. Rồi lại tiếp:

- Coi vậy chớ lâu lâu tôi thêm viết vô cùng. Nhứt là bây giờ, nó lố lăng bỉ ổi, nó chụp giựt bao che gấp mấy chục lần hồi trước... làm mình "ngứa nghề" muốn chết ! Cách đây mấy năm, vào dịp Tết, tôi nhận được thư của một thằng bạn đã đi chui kể lại cuộc hành trình và đời sống trên đảo ty nạn Pulau Bidong ở Mã Lai... làm tôi nổi hứng. Tôi lén viết một "lá sớ Táo Quân" cho mùa xuân năm đó, để nhớ hồi xưa mỗi Tết tôi đều có viết sớ để "móc lò móc chảo" chuyện Nhà Nước chuyện thiên hạ. Sáng mai tôi sao cho anh một bản, đọc cười chơi. Thôi ! Bây giờ đi "kiếm cơm" cái đã !

Anh ta đứng lên bắt tay tôi rồi dẫn xe xuống đường đạp đi.

Hôm sau, anh ta đến. Vừa ngồi xuống, anh trao ngay cho tôi "lá sớ". Tôi định mở ra xem thì anh đưa tay ngăn. Vừa đảo mắt nhìn quanh, anh vừa thấp giọng:

- Đừng ! Đừng coi ở đây ! Cát đi. Về nhà hãy đọc. Đọc rồi nhớ đốt nó đi, kéo mang họa rồi nói tại tôi.

Uống hớp lớn cà phê, đốt điếu thuốc, xong anh cười cười:

- Đốt cho lá sớ... lên trời, cho Ngọc Hoàng đọc với chớ !

Tôi phì cười:

- Anh tiểu thật ! Không chừa ai hết !

- Đó là... nghề của tôi hồi xưa mà. Thấy trái tai gay mắt, thấy "đi trật đường rầy" là tôi múa bút đâm ngay. Tự do ngôn luận là như vậy đó. Chớ không phải như bây giờ. Nhìn một lũ hề độc quyền sân khấu, giễu dờ lại giễu dai, giễu rồi tự vỗ tay khen lầy, còn bắt... nhân dân khán giả vỗ tay theo... vv... mà chẳng thấy một "nhân dân" nào dám... thò tay viết trên báo một lời phê bình chỉ trích ! Cho nên tôi thấy "ngứa mắt ngứa tay" lắm.

Uống hết ly cà phê, anh ta đứng lên gặt đầu chào:

- Bữa nay tôi phải mài lưỡi dao của nhà hàng T.T., không cò cưa ở đây lâu với anh được. Tôi đi nghen !

Bước được mấy bước, anh dừng chân một chút, đầu hơi cúi xuống dường như để suy nghĩ rồi mới quay lại nhìn tôi, nét mặt thật nghiêm trang, đưa ngón tay trở lên gõ gõ vào đầu :

- Mỗi ngày tôi mài dao là mỗi ngày tôi mài cái chí khí cho nó luôn luôn sắc bén, khỏi bị cùn lụt. Anh biết không ?

Nói xong, anh để bàn tay mặt xéo xéo một bên trán gác nhẹ một cái trông giống như chào theo kiểu nhà binh, rồi phóng lên đạp xe đi, giọng rao kéo dài: "Mài dao mài kéo"...

Hôm sau, tôi đến quán hơi sớm, định vừa gặp anh là nói ngay rằng tôi khoái lá sớ của anh lắm, móc họng chế độ rất đau mà vẫn giữ được nét trào phúng nhẹ nhàng. Và cũng để nói cho anh yên tâm rằng tôi đã đốt lá sớ như anh đã dặn. Nhưng rồi, anh ta không đến, mặc dù tôi đã cố tình ngồi đợi tới trưa....

Những ngày sau, rồi những ngày sau nữa, tôi không gặp lại anh ta. Tôi vẫn đều đặn ngồi uống cà phê chỗ công-tơ, ngồi một mình. Cà phê quán này làm như không còn ngon như trước...

Cái mặt

Con người có cái mặt là quan trọng nhứt. Thật vậy, nếu lấy cái mặt bỏ đi, tất cả những gì còn lại trên thân thể sẽ không dùng vào đâu được hết và cũng không còn tồn tại được nữa. Không có mũi để thở, không có miệng để ăn... con người không có cái mặt là kể như “tiêu tùng”!

Trước khi “đào sâu” cái mặt, xin mở dấu ngoặc ở đây để “vinh danh” tiếng Việt: phần lớn những gì nằm trên cái mặt đều bắt đầu bằng chữ “m”, trên thế giới chưa có thứ tiếng nào như vậy hết!

Đây, nhìn coi: trên mặt có mắt, mũi, miệng (mồm), má. Ở “mắt” có mày, có mi, có mí mắt, rồi mắt mụp, mắt mọng nước, mắt mơ màng, mắt mơ mọng, mắt mờ, mắt mù...

Qua tới “mũi”, ngoài “mùi” ra không thấy chữ “m” nào khác dính vào. Có lẽ tại vì cái mũi nó... cứng khur, không... linh hoạt. Ấy vậy mà nó – cái mũi – và “chân mày” (cũng kém linh hoạt như cái mũi!) lại được đi kèm với cái mặt để... hỗ trợ cho tiếng “mặt”, trong từ ngữ thông thường: “mặt mũi”, “mặt mày”, làm như nếu nói “mặt” không, phát âm nghe... trơn lủi, nhẹ hều không lọt lỗ tai! Cho nên người ta nói “mặt mũi bơ phờ”, “mặt mày hốc hác”, chớ ít nghe “mặt bơ phờ, mặt hốc hác”.

Bây giờ tới “miệng”, thì có môi, có mép, rồi mồm mép, môi miếng, miệng méo, miệng móm, mím môi, méu máo, mấp máy, móm, mút mấp....

Đến “má” thì ngoài “mặt mụn” chỉ có “mi một cái” là còn thấy chữ “m” nhẹ phất phơ...

Tiếng Việt hay quá!

Trở về với cái mặt. Ông Trời, khi tạo ra con người, ban cho cái mặt là một ân huệ lớn. Nhờ có cái mặt mà con người nhận ra nhau, chồng nhận ra vợ, con nhận ra cha, biết ai là bạn ai là thù... v v.

Thử tưởng tượng một ngày nào đó bỗng nhiên không ai còn cái mặt nữa. Nếu có sống được nhờ một sự nhiệm màu nào đó, thử hỏi con người lấy gì để nhận diện nhau? Chồng vợ, cha con, bạn thù gì đều... xì ngầu. Vậy là loạn đứ!

Cho nên xưa nay, người ta coi trọng cái mặt lắm. Có người còn nói: “Thà chịu mất mạng chớ không bao giờ để cho mất mặt”! Vì vậy, rùi có ai lỡ lời chạm tự ái một người nào thì người đó thấy bị... mất mặt, liền đưa một nắm tay lên hăm he: “Thằng đó, bộ nó giỡn mặt tao hả? Tao phải dằn mặt nó một lần cho nó biết mặt tao”. Rồi, bởi vì cái mặt nó... nặng ký như vậy cho nên khi nói về một người nào, người ta chỉ nhắm ngay vào cái mặt của người đó để mà nói.

Nếu ghét thì gọi “cái bản mặt”. [Cái mặt mà như tấm bản(g) thì thiệt tình thấy chán quá! Thường nghe nói: “Cái bản(g) mặt thằng đó tao coi hồng vô!”]. Nếu hơi khinh miệt thì gọi “cái bộ mặt”. (“Thằng này có bộ mặt ăn cướp!”). Còn khi thương thì cái mặt trở thành “cái gương mặt”. (“Em có gương mặt đẹp như trăng rằm!”). Chưa hết! Khi nổi giận muốn... hộc máu, người ta cũng chỉ nhắm vào cái mặt của đối thủ chớ không chỗ nào khác để “động một đạp” hay “cho một dao” hay “phơ một phát” hay... “tạt một lon a-xít”!

Con người, khi nhìn người khác, lúc nào cũng bắt đầu ở cái mặt. (Chỉ có người không... bình thường mới nhìn người khác bắt đầu ở cái chân hay cái bụng hay cái lưng!). Ở đó - ở cái mặt - ngoài cái đẹp cái xấu ra, còn hiện lên “cái mặt bên trong” của con người. Các nhà văn gọi là “nét mặt”, nghe... trừu tượng nhưng suy cho kỹ nó rất đúng. Bởi vì chỉ có cái mặt là... vẽ được cái nội tâm của con người thật đầy đủ. Cho nên mới có câu “Xem mặt mà bắt hình dong”. Hình dong ở đây là cái hình dong giấu kín bên trong con người, cho nên, trên sòng bài, các con bạc thường “bắt gân mặt” nhau để đoán nước bài của đối thủ, cho nên mấy “giáo sư chiêm tinh gia” lúc nào

cũng liếc sơ cái mặt của thân chủ trước khi nâng bàn tay lên xem chỉ tay, để... định mức coi “thằng cha này nó sẽ tin mấy phần trăm những gì mình nói”!

Cũng bởi vì cái mặt nó lồi thối, phức tạp và... “phản động” như vậy cho nên các “đỉnh cao trí tuệ” của đảng cộng sản Việt Nam đã nâng cao cảnh giác, ẩn mặt suốt giai đoạn đấu tranh “chìm” và chỉ “xuất đầu lộ diện” khi toàn dân đã vùng lên nổi dậy. Và các “đồng chí vĩ đại” của ta lúc nào cũng ôm khư khư cái mặt để... quản lý nó từng giây từng phút, riết rồi nó cứng đờ như mặt bằng đất. Đến nỗi vào bàn hội nghị quốc tế, các đối tượng không làm sao “bắt gân mặt” để “đi” một nước bài cho ngoạn mục! Ở đây, phải nói thêm cho rõ là cho dù trong nội bộ với nhau – nghĩa là giữa “ta” và “ta” - cái mặt vẫn bị quản lý y chang như vậy, bởi vì hành động đó đã biến thành “bản năng” từ khuya! Cho nên đừng ngạc nhiên khi thấy, sau hội nghị mới ôm nhau “hôn nhau thắm thiết tình đồng chí” mà trên đường về lại khu bộ có cán bộ đã bị “bùm” hay bị “cho xuống hố” một cách rất... bài bản, để lại niềm “vô cùng thương tiếc” trên vòng hoa phúng điếu của người đã ra lịnh hạ thủ!

Bởi cái mặt nó phản ảnh con người nên hát bội mới “dặm mặt” sao cho đúng với cái “vai”. Để khi bước ra sân khấu, khán giả nhận ra ngay “thằng trung, thằng nịnh, thằng hiền, thằng dữ”... v. v. Ngoài đời, không có ai dặm mặt, nhưng vẫn được người khác “nhận diện” là : thằng mặt gà mái, thằng mặt có cô hồn, thằng mặt... mẹ, mặt măm, mặt thớt, mặt hăm tài, mặt đưa đám, mặt trù cha hại mẹ, mặt... mo... v. v.

Trên sân khấu chánh trị Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, “đào kép” tuy không dặm mặt như nghệ sĩ hát bội nhưng mỗi người đều có “lặn lưng” vài cái mặt nạ, để tùy hoàn cảnh, tùy đối tượng mà đeo lên cho người ta “thấy mình là ai” (dĩ nhiên không phải là cái mặt thật của mình). Rồi cũng “phùng mang trợn mắt hát hò inh ỏi” một cách rất... tròn vai, làm “bà con đồng bào, đồng chí, đồng hương” cứ thấy như thiệt! Điểm đặc biệt là ông nào bà nào cũng muốn thiên hạ chỉ nhìn thấy có “cái mặt của mình” trong đám bộ mặt đang múa may quay cuồng trên sân khấu. Vì vậy, họ phải ráng bơm cho cái mặt của mình to bằng... cái nia, để thấy họ mới đúng là... “đại diện”! Chẳng qua là họ muốn tạo thời cơ để kiếm cho cái... đít của họ một cái... ghé! Đến đây thì vở tuồng trên sân khấu đang chuyển sang lớp “gà nhà bôi mặt đá nhau”... Cái mặt đã trở thành “một vấn đề”!

Để chấm dứt bài này, và để được yên thân, xin phép đọc giả cho tôi “vác cái mặt” của tôi đi chỗ khác!

Cái miệng

Cái miệng có hai chức năng chánh: ăn và nói. Xưa nay ít có ai để ý đến những chức năng phụ của cái miệng – tiếng là phụ nhưng cũng không kém phần quan trọng – như : ngáp, ợ, ho, khạc, thở khi nào bị nghẹt mũi v.v... Có lẽ tại vì nó... hạ cấp quá nên bị coi thường ! Và cũng tại vì có sự coi thường đó mà người ta chỉ chú trọng dạy trẻ con học ăn học nói thôi. Thành ra, lớn lên, phần đông ngáp ợ ới không che miệng, ợ ồng ọc nghe chối lỗ tai, ho thẳng vào mặt người đối diện, còn khạc nhổ thì tùm lum bất cứ chỗ nào... Trong chuyện phiếm này, tôi cũng theo “truyền thống” để chỉ viết về hai chức năng “ăn và nói” của cái miệng.

Ăn... Từ hồi còn nằm trong bụng mẹ, con người đã biết ăn (Ông Trời sanh ra như vậy !) Mới lọt lòng, không ai dạy, kè vú vào miệng là đã biết... đớp (Về sau, khi đã thành nhơn, có đòi đớp như hồi bēbē là một... cái gì khác chớ không phải là ăn !) Thành ra “ăn” là một bản năng. Hễ đói là tự nhiên phải kiếm cái gì ăn, chưa biết rằng không ăn lần hồi rồi sẽ chết (Ăn... hồi lộ không nằm trong “diện” tự nhiên trời sanh này !) Khái niệm “chết vì không có gì ăn hay có mà ăn không

được " chỉ đến với con người khi con người có đủ trí khôn. Khổ nỗi, khi có đủ trí khôn, con người lại đòi " ăn ngon ", biết chê biết khen, biết chế biến món này món nọ để ăn cho " khoái khẩu ". Cái " ăn ", vì vậy, đã chiếm...đỉnh cao của trí tuệ loài người, đến nỗi có câu " dĩ thực vi tiên " (ăn trước đã !) và ở Việt Nam miền nào cũng quảng cáo rầm rộ " món ăn đặc sản " để làm...chảy nước miếng du khách (Ở Hà Nội bây giờ "chảy nước miếng hay chảy nước dãi " được gọi là " toát mồ hôi lười " ! Từ ngữ cách mạng vốn...trừu tượng !) Trên thế giới, ngành du lịch xứ nào cũng giới thiệu thật nhiều về " cái ăn " ngay sau khi cho xem phong cảnh hùng vĩ hữu tình. Để thấy cái miệng tuy nhỏ xíu như vậy mà đã...để ra chữ " ăn " thật to tổ chẳng !

Trong từ ngữ thông thường, chữ " ăn " lúc nào cũng thấy như người lãnh đạo, nghĩa là đứng trên đứng trước nhiều chữ diễn tả một hành động một sự kiện – không biết để làm gì nhưng vẫn phải...đứng trên đứng trước ! – Ví dụ như " ăn quít, ăn gian, ăn trộm, ăn cướp" v.v...Tiếng " ăn "...ăn nhậu gì với những chuyện " quít, gian, trộm, cướp ", vậy mà phải có lãnh đạo " ăn " vào đó nghe nó mới...xuôi lỗ tai ! Rồi thì...ăn tùm lum, lúc nào ở đâu cũng thấy ăn: ăn giỗ, ăn cưới (Hồi xưa còn nói " ăn đám ma " nữa !) ăn khánh thành, ăn lên lon, ăn Tết, ăn đầy tháng , ăn thối nôi, ăn...hối lộ v.v...Chỉ có " ăn " thôi, vậy mà cái miệng sao mà " lắm chuyện " !

Bây giờ, xin nói đến " nói " .

Con người nếu sống một mình chắc không cần phải biết nói ! Thật vậy, biết nói để nói với ai ? Rồi, bởi vì con người cần sống với con người nên mới phải "nói " để hiểu nhau. Mới đầu nói bằng...tay chân (bây giờ gọi là " ra dấu ") Lăn hồi, chắc ra dấu...mỏi tay nên mới bày đặt tiếng nói (Dầu sao, mỗi miệng vẫn...để chịu hơn mỗi tay ; cái trí khôn của con người bắt đầu...ló dạng !) Cái miệng , ngoài chức năng " ăn " của Trời cho, bây giờ có thêm chức năng " nói " do con người để ra vì muốn người khác hiểu mình nghĩ gì muốn gì.

Con người mới sanh ra chưa biết nói, chỉ biết khóc ! Các nhà văn gọi đó là " tiếng khóc chào đời ". Hay quá ! Thật vậy, nếu không có tiếng khóc thì làm gì có tiếng nói ? Rồi từ chỗ " oa oa " đó ọ ẹ riết rồi cũng ra chữ ra câu. Người ta dạy trẻ con học nói cho đúng cách, học nói cho có lễ độ, học nói cho thanh tao. Có một điều lạ là những tiếng...chửi thề chẳng thấy ai dạy mà sao ai ai cũng biết và biết sử dụng đúng nơi đúng lúc một cách " tài tình " ! Ngoài những từ ngữ thông dụng – không kể chửi thề, dĩ nhiên – Nhà Nước Việt Nam còn dạy trẻ con hô khẩu hiệu, nói những lời " dao to búa lớn " theo...phong cách xã hội chủ nghĩa, nghĩa là nói để cho có nói chớ không phải nói để cho người khác hiểu mình nghĩ gì muốn gì. Cái "nói" – một chức năng của cái miệng – cũng bị làm...cách mạng ! Than ôi !

Nói về " nói ", con người nói thôi...đủ thứ. Nào là " nói thánh nói tướng ", " nói láo nói phét ", " nói hành nói tỏi ", " nói trắng nói cuội"...Rồi " nói phang ngang bữa củi ", " nói động trong họng người ta", " nói trên trời dưới đất ", " nói mà cái miệng không kịp kéo da non ", " nói như con két "...v.v.. Cái miệng nói nhiều hơn ăn, bởi vì ăn no rồi là không ăn được nữa chớ còn nói thì có bao giờ bị...no nói đâu để mà phải ngừng ?

Tóm lại, cái miệng là để ăn và để nói. Vậy mà chính cái miệng nó "hành" con người. Ông bà mình hay nói : " Bệnh từ miệng mà vào, Vạ từ miệng mà ra ". Đúng quá ! Tại vì mình ăn mới đem mầm bệnh vào người và tại vì mình nói mới đụng chạm sanh chuyện. Biết như vậy nhưng làm sao con người sống mà không ăn không nói ?

Ở Việt Nam, Nhà Nước ta đã thấu triệt cái " chân lý " vừa kể cho nên đã...phân loại cái miệng : miệng của nhân dân và miệng của Nhà Nước. Cái miệng của nhân dân là cái miệng " ăn " còn cái miệng của Nhà Nước là cái miệng " nói ". Nhà Nước " quản lý " cái miệng ăn nên chỉ cho ăn vừa phải, đúng tiêu chuẩn, để nhân dân đừng...bị bệnh ! (Bệnh từ mồm mà vào, đúng thế đấy...Ta đã học tập và triển khai cái chân lý ấy từ thời...không có gì để ăn cơ !) Còn " nói " thì nhân dân không nên nói, bởi vì " nói " là mang vạ vào thân đấy thôi. Để Nhà Nước nói, bởi vì Nhà Nước, đã là đỉnh cao trí tuệ của loài người, biết nói thế nào để không bao giờ phải...mang vạ vào thân. Và bởi vì cái miệng của Nhà Nước là loại miệng nói không sợ...mòn, không phải tốn tiền mua và dự trữ đồ phụ tùng thay thế. Cho nên đừng ngạc nhiên sao ở Việt Nam chỉ nghe có Nhà Nước nói và nói không bao giờ...ngừng ! Ngoài ra, Nhà Nước vì thương dân nên khi thấy dân há miệng định

nói là đưa tay bịt miệng ngay kéo dân mang vạ vào thân, tội nghiệp ! Một cử chỉ...đẹp như vậy mà thiên hạ cứ...vo tròn bóp méo !

Nếu " ăn " là để sống thì " nói " là để cảm nhận rằng mình đang sống. Vậy mà người dân Việt Nam chỉ được phép dùng cái miệng để ăn thôi...

Made In VietNam

Lẽ ra bữa nay bác sĩ Lê không nhận bệnh nhân vì là ngày nghỉ trong tuần của ông. Nhưng hôm qua, trong điện thoại, nghe giọng cầu khẩn của người bệnh ông không nỡ từ chối. Người đó – ông đoán là một cô gái còn trẻ – nói chuyện với ông bằng tiếng Mỹ. Cô ta hỏi ông nhiều lần :

- Có phải ông là bác sĩ Lee không?

Tên ông là Lê. Cái tên Việt Nam đó ở xứ Mỹ này người ta viết là "Lee", nên ông được gọi là "ông Lee" (Li).

Ông ôn tồn trả lời nhiều lần:

- Thưa cô, phải. Tôi là bác sĩ Lee đây.

- Phải bác sĩ Lee chuyên về châm cứu và bắt mạch hốt thuốc theo kiểu á đông không?

- Thưa cô phải.

- Có phải phòng mạch của bác sĩ ở đường Green Garden không?

Bác sĩ Lê, đã ngoài sáu mươi tuổi, ánh mắt điềm đạm, vậy mà cung bắt đầu nghe bực! Tuy nhiên, ông vẫn ôn tồn:

- Thưa cô phải. Xin cô cho biết cô cần gì?

Giọng cô gái nhu reo lên :

- Vậy là đúng rồi! Con Cathy bị bệnh suyễn nói bác sĩ chữa bệnh hay lắm. Cả nhà nó, kể luôn ba má ông bà nó đều đi bác sĩ hết.

Đ°n đây thì ông bác sĩ già đó không kèm được nữa, ông xẵng giọng:

- Cám ơn cô. Bây giờ xin dứt khoát cho tôi biết coi cô muốn cái gì?

Giọng bên kia đầu dây nhu lắng xuống:

- Tôi xin lỗi bác sĩ. Xin lỗi. Tôi muốn xin bác sĩ cái hẹn cho ngày mai. Tôi bệnh...

- Mai là ngày nghỉ trong tuần, phòng mạch không có mở cửa. Ngày khác vậy.

- Ngày mai cũng là ngày nghỉ của tôi nữa, bác sĩ à.

- Cô đã bệnh thì cứ xin nghỉ để đi bác sĩ, ngày nào lại không được!

Một chút im lặng ở đầu dây bên kia rồi giọng người con gái bỗng nghe thật buồn:

- Họ đâu có cho nghỉ, bác sĩ. Họ nạt vô mặt: "Mày muốn nghỉ thì mày nghỉ luôn đi. Thiếu gì đứa muốn vào làm chỗ của mày. Mày biết không?"

Giọng nói nhu nghẹn ngang ở đó, rồi tiếp:

- Không có việc làm là chết, bác sĩ à...

Ông bác sĩ già làm thỉnh, suy nghĩ. Đầu dây bên kia, cô gái van lơn:

- Xin bác sĩ thông cảm. Tôi sợ bệnh nặng hơn, không đi làm nổi nữa là mất việc. Xin bác sĩ thông cảm. Xin thông cảm.

- Ờ thôi, để tôi ráng giúp cô. Sáng mai, chín giờ. Phòng mạch của tôi ở số...

- Cám ơn bác sĩ. Cám ơn! Con Cathy có chỉ phòng mạch của bác sĩ rồi.

- Xin lỗi. Cô tên gì?

- Kim. K, I, M.

Bác sĩ Lê vừa ghi vào sổ hẹn vừa nghĩ:"Tội nghiệp! Chắc lại đi làm lậu nên mới bị người ta hăm he như vậy. Theo cách phát âm thì cô này có vẻ là người á đông. Tên Kim chắc là Đại Hàn. Để mình phải phone lại cô Cathy hỏi cho chắc ý kéo gập thứ lưu manh thừa dịp ngày nghỉ không có cô phụ tá, nó gài bẫy mình thì khổ!"

Đúng chín giờ, chuông cửa phòng mạch reo. Ông bác sĩ già bước ra mở cửa. Đứng trước mặt ông là một cô gái á đông còn trẻ, ăn mặc theo kiểu "punk": quần áo có tua có tui, tóc dựng đứng

hỗn loạn như con gà xước, đeo nhiều vòng sên bằng bạc to như dây lòi tói, dây cổ dày hai cườm tay, mang cái xắc đồ cung có tua có tụi. Bác sĩ Lê, quá đỗi ngạc nhiên, chưa kịp hỏi gì, thì cô gái nói bằng tiếng Mỹ rất lưu loát:

- Chào bác sĩ. Tôi là Kim, bệnh nhân đã gọi điện thoại cho ông hôm qua. Tôi có làm cho bác sĩ chờ không?

Bác sĩ Lê chưa hết ngạc nhiên, trả lời một cách máy móc: "Không! Không!" Rồi ông bước tránh qua một bên: " Mời cô!"

Vào phòng mạch, ông đưa cho cô cái áo blouse trắng ngắn tay:

- Cô đến phía sau bình phong bỏ hết quần áo chỉ mặc quần lót thôi, rồi khoác ngược áo blouse này, lưng áo nằm về phía trước.

Trong lúc cô gái loay hoay làm theo lời dặn, ông bác sĩ già gọi phone về nhà, nói bằng tiếng Việt:

- Bệnh nhân của anh tới rồi, dang thay đồ. Chắc một giờ nữa là xong. Em đợi anh về rồi mình đi chợ.

Cô gái bồng ló đầu ra khỏi bình phong mỉm cười nhìn ông, gương mặt thật rạng rỡ, định nói gì nhưng rồi không nói, thụt đầu vào tiếp tục cởi quần áo.

Một lúc sau cô ta bước ra, mắt ngời lên sung sướng, nói bằng tiếng Việt, giọng như reo lên:

- Bác sĩ là người Việt Nam mà con cứ tưởng là người Tàu! Tên "Lee" nghe Tàu trần!

- Ủa! Vậy mà tôi cứ nghĩ cô là người Đại Hàn chứ!

Rồi cả hai cùng cười, cái cười rất sảng khoái. Tình đồng hương trên đất khách bỗng thấy thật ấm, thật dày... Ông bác sĩ già nhìn cô bệnh nhân trẻ mặc áo blouse trắng đứng trước mặt ông mà không còn thấy cô gái "punk" hời hợt nữa!

Ông đưa cho cô cái đĩa, rồi vừa chỉ cái giường cao vừa nói:

- Cô cởi hết đồ nữ trang để vào đây, rồi lên nằm trên này để tôi chẩn mạch.

Cô gái làm theo như cái máy.

Phòng mạch được trang trí rất đơn sơ, nhưng thật yên tĩnh. Trong không khí có mùi thơm dịu dịu của moxa (ngải cứu, đốt lên để ho huyết). Cái giường khám bệnh cao ngang tầm tay của bác sĩ. Ở một đầu giường có gắn thêm một vòng bằng da để chịu cái đầu của bệnh nhân, và khi bệnh nhân nằm sấp để châm cứu trên lưng thì mặt người bệnh nằm trọn trong vòng da. Như vậy, người bệnh không cảm thấy khó chịu nhờ khoảng trống ở giữa vòng da giúp người bệnh vẫn thở đều đặn và mắt được nhìn thoải mái xuống sàn nhà.

Bác sĩ đặt hai bàn tay lên cánh tay trần của cô gái, ôn tồn hỏi:

- Cô bệnh làm sao? Nói tôi nghe.

- Con ngủ không được, đêm nào cũng trần trọc tới khuya. Hay bị chóng mặt. Đang đứng làm việc, tự nhiên muốn sụm xuống làm sợ toát mồ hôi. Con lo quá, bác sĩ. Mất việc làm chắc con chết quá, bác sĩ!

Ông Lê bóp nhẹ cánh tay bệnh nhân:

- Cô yên tâm. Có tôi đây. Mà... cô có uống rượu không?

- Không. Dạ thua không.

- Cô có hút thuốc không?

- Dạ thua có. Hút cũng nhiều...

- Cô có xì ke ma túy gì không? Nói thiệt tôi nghe.

- Máy thứ đó con không dám rờ. Hồi ở bên nhà thằng anh con chết vì ba cái thứ ôn dịch đó, bác sĩ à. Vì vậy, con sợ lắm!

- Cô le lưỡi tôi coi.

Bác sĩ khom xuống nhìn rồi nói:

- Ừm. Được rồi. Bây giờ cô nằm yên, để hai tay xuôi theo thân mình, nhắm mắt, thở đều đặn.

Ông bác sĩ già đứng cạnh giường đặt mấy đầu ngón tay lên cườm tay cô gái, chăm chú bắt mạch.

Một lúc sau, ông bước vòng qua phía đối diện bắt mạch tay bên kia. Bộ mạch nói lên một sự rối loạn tâm thần. Cô gái này chất chứa quá nhiều ẩn ức nên sanh bệnh. Ông nhìn cô gái dang nhắm mắt thở đều: gương mặt Việt Nam đó, bỏ đi món tóc "punk", vẫn toát ra nét nhu mì dễ thương.

Ông cảm thấy tội nghiệp cô bệnh nhân trẻ này và thắc mắc không biết hoàn cảnh nào đã đưa đẩy

cô ta trôi qua xứ Mỹ để có một cuộc sống mà ông đoán là thật bấp bênh, qua cuộc nói chuyện trong điện thoại. Ông nói:

- Bây giờ, cô nằm sấp xuống để tôi châm trên lưng.

Cô gái mở choàng mắt nhìn ông, mỉm cười, một nụ cười đầy tin tưởng. Ông bác sĩ nói tiếp:

- Cô đừng sợ. Châm không có đau. Còn nhẹ hơn kiến cắn nữa.

Cô gái trở mình nằm sấp, hai vạt áo blouse rớt xuống hai bên, bày ra cái lưng thon thon với nước da ngà ngà. Theo thói quen, trước khi châm, bác sĩ vuốt lưng bệnh nhân vài lần để bệnh nhân đỡ bị stress. Lần này, khi vuốt xuống thắt lưng, ông để ý thấy dưới làn vải mỏng của quần lót có một vết bầm nằm vắt ngang phía trên của mông. Ngạc nhiên, ông hỏi :

- Cô bị ai đánh hay sao mà bầm vậy?

Cô gái cười khúc khích:

- Bác sĩ coi đi!

Ông già kéo quần lót xuống một chút, thì ra không phải vết bầm mà là hàng chữ xăm màu chàm: Made In VietNam! Ông bật cười, vừa kéo lưng quần lót lên vừa nói:

- Cha...Bạo quá há!

Cô gái hơi rút cổ cười khúc khích vài tiếng nữa rồi im. Chắc cô đang sống lại với một vài kỷ niệm nào đó. Ông bác sĩ già áp hai lòng bàn tay lên lưng bệnh nhân, nhưng bây giờ sao ông không còn thấy cười được nữa. Hàng chữ "Made In VietNam" nhắc cho ông rằng con người nằm đây là sản phẩm của quê hương ông, cái quê hương đã mấy chục năm xa cách, cái quê hương mà ở đó ông không còn ai để nhớ, nhưng ông còn quá nhiều thứ để nhớ. Những thứ cung mang dấu ấn "Made In VietNam", từ con trâu cái cày, từ mảnh ruộng vườn rau, từ hàng cau rặng dừa, từ con đường đất đỏ đến con rạch nhỏ uốn khúc quanh quanh...Chao ôi! Bỗng nhiên sao mà nhớ thắc thẻo đến muốn trào nước mắt...

Ông bác sĩ vuốt lưng cô bệnh nhân thật chậm để cho niềm xúc động lắng xuống tan đi. Ông có cảm tưởng như ông đang sờ lại được quê hương, có chỗ cao chỗ thấp, có phù sa đất mịn...Tự nhiên, ông muốn nói lên một tiếng "cám ơn". Ông muốn cám ơn cô bệnh nhân đã mang quê hương đến với ông bằng hàng chữ nhỏ xăm trên bờ mông, chỉ vồn vẹn có một hàng chữ nhỏ. Và ông cũng muốn nói với cô, nói một cách thật tình, không van chuông bóng bẩy, nói như ông nói cho chính ông, vồn vẹn chỉ có một câu thôi: "Tôi cũng made in VietNam đây!" Nhưng rồi ông làm thình tiếp tục vuốt lưng người bệnh. Ông biết rằng cô gái không thể nào hiểu được ông, một bác sĩ già vừa quá sáu mươi, đã gần nửa tuổi đời lưu vong trên xứ Mỹ, có đầy đủ tiền tài danh vọng mà cũng xăm hàng chữ "Made In VietNam", xăm ở trong lòng...

Bác sĩ im lặng dò huyết mạch kim. Bỗng cô bệnh nhân nói, giọng buồn buồn, làm như cô vừa xem lại hết một đoạn phim đời nào đó:

- Thằng bồ của con xăm cho con để làm kỷ niệm hồi tụi này còn ở Louisiana. Ảnh là thợ xăm...

- Ủa! Rồi sao bây giờ cô ở đây?

- Con theo ba má con dọn về Cali, ổng bảo nói ở Cali bạn bè nhiều làm an dễ.

- Ở...người Việt mình thích ở miền nam Cali lắm.

Ngừng một chút bác sĩ lại nói, trong lúc hai tay vẫn tiếp tục châm kim:

- Ở Cali khí hậu tốt hơn nhiều tiểu bang khác. Mà...ba má cô làm gì ?

Cô gái làm thình một lúc mới trả lời, giọng ngang ngang :

- Qua đây rồi ổng bà đá dít nhau. Bà lấy thằng Mỹ chủ pressing , còn ổng thì chó dất ổng ôm được một bà Mỹ goá chồng có t i sản.

- Vậy rồi cô ở với ai?

- Với ba con. Bà Mỹ cho con đi học college, ba con lái xe đua rước.

- Vậy mà sao hôm qua, trong phone, cô nói cô đi làm?

Giọng cô gái nhu nhen lại:

- Khổ lắm bác sĩ.

Cô ngừng một chút để nén xúc động rồi nói tiếp:

- Ba con ý có bà Mỹ nuôi, không chịu di làm. Tối ngày cứ di nhậu với bạn bè, rồi nay đổi xe, mai đổi xe... Con nói ông, chẳng những ông không nghe mà còn chửi con: "Tiên Tổ mày! Tao đem mày qua đây dạy mày dạy đời tao hả!"

Lại ngừng một chút mới nói được, nói như trút hết ả ức còn lại:

- Có lần ông xáng cho con mấy bạt tay đau điếng...

Rồi nghẹn ngào :

- Lần đó, con bỏ nhà đi hoang...

Nói xong, hít một hơi thật sâu rồi thở hắt ra một cái như vừa làm xong một việc gì thật khó!

Ông bác si im lặng, tiếp tục châm, mà nghe thương hại cô bệnh nhân vô cùng. Cô ta cỡ tuổi con gái út của ông. Con gái út của ông đang học đại học, còn cô này thì đang sống trong hoàn cảnh quá bấp bênh. Cả hai đều Made In VietNam hết!

Châm xong, ông đặt tay lên cánh tay trần của bệnh nhân, vuốt vuốt như vuốt tay một đứa con đang cần được vỗ về an ủi:

- Cô cứ nằm yên như vậy độ mười lăm phút, nghen.

Tiếng "ạ" bỗng nghe như đầy nước mắt.

Sau khi gỡ kim, ông bác si bóp tay bóp chân bệnh nhân một lúc rồi nói:

- Bây giờ thì cô mặc quần áo vào được rồi.

Cô gái ngồi lên nói "cám ơn" mà đôi mắt vẫn còn mọng nước. Cô bước vào sau bình phong, chậm rãi mặc quần áo, làm như cô muốn những xúc cảm hồi nãy có thời gian để thấm sâu vào lòng...

Khi cô bước ra, gương mặt cô đã trở lại rạng rỡ. Cô mỉm cười nhìn ông bác si, rồi, vừa mở cái xách đồ vừa hỏi:

- Bao nhiêu vậy, bác si?

- Không có bao nhiêu. Chừng chữa xong rồi cô hãy trả.

- Bác si cho con trả mỗi lần, chớ đợi hết bệnh, tiền đâu con trả. Cái thứ di làm lậu như con...

- Cô yên tâm. Rồi mình tính.

Ông bác si đưa đĩa nữ trang:

- Cô đừng quên mấy thứ này.

Cô gái phì cười, không đeo vào người mà trút hết vào xách, rồi hỏi:

- Chừng nào con trở lại nữa, bác si?

- Tuần tới, cùng ngày này giờ này.

Bác si mở tủ thuốc, chọn lấy ra hai chai có dán nhãn sẵn, trao cho bệnh nhân:

- Trên nhãn có ghi liều lượng: mỗi ngày, cô uống sáng trưa chiều, mỗi thứ hai capsule.

Ra đến cửa phòng mạch, ông bác si già cầm bàn tay cô bệnh nhân trong hai bàn tay của ông, lắc nhẹ:

- Bớt hút thuốc đi, nghen! Từ từ rồi tôi sẽ chữa cho cô vụ ghiền thuốc nữa.

Ngập ngừng một chút rồi ông nói, giọng ôn tồn:

- Tôi muốn nói với cô điều này...

Cô gái chớp chớp mắt chờ. Chắc là lần đầu tiên cô được một ông già cầm tay một cách ân cần như vậy. Bác si nói:

- Mình là người Việt Nam, an mặc theo "punk" không hợp với con người với bản chất của mình chút nào hết. Cô đâu có xấu mà cô làm cho xấu đi, uổng lắm! Mình phải xứng đáng là Made In VietNam, chớ cô.

Cô gái nhìn vào mắt ông bác si, không nói gì hết, chỉ siết tay ông già một cái thật mạnh, rồi bước ra xe, một chiếc xe hơi cu mem phải dè tới bốn lá \$n mới nổ máy!

* * *

Ông bác si Lê ngồi uống cà phê với tôi ở khu Phước Lộc Thọ (Orange County – Nam Cali). Ông kể tiếp :

- Anh biết không, lần sau cô Kim đến phòng mạch, an mặc chải gỡ rất dễ thương. Chẳng có chút gì "punk" hết! Lần khám bệnh đó, tôi có hỏi cô sao không về sống với thằng bồ ở Louisiane có phải hơn là sống cù bo cù bắt ở Cali. Cô nói như mèo: "Anh có vợ rồi". Tôi biết: như vậy là cô kẹt

thiệt. Tôi đem chuyện này kể cho vợ tôi nghe. Bả cảm động lắm nên đề nghị giúp tiền cho cổ học một cái nghề gì đó, uốn tóc, làm nail chẳng hạn, để có công an việc làm vững chắc hơn là đi làm lậu tầm bậy tầm bạ.

Tôi nói chen vào:

- Chắc gì cổ chịu. Nghe anh kể, tôi đoán chị này cung tỵ ái lắm.
 - Anh nói đúng. Cổ từ chối hoài. Sau nhờ vợ tôi mời cổ về nhà khuyên nhủ, coi như là trong thân tình, cổ mới chịu. Hôm đó, cổ ôm vợ tôi vừa khóc vừa nói: "Con cảm ơn ông bà. Cảm ơn ông bà."
 - Sau đó cổ có đi học thiệt không?
 - Có. Học làm nail. Học giỏi nữa là khác.
 - Cổ bây giờ ra sao rồi ?
 - Mới đầu làm thợ, làm công cho người ta. Bây giờ vừa làm thợ vừa làm chủ. Khá lắm!
 - Mừng cho cổ, há!
 - Cổ xách đồ nghề tới làm nail cho vợ tôi, con út và hai con dâu tôi thường lắm. Làm không lấy tiền. Cổ cứ nói với mấy con tôi: "Tôi chịu ơn ông bà bác si biết đời nào mới trả cho hết, mấy cô biết không? Tôi không dám nói ra, chớ mỗi lần tôi cầm bàn tay của bà bác si để làm nail, tôi vẫn nghi không có bàn tay này thì làm gì tôi thoát ra khỏi hoàn cảnh của tôi hồi đó để có những gì tôi có hôm nay..."
 - Dễ thương quá!
 - Noël, ngày Tết...cổ đều mang quà đến tặng vợ chồng tôi.
 - Con người ở có tình có nghĩa quá, anh há!
 - Đã hết dâu! Cổ còn nhớ đến ngày giỗ của ba má tôi nữa. Mấy ngày đó tụi con tôi có dưa quên chớ cô ta không bao giờ cô ta quên. Ngày đó, cô đem đồ tới cúng và ở lại phụ vợ tôi nấu nướng dọn giệp nữa. Cho nên vợ tôi quý cô ta lắm!
- Nói xong, bác si Lê vỗ vai tôi, cười:
- Anh thấy không? Cô ta mới đúng là "Made In VietNam" đó! Còn nguyên chất, hè!
- Ông Lê vui vẻ cầm tách cà phê vừa nhâm nhi vừa nhìn quanh. Người Việt Nam đi dầy trong thương xá. Cung cách có hơi khác nhưng nói năng thì y hệt như ở bên nhà. Một vài tiếng chữ thì rớt rơi dầy đó, nghe rất tự nhiên. Bỗng ông quay sang hỏi tôi mà nghe như ông tự hỏi ông:
- Không biết ở xứ Mỹ này, đồng hương lưu vong, có ai lâu lâu nhớ lại rằng mình "Made In VietNam", không?
 - Có chớ anh! Nhưng cung có người chẳng những không nhớ mà còn tự dóng cho mình con dấu "Made In USA" nữa, anh à. Thứ đó bây giờ thấy cung nhiều!
- Tôi đưa tách lên môi uống ngụm cà phê cuối cùng, bỗng nghe cà phê sao mà thật đắng...

con Mén

Trong khai sanh nó tên là Loan. Ở nhà gọi nó là con Mén, vì hồi sanh nó ra nó chỉ cân đặng có hai kí lô tỵ. Bà nội nó bồng nó trên tay, nhỏ xíu như một con mèo. Bà cười văng cọt trầu : "Đu họ nó ! Thứ gì mà như con chí mén !" Từ đó, gọi nó là con Mén luôn.

Nó bú sữa mẹ, nhưng vì nhà nghèo nên má nó không đủ sữa, dặm thêm cho nó bằng nước cháo, cho nên nó không mập mạp như phần đông các trẻ nít khác. Nó cứ đèo đèo, lớn chậm và ốm tong ốm teo.

Bà nội nó cưng nó lắm. Bởi vì ba má nó chỉ sanh có con trai, một dục ba đứa, phá phách đánh lộn tới ngày. Bà nội nó thêm có một đứa cháu gái, nhẹ nhàng dễ sai dễ bảo hơn. Bà thường nói : "Có đứa cháu gái để tao có đi đâu nó theo nó xách giỏ trầu". Một ước mơ rất tầm thường nói lên nét bình dị mộc mạc của tâm hồn các bà mẹ quê. Giống như mái nhà tranh chỉ cần có bụi chuối sau hè, có ao bèo trước ngõ... Giống như con rạch nhỏ, chỉ cần đều đặn có nước lớn nước ròng...

Con Mén có thân hình óm o xấu xí nhưng lại có đôi mắt sáng, linh động, với cái miệng nhỏ chu chu cũng dễ thương. Bà nội nó nói : "Cái ngữ này lớn lên rồi phải biết. Nó hõn dằng trời!". Nói như vậy chớ bà ư nhìn nó ngủ sau khi bú, nhả vú ra rồi mà miệng vẫn còn nút nút.

Quê con Mén ở miệt Hậu giang một làng nhỏ nằm xa tỉnh lỵ, xê đôi bờ một con kinh đào. Vùng này chưa có đường xe chạy, nhưng có nhiều sông rạch nên thiên hạ đi lại bằng ghe to xuồng nhỏ. Hoặc đi bộ dọc theo bờ nước hay băng ngang đồng vào mùa ruộng khô. Xa xa, có những chiếc cầu gỗ bắc ngang kinh rạch, nối xóm này qua xóm nọ. Cầu gỗ cao lêu-nghêu, chân dài cắm sâu vào lòng nước như sợ nước lên làm ướt thân cầu. Người ta qua lại không cần lan can. Xóm con Mén tên là xóm Cầu Ngang, một cái tên nghe rất thật thà, làm như trên đời này còn có những cái cầu dọc vậy ! Xóm nhỏ đó cũng có chợ nhà lồng lợp tôn đơn-sơ. Vây quanh chợ là quán cà phê, tiệm chạp-phô, tạp hóa, hàng vải... và một tiệm sách, gọi là tiệm sách nhưng chỉ chuyên cho thuê tiểu thuyết, truyện tàu.

Con Mén sanh ra ở đó. Khi nó biết đi biết chạy, bà nội nó lúc nào cũng kè một bên, sợ nó té sông. Vậy mà chẳng mấy lâu sau, nó biết lội hời nào bà nó cũng không hay, nó học lội với ai bà nó cũng không biết. Mãi đến một hôm, trời nóng bức, con Mén nhảy ùm xuống kinh làm bà nội nó la làng chói-lói. Đến khi nhìn lại thấy nó lội như rái, bà mừng chảy nước mắt. Lòng bà vui lắm nhưng bà cũng chười đồng : "Mồ tổ cha mày!". Từ đó, con Mén đi đâu một mình bà cũng yên tâm. Bà nói : "Nó giống hệt thằng cha nó hời nhỏ".

Lớn lên một chút, con Mén lúc nào cũng ở trần, đi chân đất, chỉ mặc có cái quần xà-lỏn ka ki. Nó vẫn ốm tong ốm teo, nhưng không thấy nó bệnh bao giờ. Nó chơi với lũ trẻ hàng xóm, chơi trò con trai như con trai. Vậy mà bà nội nó vẫn ư nó hơn là ba thằng anh của nó, bởi vì đêm nào nó cũng chui vào ngủ với bà. Bà thích vuốt tóc cho nó ngủ và thích nghe mùi thơm hơi thở của con Mén, như ngày xưa, hời còn trẻ, bà thích nghe mùi thơm của lúa chín, gió ruộng đưa thoang thoang vào nhà về đêm...

Má con Mén mua đầu chợ bán cuối chợ. Kiếm đủ nuôi mấy miệng ăn. Nghèo nhưng không đói. Ba nó trốn lính một dạo, nhưng rồi cũng bị bắt. Đi quân dịch, làm binh nhì, rồi đi luôn không biết chừng nào giải-ngũ !

Ba nó đóng ở đâu miệt Sài-Gòn. Lâu lâu về phép, ở nhà được vài hôm. Những hôm đó, con Mén khoái lắm, bởi vì ba nó cũng cưng nó như bà nội nó vậy. Sáng nào, ba nó cũng cõng nó ra tiệm cà-phê. Nó ngồi trên ghế đầu cạnh ba nó, đôi mắt chỉ cao hơn mặt bàn một chút. Người lớn hay vò đầu nó, làm rối bồng mái tóc bom-bê. Lúc nào nó cũng được ba nó gọi riêng cho một tách sữa nhỏ. Sợ sữa nóng, ba nó thường sốt ra đĩa cho mau nguội. Nó kê miệng vào thành đĩa, hớp từng hớp nhỏ. Hai bên mép, sữa đóng thành hai đường trắng hếu, nhưng mắt nó ngồi lên sung sướng. Những lúc đó, con Mén đong đưa hai chân như người ta đuối ruồi...

Rồi một hôm, Việt Cộng về xóm Cầu Ngang, bắn phá tơi bời suốt một đêm, sáng bữa sau rút đi mất. Thiên hạ bắt đầu bàn tán. Trời vừa sụp tối đã đóng cửa cài then. Đêm đêm nằm ngủ phập phồng. Sáng ra nhìn nhau lơ-láo. Nét thanh bình xóm nhỏ làng quê mất dạng lần lần. Người ta bắt đầu tản cư...

Ba nó về, đưa mẹ con nó lên Sài-Gòn. Bà nội nó ở lại. Bà nói : "Tao già rồi, đi đâu chi ? Tụi bây lo cho sắp nhỏ đi, đừng lo cho tao". Bà nói cứng như vậy chớ lòng bà đau như dao cắt. Bà biết : bày vệt nhỏ và mấy gốc mận gốc xoài không giúp được bà thường xuyên lên thăm bày cháu.

Nhứt là con Mén, rứt nó đi y như là cắt đi một nùm ruột của bà. Hôm đó, bà nội con Mén ăn trà nhiều hơn mọi ngày, hết miếng này là tèm ngay miếng nọ, mắt nhìn mãi bờ kinh, không nói. Đến khi đưa bày cháu xuống ghe, bà ôm con Mén vào lòng, hôn nó mà bà khóc ngất. Bà dúi vào tay nó tờ giấy năm chục đồng xếp nhỏ, nói trong nước mắt : "Nội cho con lên trên mua bánh ăn". Nó nghe nòng lên mùi cốt trâu, mùi bà nội nó, cái mùi mà nó đã quen thở đêm đêm khi gối đầu lên tay bà để đi vào giấc ngủ. Nó ôm bà mà khóc như mưa...

Ghe đã đi xa, ghe máy nên đi nhanh hơn ghe chèo. Bà nội con Mén còn đứng ở bờ kinh, mắt rời theo ghe mà nghe như người bà bị tê dại. Kinh đào dài tun hút. Ghe đã mất dạng từ lâu mà bà vẫn nhìn mãi về phía đầu kinh. Tuốt ở đầu kinh - xa lắm - có một lần dài gạch ngang, người ta gọi là chân trời... Ba con Mén hốt hụi vay nợ mua một căn nhà nhỏ vách ván lợp tôn ở xóm

Bộng, bên kia sông Khánh Hội. Gọi là xóm Bộng bởi vì ở đó có cái ống cống thật to để nước ruộng vào ra khi nước lớn nước ròng. Dân nghèo tứ xứ tản cư về đây, ngày một nhiều, nhà nhỏ nhỏ cát dọc cát ngang, mọc lên như nấm. Cứ có chỗ trống là cát chen vào. Ngoài mặt lộ hết đất, họ cát tràn ra ruộng. Nhà này tựa vào nhà kia như sợ ngã, sát nhau đến độ không còn chỗ để làm đường đi ! Muốn vào xóm, có đoạn đi trên bờ đê – gọi là đê nhưng là bờ ruộng cũ bây giờ người ta bồi rộng ra thêm một chút – có đoạn đi trên mấy tấm ván gập gềnh bắc ngang đường nước, có đoạn phải bước hẳn vào nhà người ta để đi qua. Nhà lụp-xụp thấp lè-tè nên cứ phải cúi lom-khom, có khi bước cạnh vợ chồng người ta đang nằm ngủ trong nhà, dưới đất !

Mái nhà con Mén thuộc vào hạng cũng khá cao trong xóm. Ba nó phải đưa tay thẳng lên mới dựng. Nhà nó được lót gạch bông phần nền đất, còn nửa phần sau là đóng cừ lót ván. Ông chủ cũ nói với ba con Mén : "Làm tới đó tôi hết tiền. Thôi thì tạm một khúc nhà sàn, chừng nào cậu muốn, cậu đắp nền thêm". Rồi ông đứng trên sàn nhún-nhún : "Ván còn tốt, còn chịu được năm ba mùa lụt". Năm ba mùa đây có nghĩa là năm ba mùa nước ngập. Những hôm mưa nhiều, nước không chảy kịp ra sông, nước lên lé-đế mặt sàn. Có nơi nước tràn vào nhà, ngập mấy hôm mới rút. Những hôm đó, người ta treo hết đồ lên nóc, treo vài cái võng để ngủ tồn ten giữa vùi... Nhà con Mén không có đồ đạc gì nhiều : một vài cái rương chất trong một góc, một cái tủ nhỏ kê sát vào vách, quần áo máng trên mấy cây đinh đóng trên vách đối diện, bếp dầu hôi sòng chén dồn vào một góc phía sau. Cái gì cũng tấn vào vách vào góc để chừa khoảng trống giữa nhà dùng làm chỗ ăn chỗ ngủ. Phía sau nhà là sàn nước lộ thiên. Nước chứa trong hai thùng phi nhà binh màu cứt ngựa mà ba con Mén xin từ đơn vị đem về. Tắm rửa giặt giũ ở đó, và về đêm, phóng uế cũng ở đó luôn.

Khu này không có điện nước. Cho nên nhà nào cũng có vài cây đèn dầu hôi và đôi ba thùng phi. Mỗi ngày, có xe xi-tet đến bán nước- người ta gọi là "đổi nước" – Họ kéo ống cao-su nhỏ bằng cườm tay, chấp nối thật nhiều khúc mới đủ dài để vào sâu trong xóm. Tiếng máy bơm của họ kêu thật lớn, xanh xạch xanh xạch điếc tai. Nhưng cũng nhờ nó mà người trong xóm biết là xi-tet nước đến rồi ! Xi-tet nước chỉ "làm ăn" trong mùa nắng thôi...

Về đây, con Mén ngủ với ba nó, ngủ trên võng. Má nó và ba thằng con trai ngủ dưới gạch. Đêm đầu, con Mén không chịu ngủ, cứ đòi về bà nội. Nó ngồi bẹp dưới đất, khóc ư-ừ. Lâu lâu gọi một cách thảm não : "Bà nội ơi !" Tiếng "ơi" của nó kéo dài ra, làm má nó cũng nhớ nhà nhớ đất, nước mắt chảy quanh. Ba nó thổi tắt đèn, với tay ôm nó vào lòng, nằm trên võng đong đưa dỗi : "Nín đi con, nín. Ngủ với ba cũng giống như ngủ với bà nội chớ gì. Rồi mai mốt bà nội con lên ở với con nghen". Tiếng "nghen" bỗng nghẹn ngang nơi cổ, ba nó kèm lẩm mới khỏi phải nấc lên. Tuy nhiên, trong bóng đêm, nước mắt cũng âm thầm chảy dài trên má... Mỗi ngày, ba con Mén đi làm trong đơn vị, sáng đi chiều về, đi bằng xe buýt. Má nó chưa quen nước quen cái nên ở nhà vá áo nấu cơm. Anh em tụi nó lần la làm quen lũ nhỏ trong xóm. Dù ở giữa lòng thành phố, trò chơi của tụi nó vẫn mộc-mạc thô-sơ như thuở còn dưới ruộng : bắn bi, búng dây thun, lấy nút khoén làm mê-đai hay in cát giả làm bánh.

Ít lâu sau, má con Mén được người hàng xóm giới thiệu vào làm phu trong nhà máy ve chai bên kia sông. Mới đầu còn bỡ ngỡ, làm sai làm trật. Chiều nào về, má nó cũng buồn thiu, ra ngồi trên sàn nước, nhìn khoảng trời mở ngỏ trên cao, lâu lâu thở dài. Nhưng lần hồi má nó cũng quen tay, thêm tánh siêng-năng cần-cù, nên mấy thầy giám thị cũng thương tình nâng đỡ. Nhờ vậy má nó mới vững lòng tin ở ngày mai. Ngày mai, đối với ba má con Mén, thật là giản dị : "Chừng yên, mình về dưới bà nội tụi nhỏ, lãnh mấy công ruộng mà làm cũng dư sống". Cái hình ảnh của ngày mai đó, người tản cư nào cũng nghĩ giống như nhau : yên rồi về quê làm lại cuộc đời. Họ đã rời làng bỏ xóm ra đi, đi để còn sống mà trở về, nhưng họ vẫn mang theo trong lòng gốc dứa cây cau chậu kiểng. Họ không bám được đất, nhưng họ không để mất được gốc. Chính tình cảm quê hương sâu đậm đó đã giúp họ can-đảm nhận chịu cuộc sống tạm bợ ngày hôm nay. Ngày qua ngày, họ móm niềm tin bằng hy vọng. Và ngày qua ngày họ nuôi hy vọng bằng niềm tin ! Cứ lẩn-quẩn loanh-quanh như vậy cho đến một ngày nào đó - chưa phải là cái ngày mai chờ đợi - người già tắt thở với niềm tin và trẻ con lớn lên không biết phải hy vọng ở cái gì... Chỉ còn thế hệ của ba má con Mén là lây lất sống trong lòng đô thị, ví mình như cây chùm gửi, còn biết thế nào là

niềm đau quê hương nhưng vẫn mỗi mòn chờ đợi : "Ngày mai... Ngày mai, rồi trời sẽ lại sáng". con Mén đều được đi học, chỉ có nó là chưa. Có lẽ tại vì nó gầy còm nhỏ thó nên ba má nó quên tuổi thật của nó đi, cứ nghĩ : "Sang năm là đến phiên con Mén". Nhưng rồi nó vẫn còi-còi như vậy hoài, có lẽ còn lâu mới đi học !

Buổi sáng, ăn cháo xong là cả nhà đi hết. Con Mén ở lại coi nhà. Tiếng là coi nhà chứ lúc nào cũng thấy nó la-cà ở hàng xóm, làm bánh giả, búng dây thun. Nó búng dây thun giỏi nhưt xóm. Đã khéo tay lại biết tính toán nên ngày nào nó cũng ăn của trẻ con cùng lứa rất nhiều dây thun. Về nhà, nó cho vào túi ni-long cất kỹ, bởi vì vòng dây thun là "tiền" của tụi nhỏ. Năm vòng thun "mua" được cái nút khoén lô-canh (la-ve, nước ngọt) mười vòng thun một nút khoén ngoại quốc (các loại chai nhập cảng) và phải tới hai chục vòng thun mới có được lon cô-ca không, thật hấp dẫn với nền đồ tươi in chữ trắng... Vòng thun có giá trị như vậy cho nên đứa nào cũng ráng kiếm cho thật nhiều. Rồi cũng giấu kỹ. Rồi cũng đếm tới đếm lui, y như người lớn đếm tiền thật.

Một buổi mai, con Mén mang bọc dây thun ra đầu ngõ tìm bạn. Ở đây, có một quán cà-phê hủ tiếu và vài hàng quà bánh điểm tâm. Một bà già bán xôi thấy bọc ni-long dây thun con Mén nhét tòn ten ở lưng quần, bèn hỏi : "Dây thun đâu nhiều vậy cháu ?". Nó trả lời là dây thun của nó. Bà ta cười hiền hòa : "Vậy hà. Chớ cháu có bán dây thun hôn, bà mua cho. Để cột mấy bọc xôi ý mà". Ở đây, mấy người đi làm sớm không có thì giờ ăn sáng, ghé qua mua gói xôi mang theo để lúc nào tiện thì mở ra ăn. Xôi vẫn được gói bằng lá chuối, nhưng sau đó được cho vào bọc ni-long có sợi thun thắt lại. Vừa sạch vừa gọn.

Nghe hỏi, con Mén phân vân. Tới tuổi này, nó chưa biết đi mua một cái gì bằng tiền thiệt hết. Huống chi nói đến chuyện bán ! Nó chỉ biết giả mua giả bán nút khoén, hộp lon, trong thế giới trẻ con nhiều tưởng tượng của nó thôi. Tiền thiệt thì nó chỉ biết có tờ giấy năm chục đồng mà bà nội nó cho nó hỏi đó. Nó đưa má nó cất rồi nó quên luôn tới giờ. Thật ra, nó chỉ biết tờ giấy đó là tiền nhưng chẳng biết giá trị là bao nhiêu và cũng không biết dùng tiền đó để làm gì. Bởi vì, trong xã hội trẻ con của nó, chỉ có dây thun là có giá !

Thấy nó đứng ngớ ra mà miệng cười mím mím, bà bán xôi hiểu ngay, nên đề nghị : "Như vậy nghen : cháu cho bà túi dây thun, bà cho cháu cục xôi bự này nè". Nó nhìn theo tay bà chỉ : mềng ơi ! cục xôi bằng "bắp đùi" nằm trong lá chuối xanh láng mượt, ló ra hai đầu vàng hực có mấy miếng dừa lòi ra trắng hếu. Nó nuốt nước miếng, gật đầu. Vậy là lần đầu tiên con Mén biết thế nào là buôn bán trong xã hội của người lớn .

Từ đó, nó thường đem túi ni-long dây thun ra ngõ "mua" xôi. Bà bán xôi thương nó lắm, bởi vì lần nào nó mở hàng bà cũng đều bán đắt. Nhiều hôm vắng nó bà cũng nhớ. Những hôm đó, con Mén "hết tiền". Nhưng thêm xôi, có khi nó cũng mò ra đầu ngõ, đứng xa xa nhìn thau xôi của bà lão. Thau xôi được phủ kín lá chuối, nhưng trong tưởng tượng nó cũng thấy được màu xôi vàng hực ! Thấy tội nghiệp, một hôm bà bán xôi gọi nó lại, đưa nó tờ giấy bạc : "Nè ! Lấy tiền này mua xôi mở hàng cho bà đi cháu". Nó làm theo như cái máy. Bà bán xôi cảm động, kéo nó ngồi xuống cạnh bà. Nó ăn xôi, mắt ngời lên sung sướng. Nó ốm nhom nhưng gương mặt nó thật kháu khỉnh. Mái tóc bom-bê cắt ngắn làm cho cổ nó dài ra. Bà vuốt tóc nó, nghĩ : "Con nhà ai mà dễ thương quá !". Được bàn tay khẳng khiu của bà già vuốt tóc, bỗng nhiên con Mén nghe nhớ-nhớ một cái gì. Một cái gì không rõ lắm nhưng là một cái gì thật quen thuộc. Hình như là một cảm giác êm êm, khoái khoái, một cảm giác mà từ lâu- rất lâu - nó không nghe thấy nữa. Nó mang máng nhớ một cái gì xa thật xa, một hình ảnh, một cái tên, một người... Nó ngừng nhai, miếng xôi trong miệng đội phồng một bên má. Nó nhìn lên mặt bà bán xôi : má hóp, trán nhăn, tóc lưa thưa bạc. Đúng lúc đó, từ tiềm thức của nó bật lên hình ảnh của bà nội nó. Chỉ trong có một giây mà nó nhớ lại hết : từ bàn tay vuốt tóc, từ cánh tay gối đầu, từ mùi cốt trầu hăng-hăng mà nó ghiền thờ đêm đêm để ngủ. Nó nghe nghẹn ở ngực. Nó nghe như muốn khóc. Môi dưới nó trề ra. Miệng nó méo xệch. Nó buông cục xôi, đứng lên chạy ù vào ngõ. Vừa chạy, vừa kêu từng tiếng thật rã-rời : "Bà...nội...oi... !" Tiếng "oi" của nó kéo dài ra trong xóm, nức nở như một đường cày trên mặt Việt Cộng về chiếm hết mấy làng, trong đó có xóm Cầu Ngang của con Mén. Ít lâu sau, có tin bà nội nó chết. Ba má nó không dám về chịu tang, chôn cất, phần vì không có tiền, phần vì sợ Việt Cộng. Ba nó lấy một cái rương kê vào giữa vách, đặt lên đó một chén gạo và hai cây đèn cầy.

Đốt đèn, đốt nhang cắm vào chén gạo, xong, ba má nó vừa lạy vừa khóc. Lần đầu tiên con Mén thấy ba nó khóc. Không biết gì, nhưng sao nó cũng muốn khóc theo. Mấy thằng anh nó ngồi xếp bằng một hàng, im thin thít. Sau đó, ba nó ôm nó vào lòng, ngồi nhìn khói nhang và hoa đèn lâu thật lâu. Nó hết nhìn cái rương lại nhìn mặt ba nó. Tự nhiên nó thấy thương ba nó vô cùng. Mãi sau này con Mén mới biết cái rương đó là bàn thờ bà nội nó. Bây giờ, con Mén cũng được đi học. Bây giờ, ba nó cũng sắm được chiếc xe đạp để đi làm. Má nó thì vẫn đi đò ngang để qua nhà máy ve chai. Mấy anh nó, vì trường cũ hết lớp phải qua trường khác xa hơn, vẫn đi bộ. Má nó đã lên cấp thợ, nhờ vậy mà trong nhà thấy dễ thở hơn, sắm thêm một số đồ đạc và má nó có đeo một sợi dây chuyền... Chớ ba nó thì vẫn còn lệt-đẹt ở cấp binh nhì, loại binh nhì dùng sai vật trong văn phòng, đơn vị.

Nhờ đi học, con Mén mới biết nó tên thật là Loan. Hôm đưa nó vào trường, ba nó dặn : " Khi nào cô giáo điểm danh, kêu Lê-thị-Loan thì con hô lớn lên có mặt. Nghe con ! "Nó ngạc nhiên : "Ủa ? Con tên là Mén mà !" Ba nó phải giải nghĩa rằng Loan là tên trong còn Mén là tên ngoài, ra đường mình lấy tên ngoài chớ vào trường là phải lấy tên trong vân vân... Đối với nó, ngoài trong gì lộn xộn quá. Nó chỉ biết rằng tên Loan nghe thật dễ thương nhưng lạ hoắc, còn Mén thì thật là quen tai. Tuy nhiên, có cái tên dễ thương, nó cũng nghe lòng phờ-phới.

Nhờ đi học, con Mén hết ở trần, hết đi chân đất, nhưng tóc vẫn hót bom-bê cao. Nó đội nón vải có bo như tai bèo, mặc áo trắng tay phùng quần dài đen, chân mang dép Nhựt. Bây giờ, thật sự nó mới có nét con gái ! Ba nó nhìn nó triu mến : "Mẹ họ ! Con gái của ba coi cũng đáng ớn !" Rồi ba nó hôn nó đầy mặt. Nó rút cổ lại vì nhột, cười khúc-khích. Tình thương đâu đó bỗng trào dâng miên man. Giống như nước triều lên ôm xóm Bông, âm-thầm nhưng thật là chan-chứa.

Con Mén càng lớn, ba nó càng cưng nó nhiều. Bởi vì nó thông minh, học giỏi. Và bởi vì nó mang nhiều nét của bà nội nó. Ba nó thường nhìn nó, nói : "Thứ gì mà giống bà nội như in !" Điều mà ba nó không để ý là con Mén còn giống bà nội nó ở chỗ hay chửi đổng "Mồ tổ cha nó !" mỗi khi nó bực mình chuyện gì. Có lẽ tại vì nó chửi lắm-bầm nên ba nó không nghe.

Mấy anh con Mén đi học buổi sáng, nó đi học buổi chiều. Thành ra lúc nào trong nhà cũng có đứa học ê a, đứa nằm sắp xuống gạch nấn-nót làm bài. Hầu hết tụi nhỏ trong xóm đều học chung một trường, nên đi và về cùng một lúc, đứa trước đứa sau đi thành một hàng dài. Đến khi tụi nó học bài cũng nghe uênh-oang như tiếng ễnh-uơng vào mùa nước nổi.

Trưa, con Mén cuốc bộ đi học. Chiều ba nó đi làm về, đạp xe ghé ngang trường rước nó. Những lúc đó nó thấy hãnh-diện vô-cùng. Ngồi trên bọt-ba-ga, cặp táp đeo lưng lẳng ở cổ, hai bàn tay nhỏ nắm lấy dây nịt của ba nó để giữ thăng-bằng, nó nói chuyện huyền-thuyền, hỏi ba nó đủ thứ. Ba nó lúc nào cũng có câu trả lời, cũng góp vào câu chuyện rất hào hứng chớ không phải ậm-à ậm-ừ. Cho nên, đối với nó, trên đời này chỉ có ba nó là nhứt !

Vậy mà thời gian sau này, ba nó bị cấm-trại liên-miên. Nó đành đi học một mình và về một mình. Tối, nó ngủ một mình ên trên võng. Bây giờ nó lớn, nên không gào khóc như thuở nó mới xa bà nội nó. Nó biết xấu hổ, nên úp mặt vào chiếc áo nhà binh của ba nó âm thầm khóc rấm-rút. Rồi một lúc nó cũng ngủ thiếp đi, ôm chiếc áo như ôm lưng ba nó vậy. Việt Cộng tràn về chiếm hết miền Nam. Mấy ngày cuối cùng của tháng tư 75 thật là kinh hoàng. Thiên hạ rần-rần, nhón-nha nhón-nháo. Ba con Mén chạy bộ về đến nhà, mồ hôi mồ kê, mặt xanh như tàu lá, chỉ mặc có cái quần đùi. Ba nó hỏn-hẻn nói với má nó : "Mẹ họ ! Trong khi lộn-xộn, thằng nào nó đớp cha nó chiếc xe đạp của anh, làm anh chạy bộ về muốn tắt thở ". Má nó lo lắng : "Còn quần áo của anh đâu ?" Ba nó nhăn nhó : "Cởi liệng cha nó rồi. Mặc để Việt Cộng nó bắn thấy tiên tổ à !". Rồi ba nó phun nước miếng cái phụt như phun một cái gì thật đáng. Má nó vội đưa cho ly nước, ba nó cầm lấy, uống ừng-ực như người bị mắc xương, mắt lồi ra căm phẫn. Không biết Việt Cộng ra sao, nhưng thấy ba nó tả-tơi như vậy con Mén cũng phát tức. Nó lắm-bầm chưởi đổng : "Mồ tổ cha nó

Ít lâu sau, con Mén đã biết Việt Cộng là gì. Nó cũng bắt chước người lớn, gọi trống là "họ", chớ không hiểu rằng tiếng "họ" mà người lớn dùng có ý nghĩa mỉa-mai cay đắng, bởi vì bây giờ mới thấy giữa "họ" và "mình" có quá nhiều dị-biệt.

"Họ" bây giờ tên là "cách-mạng". Ba con Mén bây giờ bị "họ" gọi là "ngụy quân". Má con Mén bây giờ lúc nào cũng tự xưng là "vợ ngụy" mặc dù thuộc thành phần công nhân lao động. Xóm Bộng bây giờ cũng đổi thay bề mặt. Vụ gạo của chú Chành -người Tàu- bị tịch thu để biến thành trụ sở "Ủy ban nhân dân". Người lạ ở đâu về đó làm chủ tịch, thơ-ký. Chú Năm hót tóc đầu ngô bống thành ông "tổ trưởng", còn bác Bảy thợ hồ được thiên hạ gọi bằng "tổ phó an ninh". Chỉ có dân trong xóm vẫn còn là dân trong xóm ! Thiên hạ "nhong nhóng" đợi một thời gian coi tình hình ra sao, nhưng rồi ít lâu sau cũng chẳng thấy ai rục rịch dọn về quê về làng. Mong ước bình dị "yên rồi, về quê sanh sống" - một mong ước được chất chiu nuôi dưỡng từ bao nhiêu năm - bây giờ giống như bọt nước bờ sông từ từ tan rã. Cái "Ngày mai trời lại sáng" bây giờ thật sự chỉ là một giấc mộng ! Thiên hạ thường chép miệng : "Ở dưới quê họ cũng tịch thu hết rồi. Về làm cái gì ? Ở đâu cũng vậy thôi !". Dân tản cư bống thấy mình như bị mồ côi, vĩnh-viễn bị cắt đứt với gốc dứa cây cau chậu kiểng. Từ thân chùm gởi họ đã trở thành đám lục-bình. Xóm Bộng mặc-nhiên thành điểm tựa để đám lục bình bám vào đó làm một quê hương , đất đứng. Người trong xóm bây giờ thấy gần gũi nhau hơn. Làm như là không phải dân tứ xứ đến đây, mà như là tất cả đều sanh trưởng ở xóm Bộng. Bây giờ họ mới nhận thấy rằng họ giống nhau từ suy-tư đến nếp sống, từ cách ăn mặc đến lời lẽ nói năng. Họ không biết rằng biến thiên của thời cuộc đã cho họ có một đối tượng - thế giới cộng sản và con người cộng sản - để nhận-xét và so-sánh. Đối tượng đó bây giờ thật rõ nét, không còn được ngụy-trang bởi những mỹ-từ. Cho nên họ nhìn thấy không điểm nào giống họ hết, từ con người đến phong tục tập quán. Tự nhiên, họ cùng đứng về một phía và họ còn thấy cần tựa vào nhau để sinh tồn. Cũng giống như nhà của họ ở : phải xây cất bám vào nhau, kèo cột câu vào nhau, phen vách nối vào nhau để đứng vững. Xóm Bộng chưa bao giờ biết bão lụt, nhưng trong nội tâm người xóm Bộng bây giờ đang bão lụt toi-bời... Ba con Mén đi học tập ba hôm rồi về nằm nhà gác tay lên trán. Má nó vẫn đi làm. Anh em nó vẫn đi học.

Thời gian sau, ba nó cũng kiếm được việc làm ở bến tàu Khánh-Hội, sáng đi chiều về. Đêm đêm, ba má nó thay phiên nhau đi họp phường hoặc họp tổ. Lâu lâu, thằng anh lớn của nó đại-diện ba má ra phòng họp ngồi cho có mặt. Những lúc đó, thấy nó mang theo hoặc quyển sách hoặc cuốn tập để thừa dịp có đèn sáng mà học bài cho ngày hôm sau...

Bỗng một đêm, công an khu-vực cầm đèn bấm đưa bộ đội đến bắt ba con Mén dẫn đi. Cả xóm nhón-nháo trong bóng tối. Má nó chạy theo kêu khóc, trượt bờ đê té lên té xuống. Đến đầu ngô có đèn sáng, ba nó nói với má nó : "Chắc họ bắt lầm, chớ anh không có làm gì hết. Em yên tâm." Ở nhà, mấy anh em nó thắp đèn rồi ngồi nhìn nhau méo-máo. Hàng xóm thay nhau đến ngồi với tụi nó cho đến khi má nó trở về, đầu cổ bờ phờ quần áo lấm lem bùn đất. Họ an ủi má nó, xì-xầm bàn-tán cho tới khuya mới ra về.

Đóng cửa tắt đèn từ lâu mà con Mén nằm trên võng còn nghe má nó khóc thút-thít. Nó cảm thấy thương má nó, thương ba nó. Rồi nó đâm tức giận mấy thằng công-an bộ-đội. Kèm không được, nó buột miệng chửi lớn : "Mồ tổ cha nó !". Tiếng của nó lạnh-lãnh, sắc bén, rạch bóng đêm như một lưỡi dao lam. Má nó giật mình, ngừng khóc, vói tay mò-mẫm sờ đầu nó. Nó nắm lấy bàn tay áp vào một bên má như muốn chia sót niềm đau. Má nó bống nghe bàn tay mình ướt-ướt. Mấy hôm sau, vẫn không thấy ba nó về. Trái lại, công an khu vực đến thăm má nó thường hơn. Và lần nào cũng khuyên : "Chị cứ yên tâm. Nếu nhà nước xét thấy anh ấy không có nợ máu với nhân-dân, anh ấy sẽ được thả về thôi. Ta sáng suốt chớ không ác-ôn như ngụy đầu, chị ạ !"

Ít lâu sau, có tin ba con Mén bị đưa đi học tập cải-tạo ở đâu ngoài Trung. Má nó khóc hết nước mắt. Tên công-an khu-vực lại đến nhà khuyên : "Đi học tập chớ đi tù đâu mà chị sợ. Cứ học tập tốt là được về ngay thôi. Yên chí !" Thoáng nghe như vậy, con Mén tức cảnh hồng. Nó nhìn tên công-an chỉ có nửa con mắt ! Má con Mén bị "họ" cho nghỉ việc. Gọn như liệng một món đồ vô dụng vào sọt rác ! Tên thủ-trưởng gọi má nó vào văn phòng, nói bằng một giọng trắng nhách như vôi : "Tập thể đã nhất trí cho chị nghỉ việc ngay từ bây giờ, bởi vì chị không còn đủ điều-kiện để phục-vụ nhân-dân nữa. Chị lấy hết đồ đạc của chị rồi đi về đi." Đồ đạc là cái áo, cái khăn lông, cái nón lá và đôi dép cao su đúc. Một tên an-ninh đi theo đến cổng, dặn : "Chị đừng trở lại đây làm gì nữa. Không tốt đâu". Má nó làm lủi đi, chẳng nói chẳng rằng. Cũng chẳng nhỏ một giọt nước mắt.

Bởi vì má nó đã chuẩn bị tinh thần từ ngày biết tin ba nó đi học tập cải tạo. Dưới chế-độ cộng-sản, đã là vợ con của "ngụy" là phải biết dọn mình chịu đựng sự kỳ-thị của kẻ cầm quyền... Khi má con Mến về đến nhà thì tụi nhỏ đã đi hết, đưa đi học, đưa đi lao-động trong trường. Má nó bèn dọn dẹp đồ đạc rồi nấu cơm một cách thản nhiên như chẳng có gì xảy ra hết. Bình thường, má nó không về giờ này, nên hàng xóm để ý. Vài người chạy sang hỏi han như trong gia đình : "Bộ có chuyện gì sao mà má con Mến về nhà giờ này vậy ?" Hỏi, nhưng trong lòng họ đã đoán ra câu trả lời hết chín phần mười. Má nó cũng nghe an-ủi : "Dạ thì họ đuổi chớ sao ! Ngụy mà ! Kể số gì ?" Rồi má nó cười thật mỉa mai. Một bà già phát tức, phun cốt trầu cái phệt : "Hừ ! Cái giống gì mà thiệt vô nhân đạo. Người ta đã nghèo, một thân một mình làm nuôi bầy con mà cũng đuổi cho đành !" Một bà khác thêm vào : "Thôi đi ! Nói gì cái thứ đó ! Mồ ông mà cha của tụi nó mà tụi nó còn coi không ra gì thì nói chi tới bà con mình". Nghe mấy tiếng "bà con mình" bỗng nhiên má con Mến mũi lòng, chảy nước mắt. Từ ngày bỏ xóm Cầu Ngang tạm cư ở xóm Bông này, mặc dù có chồng con ở một bên, má nó vẫn nghe bơ-vơ lạ-lùng. Má nó thấy thiếu con kinh đào bờ đê thẳng tắp, thiếu chiếc cầu gỗ nhón cao chân dài, thiếu màu vàng ruộm lúa, thiếu mùi thơm bông cau, thiếu họ-hàng ruột thịt... Những thứ mà má nó đã thờ từ những hơi thờ đầu đời. Những thứ mà má nó đã nhìn từ khi nụ nhìn biết phân biệt. Tất cả, tất cả đã trở thành nhịp sống của chính bản thân của má con Mến. Mất đi những thứ đó, má nó cảm thấy như bị tách biệt ra khỏi cuộc đời này... Xóm Bông tuy hiền, nhưng trước đây người cùng xóm đối xử với nhau còn nhiều dè-dặt, ít qua lại với nhau, gặp nhau chào hỏi xã-giao lầy lẹ. Do đó, mặc dù sống trong xóm nhỏ đông người, má con Mến vẫn thấy như mình sống lẻ loi giữa đồng giữa ruộng. Niềm đau đó má nó chìm sâu trong nội tâm từ bao lâu nay, bây giờ mấy tiếng "bà con mình" thật chất-phác nhưng thật gần gũi, thật đậm đà tình lân lý, đã mở ngõ khơi nguồn. Má nó khóc mà nghe lòng thật ám-cúng và cũng thật là thênh thang trải rộng. Giống như ruộng lúa xóm Cầu Ngang được ươm vàng dưới nắng, cuối mùa mưa...

Biết thân phận mình không làm sao tìm được việc làm ổn định, dù làm phu quét đường đổ phẩn, má con Mến cầm thế một mớ nữ trang quần áo rồi đi buôn đầu chợ bán cuối chợ. Trường giống như ngày xưa ở dưới quê, té ra thật là chật vật. Ở đây và bây giờ, có một trăm người bán nhưng không có một vạn người mua. Quá nhiều người bán bởi vì những người này một số không chịu đi làm cho chế độ, một số bị chế độ sa thải đành buôn bán lắt nhắt để kiếm sống. Quá ít người mua bởi vì thiên hạ không còn tiền...

Anh em con Mến cũng đã nghỉ học, ở nhà giúp má tụi nó bằng cách đi bươi đồng rác lượm ve chai, giấy vụn, bao ni lông... Má con Mến cắt bao bố tời may lại thành túi nhỏ cỡ bằng ba giỏ đi chợ, có hai quai để tụi nó mang vào vai vào cổ. Mấy đứa lớn mang ba túi mỗi đứa, mấy đứa nhỏ tùy bữa mà đeo khi một khi hai. Đứa nào cũng cầm một que sắt đầu uốn cong như cái móc. Thằng lớn hay đùa : "Tụi mình bây giờ thành Cái Bang hết. Tao là trưởng lão ba túi, còn tụi bây là đệ tử. Mỗi ngày tũ ra đi hành hiệp trên mấy đồng rác thành phố Hồ Chí Minh quang vinh !" Rồi tụi nó cười vui như chẳng biết phiền lụy là gì.

Má con Mến thì khác. Ưu tư nằm ngay trong ánh mắt nụ cười. Những đêm trần trọc đã đào sâu đôi má. Càng ngày, con người càng héo hon. Tuy nhiên, chẳng bao giờ nghe má nó mở miệng than một lời. Thấy tội nghiệp, hàng xóm thương qua thăm mẹ con con Mến để phụ tụi nhỏ lựa ra và xếp riêng thành đồng miếng chai theo miếng chai, ni long theo ni long, giấy theo giấy v.v... lâu lâu họ cũng mang cho vài khúc mía, trái dưa hoặc mấy nhúm tôm khô. Có gì cho nấy, không còn nề hà dở ngon hay nhiều ít. Má con Mến đều nhận hết, không bao giờ từ chối đẩy đưa. Bây giờ, làm như là người ta sống thật tình với nhau hơn hồi trước. Làm như là thiên hạ cần có nhau như hơi thở cần cho cuộc đời. Có lẽ bởi vì họ đã mất tất cả những gì họ đã có, bây giờ họ chỉ còn lại có nhau thôi...

Lần hồi rồi má con Mến cũng phải bán đi chút đỉnh đồ đạc trong nhà để đủ có miếng ăn cho lũ nhỏ. Lúc này tụi nó lớn thấy rõ, mặc dù ăn uống kham khổ. Mấy bà hàng xóm thường nói : "Trời sanh, trời nuôi". Mà thật, tới con Mến cũng cao lên, tuy vẫn còn gầy. Tay chân hơi ghe lở nhưng gương mặt vẫn khá khinh nhờ mái tóc vẫn hớt bom-bê cao. Nó không chịu để tóc dài. Mỗi lần má nó đề nghị "Để tóc dài đi con cho nó thành con gái" nó lắc đầu nguầy nguậy, tóc bom-bê xòe

ra như rẻ quạt : "Nực thấy mồ..." Mấy hôm đầu đi bơi rác, nó còn mang dép Nhựt. Sau đó, nó lượm một mớ giày Bata rách mũi, chọn được hai chiếc vừa chân thì một xanh một vàng. Nó mang vào, hí hửng : "Kệ nó ! Khác màu như vậy khỏi sợ chúng nó ăn cắp". Rồi nó đem đôi dép Nhựt rửa sạch, cất kỹ. Không ai hỏi, nhưng nó vẫn giải thích : "Để giành mai mốt có đi học lại, có mà mang" Nghe nó nói, thằng anh hai nó nhìn nó rất lâu, bồi hồi xúc động. Anh nó nhận thấy con Mén không còn là con nít nữa.

Má con Mén có một người chị ruột tên Ánh -Nguyễn Thị Ánh- hồi đó nấu bếp cho vợ chồng một ông Tây. Khi gia đình ông này dọn về xứ, chị Ánh cũng đi theo họ rồi ở luôn bên đó. Ít lâu sau, có tin chỉ lấy chồng người Pháp rồi hai vợ chồng đưa nhau qua làm ăn ở Phi-Châu. Chỉ cũng đã vào quốc tịch Pháp và đổi tên là Anne – bà Anne Brioude.

Khi má con Mén bắt đầu cạy gạch bông nền nhà lên bán để độ nhựt – thằng anh con Mén nói "hết ăn tử tới ăn rương, bây giờ tui mình ăn tới gạch !" thì chị Ánh ở bên tây về kiểm thăm. Ông chồng khuyên không nên về sợ gặp khó khăn, nhưng chị vẫn quyết định : "Tôi phải về kiểm tui nó coi ra sao. Nghe nói bây giờ bên Việt Nam dân chúng đói khổ lắm". Rồi chị mua thật nhiều hàng vải quà cáp làm như gia đình chị bên nhà còn rất đông. Thật ra, chị Ánh chỉ còn có má con Mén là ruột thịt, nhưng mười mấy năm xa cách đã làm cho tình thương trong lòng chị thật mênh-mông, không bờ không bến, đến độ chị không đo lường được nữa không phân biệt được nữa đâu là tình thương em đâu là tình thương quê hương...

Về Sài Gòn – chị Ánh vẫn gọi là Sài Gòn vì thói quen – chị ở khách sạn Hữu-Nghị. Ngày ngày chị đi dò hỏi tin tức má con Mén, từ những người quen xa xa chỉ qua những người cùng gốc ở Cầu Ngang nhưng đã lên làm ăn ở thành thị từ trước... Cứ phẫn lần phẫn lần rồi chị Ánh cũng tìm ra xóm Bông. Đến đây, chị gặp một trở ngại lớn : người trong xóm không biết ai tên là Nguyễn thị Hoa hết. Chị giải thích dài dài : "Nó nhỏ nhỏ con, người tròn trịa trắng trẻo, năm nay chừng bằm mấy chớ chưa già lắm" Chị tả hình dáng của người em gái cách đây đã mười mấy năm, cái thời mà hai chị em còn ở dưới quê, trưa trưa hay ra ngồi trên cây dừa bắt ngang đường nước, thọc chân trong nước mát, đong đưa kể chuyện tâm tình... Hình ảnh đó, chị đã mang đi và giữ vẹn cho đến bây giờ, quên mất là thời gian đã đi qua và nét đời đã bị bôi đi vẽ lại ! Không ngã lòng, chị tìm cách nói với mấy bà già trong xóm : "Cháu tên là Nguyễn thị Ánh, con em cháu tên Nguyễn thị Hoa. Tụi cháu dân ở Cầu Ngang, miệt dưới..." Địa danh Cầu Ngang đã giúp mấy bà nghĩ ra má con Mén. Một bà hỏi : "Có phải cô đó có bốn đứa con không ?" Chị Ánh mừng rỡ : "Đúng rồi ! Người ta nói nó có bốn đứa con, ba trai một gái !" Bà già gật đầu : "Vậy là má con Mén rồi !" Trước khi chỉ đường, bà trách nhẹ : "Kiếm má con Mén thì nói kiếm má con Mén ! Cô cứ nói Nguyễn thị Hoa hoài, ai mà biết ai !"

Vậy là hai chị em gặp nhau. Gặp nhau thật là ngỡ-ngàng. Quá nhiều thay đổi để nhìn ra nhau ngay và xa cách đã quá lâu nên tình cảm bị chìm sâu trong tim thức. Phải một vài giây im lặng để tìm lại những nét cũ trên gương mặt bây giờ và để những tình cảm bị bỏ quên từ ngày xưa được trả về với hiện tại. Sau phút ngỡ ngàng hai chị em ôm chầm lấy nhau, khóc nức-nở.

Chị Ánh đã quyết định : gia đình con Mén phải qua Phi Châu ở với chị. Nhìn tay chân ghẻ lở của bày cháu, nhìn gương mặt già trước tuổi của đứa em, chị nghe bất nhẫn vô cùng. Chị nói : "Không được ! Ở lại đây tui bây cùi luôn, ngu luôn. Qua bên tao lo cho hết. Còn ba tui bây, từ từ rồi tính sau" Rồi chị sắp đặt : "Chị để lại một mớ tiền, em lo liệu cho mấy đứa nhỏ và đi thăm nuôi chồng em. Chừng chị về bên đó, chị sẽ gọi tiếp thêm để em chạy lo giấy tờ. Tốn bao nhiêu thì tốn, nhưng phải đi khỏi xứ này gấp". Má con Mén như người không biết lội vừa chìm xuống nước ngoi lên ôm được cái phao, nhìn trời cao lồng lộng bên trên mà cảm nhận cuộc sống này vẫn còn có lối thoát.

Chị Ánh trở về Pháp. Tụi nhỏ vẫn tiếp tục bơi đồng rác ngày ngày để đừng ai để ý. Má con Mén chạy chọt dò dẫm rồi cũng tìm ra trại học tập của chồng.

Lần đi thăm nuôi đầu tiên, con Mén có đi theo. Thấy ba nó gầy nhom, nó rút nước mắt. Má nó kể chuyện di Ánh cho ba nó nghe, ba nó vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Nhưng khi nghe hỏi ý kiến về vụ cho mấy đứa nhỏ sang Phi Châu, ba nó bỗng im lặng nhìn ra bìa rừng làm như câu trả lời nằm ở đâu ngoài đó. Một lúc sau, ba nó nói, thật trầm tĩnh : "Ờ... tính như vậy cũng được. Cho

mấy đứa nhỏ nó có tương lai...” Rồi ba nó cầm lấy hai bàn tay nhỏ của nó, vừa bóp nhẹ vừa nhìn nó thật lâu. Nó cũng nhìn ba nó : chưa đầy một năm mà ba nó già đi nhiều, mắt sâu xuống, gò má nhô lên, râu tóc rối bời... Ba nó đã làm tội tình gì mà “tụi nó” òa òa ba nó ra như vậy ? Rồi nó nhìn ra mấy thằng bộ đội đứng lơ-ngờ ngoài kia, môi nó mím lại, mắt nó lòi ra : nó muốn lấy que sắt cào bươi “tụi nó” tả tơi như nó nó đã cào bươi mấy đồng rác ! Từ đó, con Mén biết thế nào là hận thù...

Di Ánh đã gọi về đầy đủ giấy tờ, má con Mén cũng đã nạp hồ sơ xin xuất cảnh qua Côte d'Ivoire (Phi Châu). Nhờ có tiền gọi về, má nó chạy chọt dứt lốt nên cũng không gặp nhiều khó khăn. Cho đến ba con Mén bây giờ cũng được các cán bộ dành nhiều dễ-dãi.

Thời gian qua mau, mới đó mà đã hai năm mấy. Khi ba con Mén được thả về thì mẹ con tụi nó chỉ còn chờ ngày lên máy bay. Ba nó về mà có cảm tưởng như được đặc-cách cho về để đưa vợ con đi vậy. Bởi vì, sau đó, ba nó vẫn sẽ phải sống chật-vật một mình trong một vùng kinh-tế mới nào đó, và tuy không còn ở trong trại nhưng vẫn ở lại trong xứ thì cũng giống như bị giam trong một trại tập trung khổng-lồ.

Ngày ba nó trở về, căn nhà nhỏ bỗng trở nên quá nhỏ để tiếp những người hàng xóm. Ai cũng mừng cho gia đình con Mén, mừng thật sự, bởi vì đối với họ, ba con Mén là người của đại gia đình xóm Bộng. Vậy mà cái đại gia đình đó vẫn chưa ai hay rằng tụi con Mén sẽ bay đi tìm sống tự do ở một chân trời khác. Bởi vì má con nó luôn luôn giữ kín chuyện này, cũng như mọi người đang lo xuất cảnh hay toan tính vượt biên, chẳng một ai dám hé răng.

Bây giờ con Mén lớn rồi, nên nó để cái võng cho ba nó nằm. Nó săn sóc ba nó từng chút : lấy khăn lông nhúng nước cho ba nó lau mặt, nấu trà cho ba nó uống, bới cơm cho ba nó ăn. Mẹ con nó ngồi dưới đất vây quanh võng để nghe ba nó kể chuyện cải tạo đầy khổ nhục. Ba nó bây giờ hút thuốc rê như ống khói. Ba nó thấy bầy nhỏ nhìn mình chằm-chú, nên mỉm cười phân trần như tự bào chữa : “Hồi đó ba đâu biết hút thuốc. Rồi trong trại, phần vì lạnh, phần vì buồn, bạn tù chia nhau điều thuốc rê. Riết rồi ghiền luôn, bỏ không được”. Con Mén nghe thương ba nó vô cùng. Nó muốn nhào lại ôm ba nó để chia sẻ ngàn đó tháng năm chồng chất bằng đói lạnh buồn đau. Nó muốn nhào lại cầm tay ba nó đặt lên một bên má của nó, rồi an ủi ba nó bằng những lời lẽ thật là dịu thật là ngọt. Nó muốn... nó muốn... Nhưng, không hiểu sao nó vẫn ngồi yên nhìn ba nó mà ghen-ngào chảy nước mắt. Có lẽ nó tự nhận thấy bây giờ nó không còn là con nít nữa.

Bữa đi phi-trường thật là tội nghiệp. Cả nhà len-lén đi, không dám chào ai hết. Gọi là đi chánh-thức nhưng giống như là đi trốn, đi chui. Má con Mén dặn dò mấy đứa nhỏ thật kỹ lưỡng, rồi kết luận : “Sợ bà con biết rồi ba con buồn, hiểu chưa ?”

Nếu bà con biết thì có lẽ bà con sẽ buồn thật. Không phải chỉ buồn vì xa tụi con Mén, mà còn buồn vì số phận hẩm hiu của mình, bởi vì không phải ai cũng được may mắn như gia đình con Mén. Điều mà má nó không nói ra là trong thâm tâm má nó rất ái ngại khi phải bỏ xóm Bộng ra đi. Má nó thấy mình giống như lính đào ngũ trong khi bạn đồng đội đang gan lỳ chịu đựng. Ngồi trên xe đi phi trường mà má con Mén cứ lâu lâu lại thở dài...

Phi-trường đông thật đông, Người đi không có bao nhiêu mà người tiễn đưa thì thật là nhiều. Kẻ đi người tiễn nào mắt cũng mọng đỏ. Họ đã khóc đầu từ hồi còn ở nhà hay từ hồi còn trên xe, đến đây còn thấy có người khóc tiếp. Dĩ nhiên buổi tiễn đưa nào cũng buồn, nhưng tiễn đưa mà biết rằng vĩnh viễn không gặp lại nhau nữa thì buổi tiễn đưa đó mới thật là đau đớn. Nó cũng giống như đi chôn người thân, cho nên có nhiều người ôm nhau khóc thật thảm thiết. Người đi cũng như kẻ ở đều chết điếng trong lòng. Lời nói chỉ còn là nước mắt.

Mấy anh em con Mén lần lượt ôm ba tụi nó, khóc như mưa bắc. Con Mén được ba nó ôm sau cùng, ôm thật lâu... Ba nó siết chặt nó vào lòng mà nghe như có cái gì trạo trực từ lồng ngực đưa lên cổ. Ba nó nhắm nghiền mắt lại, nuốt xuống như nuốt liều thuốc đắng.

Đến khi ba nó hôn nó lần cuối thì nước mắt ở đâu bỗng trào ra như suối. Trong một khoảnh khắc, người đàn ông quê mùa cục mịch đó bỗng nghe thân xác của mình tan ra thành nước, bỗng thấy tất cả đều nhòe nhoẹt tối đen mà mình thì đã chết đi, chết hẳn. Thời gian như ngừng lại rất lâu... Rồi cũng phải buông rời nhau ra để thực sự nhìn nhau lần cuối. Những người tiễn đứng thành hàng dài, còn rần chồm qua hàng rào ngăn cách để nắm níu người đi. Chỉ trong vài giây ngắn ngủi đó, tất cả đau thương cô đọng lại thành tiếng nấc, rồi người ta khóc to lên không còn cần giữ ý tứ gì nữa. Giống như lúc liệng nắm đất lên mặt quan tài nằm sâu dưới huyết. Ở đây, đúng là “người đi” đi vào một thế giới khác.

Ba con Mén nhìn theo vợ con bước vào bên trong, khoảng cách không có bao nhiêu nhưng sao thấy xa mút như đầu con kinh đào ở xóm Cầu Ngang. Con kinh đào mà thuở ấu thơ ba nó đã từng nô đùa tắm mát bây giờ cũng xa lắm nhưng còn có ngày ba nó nhìn thấy lại, chớ vợ con thì... Ba nó ngừng suy tư ở đó để vẫy tay lần cuối trước khi vợ con bước qua khuôn cửa kiếng. Cánh cửa đóng lại khô khan như gương mặt mấy thằng công an đứng gần quanh đó, đứng đưng như chẳng có chuyện gì xảy ra ! Trong phòng đợi, con Mén lẩm nhẩm đánh vần khẩu hiệu được vẽ to trên tường bằng sơn đỏ: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Tôi quen con Mén ở Abidjan, thủ đô xứ Côte d'Ivoire. Má nó đưa anh em nó lại để học Pháp văn với tôi, cùng với những đứa con của mấy gia đình tỵ nạn khác.

Con Mén bây giờ không còn “mén” nữa. Nó tròn-trịa ra, đôi má phình-phính hồng. Tóc bây giờ đã để dài chấm vai, đuôi tóc quớt quớt.

Khi đã quen thân, con Mén tí-tê kể cho tôi nghe từng mẩu chuyện nhỏ trong cuộc đời của nó, nhớ đâu kể đó, không thứ tự lớp lang. Nhưng phần lớn, chính má nó kể lại, tí mỉ hơn, nhứt là đoạn nó còn nhỏ.

Những lúc con Mén kể chuyện, mặt nó tươi ra, rạng rỡ, mắt nó ngời lên tinh-anh. Và khi nó nói về ba nó, nó không thiếu một chi tiết. Lâu lâu nó ngừng lại để chêm vào : “Cũng tại tụi Việt Cộng hết !” Đến những đoạn bi-thảm của ba nó, có khi nó ngừng kể, mắt nó đầy cảm thù, tiếng nó bị nghiền lại trong răng. Tôi đoán nó đang chửi thảm : “Mồ tổ cha nó !”

Một hôm, nó nói với tôi :

- Bác Hai nè ! Bác đừng nói với ai hết nghen. Con muốn nhờ bác dạy con chữ quốc-ngữ nữa. Hồi đó con mới học hết lớp một rồi nghỉ học luôn tới giờ nên con còn dốt lắm !

Rồi nó chớp chớp mắt, giọng nói bỗng trở nên triu mến :

- Con muốn học quốc ngữ để con viết thơ cho ba con...

Câu nói đó đã làm tôi xúc động đến ứa nước mắt !

Từ bao lâu nay, người tỵ nạn chỉ nhờ tôi dạy Anh văn hay Pháp văn. Đây là lần đầu tiên trong đời lưu vong, tôi được người nhờ dạy quốc-ngữ. Lại là một cô gái nhỏ. Và cô học chỉ để viết thơ về cho cha cô ở Việt Nam ! Giản dị như vậy. Vậy mà sao tôi có cảm tưởng như tôi vừa được nhắc đến quê hương, nhắc bằng chữ i, chữ tờ... Và được thấy lại một nét quê hương qua hình ảnh người con muốn viết thơ về cho cha vì vẫn không muốn cắt lia cuống rún !

Tôi nhìn con Mén mà thấy thương thấy quý nó vô cùng. Nó không hiểu cái nhìn của tôi nên gật gật đầu, lập lại :

- Con muốn viết thơ cho ba con.

Tôi cảm hai bàn tay nó bóp nhẹ :

- Ờ... Bác sẽ dạy con... Bác sẽ dạy con...

Trên gương mặt phình phính của con Mén, nở ra một nụ cười rạng rỡ. Chắc nó đang nghĩ đến ba nó, đến cái ngày mà nó có đủ chữ đủ câu để nắn nót viết cho ba nó những bức thơ dài...

Ở Abidjan không có sách giáo khoa Việt Nam. Tôi phải nhờ một người bạn ở Paris mua gởi sang. Từ đó, ngày ngày tôi dạy riêng con Mén mà có cảm tưởng như chính tôi đang đi học lại.

Bây giờ, tôi thấy quý vô cùng những chữ la-tinh mang móc câu, để trở thành chữ ư chữ ơ, đội nón úp nón ngựa để trở thành chữ â chữ ă, kéo theo mấy dấu lặn quẩn nằm dưới nằm trên... Bởi vì nhờ có chúng nó mà cha con con Mén vẫn thấy được gần nhau mặc dầu ở xa nhau cách nửa địa cầu. Bởi vì nhờ có chúng nó mà tôi đã khám phá ra con Mén : một đứa gái nhỏ tuy tỵ nạn bao

năm ở xứ người mà trong lòng vẫn còn giữ nguyên hình ảnh của xóm Bộng, của Sài Gòn, của Việt Nam...

Xíu

Nàng là người Việt gốc Hoa. Tên nàng là Trịnh Tiểu Mi, một cái tên rất... "tài tử Hồng Kông". Mà thật sự, nàng cũng có nét tài tử Hồng Kông, bởi vì nàng đẹp. Ở nhà gọi nàng là "A Xíu", một cái tên có âm thanh thật dễ thương. Và cũng hợp với con người của nàng: nhỏ nhỏ thon thon, cân đối gọn gàng như con búp-bé.

Gia đình nàng có nhà ở Chợ Cũ Sài Gòn. Tầng dưới là cửa hàng bán cà phê đã rang rồi, cà phê hột và cà phê xay đủ loại. Hai tầng trên để ở và sân thượng là nơi rang cà phê.

Nàng là con gái duy nhất của gia đình, lại là đứa con út nên được cưng như trứng mỏng. Hai người anh đã có gia đình, đã "ra riêng", cũng bán cà phê nhưng ở tuốt trong chợ lớn. Ngày ngày, nàng phụ "mà má" đứng bán cà phê. Khách hàng tới mua nườm nượp, nhất là giới trai trẻ. Cà phê được pha trộn và rang theo lối thủ công gia truyền, ngon có tiếng. Bán đắt đã đành nhưng cửa hàng đông khách, có lẽ phần lớn tại vì nàng duyên dáng dễ thương ! Bằng có là thiên hạ nói "Cà phê A Xíu" chớ không ai nói "Cà phê Hối Ký" là bản hiệu của cửa hàng !

...Chàng là người Việt "chánh cống", quê ở Cần Thơ. Chàng thuộc gia đình nông dân, ba đời làm ruộng. Chàng tên là Bảy vì là thứ bảy. Dáng vóc chàng cao ráo, "đô" con, nhưng tánh tình thì trầm lặng ít nói, còn có vẻ... lù đù nữa ! Vì vậy nên hồi đi lính quốc gia, bạn đồng đội "gần" cho hõn danh "thằng Bảy Lù".

Hồi thời trước, nhờ bà con quen lớn sao đó mà chàng được về làm việc văn phòng ở tổng tham mưu. Chàng mượn một căn gác nhỏ ở khu cổng xe lửa số 6 để ở, rồi ngày ngày đi làm bằng xe đạp. Chàng không đủ sức mua Honda nên lúc nào cũng thấy đi xe đạp, cho dầu phải đạp xa cách mấy...

Chàng và nàng gặp nhau lần đầu trong bữa tiệc cưới của một người bạn chung. Chú rể này cố tình sắp cho họ ngồi cạnh nhau, cùng bàn. Bởi vì khi giới thiệu, anh ta nói : "Đây là Tiểu Mi, người đẹp Chợ Cũ. Chưa có kếp nào được lọt mắt xanh của nàng hết. Mà liệu thử thời vận coi ra sau. Còn đây là thằng Bảy, bạn cùng đơn vị. Nó hơi cù lần nhưng dễ thương như một tờ giấy trắng. Anh sắp nó ngồi cạnh Tiểu Mi để nó... hầu Tiểu Mi đó nghe !" Nàng nhìn chàng, mỉm cười mà hai vành tai đỏ ửng. Chàng gật đầu, nói lí nhí : "Hân hạnh...". Vậy rồi họ quen nhau...

Về đơn vị chàng giới thiệu "cà phê A Xíu". Máy xếp lớn xếp nhỏ uống thử, khen ngon. Sau đó, cứ vài hôm là chàng đạp xe xuống Chợ Cũ mua cà phê giùm mấy xếp. Nhờ vậy, họ thân nhau. "Pà-pá , mà-má" của Xíu cũng mến "thằng Bảy", nên thường nói : "Tội nghiệp thằng nhỏ ! Đạp xe lên xuống mua cà phê hoài mà không nghe than một tiếng".

Rồi họ được phép đi chơi với nhau. Đi xe đạp, mỗi đứa một chiếc, chạy song song. Những lúc đi như vậy, chỉ có mình nàng nói, còn chàng thì mỉm cười lắng tai nghe, lâu lâu góp vào vài câu, nhưng góp đúng lúc. Nàng thích chàng ở chỗ tế nhị đó. Còn chàng thì thích nghe nàng nói, nói bất cứ chuyện gì. Bởi vì giọng nói của nàng đã dễ thương mà cách nàng nói càng dễ thương gấp bội.

Vậy rồi họ yêu nhau lúc nào không biết ! Họ chưa từng nói "yêu nhau" nhưng họ biết họ yêu nhau. Bởi vì họ nói tình yêu bằng đôi mắt và họ nghe lời yêu bằng tất cả con tim...

Một hôm -chàng nhớ hoài cái hôm đó, đến bây giờ vẫn còn nhớ rõ, và có lẽ mãi mãi về sau ... ờ... mãi mãi về sau ... chắc chẳng bao giờ quên- hai đứa hẹn nhau đi chơi, Xíu nói : "Em để xe đạp ở nhà. Đi chơi mà đạp xe song song cứ phải nhìn qua ngó lại, sợ té sợ đụng, có khi quên bằng đi mình đang nói cái gì ... thành ra mất đi cái thú đi chung với nhau". Rồi nàng nghiêng nghiêng đầu nhìn chàng, cười cười : "Em muốn anh chớ em đi, được không ?". Chàng sung sướng, gật đầu. Nàng ngồi lên pọt-ba-ga, hai chân buôn thõng một bên, một tay nắm lấy phía sau yên xe. Dáng nàng ngồi thong dong thoải mái. Chàng đạp xe, nghe nhẹ phiêu phiêu. Một lúc, chàng hỏi "Xíu ngồi có được không ?". Nàng trả lời: "Được chớ anh". Rồi tiếp: "Anh thấy không ? Mình đi chung một xe như vậy, nói chuyện với nhau có phải thích hơn không ? Dĩ nhiên, anh ngồi phía trước, em phía sau, mình không nhìn nhau được trong khi nói chuyện. Nhưng mình đâu cần nhìn nhau mà mình vẫn thấy nhau phải không anh ?". Chàng nghe mát cả lòng. Chàng gật đầu rồi nhún

mạnh lên bàn đạp cho xe đi nhanh nhanh như để nói lên niềm phấn khởi ! Rồi đột nhiên chàng nói, lờ lẽ không biết từ đâu tuôn ra : "Xíu à ! Chờ Xíu đi như vậy, có phải đạp suốt ngày, suốt tháng, suốt năm... anh cũng đạp nổi." Nàng cười sung sướng, đưa tay véo hông chàng một cái. Sao nàng thèm cắn người yêu thật đau cho hả "cái gì đó" đang căng đầy lồng ngực... Từ đó, có đi chung thì luôn luôn chàng đèo nàng sau xe...Để thương quá là tình yêu của Bảy và Xíu !

Vậy rồi có ngày 30 tháng tư 1975... Phải có ngày đó, để đổ nát được cách mạng đề cao. Phải có ngày đó, để hoang tàn được cách mạng xem là thành tích. Miền Nam giống như núi giẻ rách, nhờ đã được giải phóng hoàn toàn !

Hai người anh của Xíu đã đưa vợ con di-tản. Pà-pá, mà-má và Xíu ở lại buôn bán lai rai, chờ coi có "làm ăn gì được không". Cửa hàng bây giờ thu gọn lại chỉ còn có hai thùng kiếng nhỏ đặt phía trước. Bảng hiệu đã được gỡ xuống cất trên sân thượng. Mấy dụng cụ rang cà phê được chất ngổn ngang trong một góc, giống như đồ phế thải. Làm như vậy để thấy cái vẻ nghèo nàn, làm ăn khó khăn...

Bảy học tập ba hôm rồi về làm thợ phụ cho bác Năm thợ hồ ở cùng xóm. Chàng có "xẹt" qua Chợ Cũ thăm người yêu mấy lần. Bây giờ họ không còn thì giờ để đi chơi với nhau bởi vì ai cũng bận rộn bởi các buổi hội họp, học tập, khai báo, đi mét tinh v.v... là những thứ sanh hoạt rất cần thiết để đưa nhân dân lên làm chủ (Nhà Nước nói như vậy). Thành ra mỗi lần họ gặp nhau, họ coi thời gian quý như vàng ! Có lẽ vì vậy mà bây giờ họ nhìn nhau nhiều hơn là họ nói chuyện với nhau...

Thời gian sau, chánh quyền "đánh tư sản mại bản". Gia đình Xíu không tránh khỏi "đại nạn" này. Những người "cách mạng" xông vào nhà ngang nhiên và hùng hổ như một bọn cướp. Họ "bươi" từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ sau ra trước... giống như gà bươi đồng rác. Gặp gì kiểm kê nấy. Vậy rồi... hốt hết ! Mà-má và Xíu chỉ biết ôm nhau mà khóc, còn Pà-pá thì ngồi trên ghế xích-đu, xích tới xích lui hút thuốc, nín thinh.

Sau "trận" đó, nhiều người nhảy lầu tự tử. Nghe thấy như vậy, Pà-pá nói: "Làm như vậy đâu có giải quyết cái gì ? Tụi nó còn cười, nói mình ngu ! Từ từ rồi tính nữa." Trong khi chờ đợi pà-pá "tính nữa", mẹ con Xíu ngồi xồm trên vỉa hè bán giò-cháo-quẩy bánh tiêu... Bây giờ, Bảy vẫn đạp xe xuống thăm Xíu. Lần nào cũng được nàng cho một cái bánh. Chàng ngồi xồm một bên, ăn. Không đói, nhưng vẫn ăn. Và ăn thấy ngon !

Cách mạng không..."quản lý" được thời gian nên thời gian vẫn đi qua, ngạo nghễ. Thiên hạ lần lượt đi chui-cũng gọi là "vượt biên" -Phân đông đi bằng đường biển. Có người đi thoát, có người bị bắt. Những người đi thoát, có khi mất tích, có khi bị cướp. Dầu vậy, đi chui cũng đã trở thành gần như là một phong trào !

Thấy mỗi người vượt biên phải đóng nhiều cây vàng cho người tổ chức, cán bộ cách mạng "nhào ra làm ăn". Họ cũng tổ chức đi chui, nhưng là một loại đi chui không sợ bị bắt vì có chánh quyền ... hộ tống. Vì vậy, thiên hạ gọi là "đi chui bán chánh thức" ! Người Tàu được ưu tiên đi bằng cách này. Cho nên họ đi ồ ạt...

Một hôm, được thờ hẹn của Xíu, Bảy xin nghỉ việc buổi chiều, đạp xe xuống "Con Rùa" đường Duy Tân, đợi. Một cô gái chờ Xíu tới bằng Honda, gật đầu chào Bảy, đợi Xíu bước xuống rồi quay xe đi vội vã. Xíu mặc áo dài trắng, tóc được cột túm lại sau ót. Nhìn đôi mắt mọng đỏ của người yêu, Bảy linh cảm có một cái gì không ổn. Bảy hỏi: "Có chuyện gì vậy, Xíu ?". Nàng không trả lời, nhưng nói giọng trống rỗng: "Anh chờ em đi. Đi đâu cũng được". Đợi nàng vén vạt áo ngồi vững vàng lên pọt-pa-ga, chàng mới đạp xe đi. Đi chậm chậm, đi thẳng. Lần này, Xíu không nắm phía sau yên xe. Xíu vòng một tay ôm lấy nửa người của Bảy. Lần đầu tiên được bàn tay thon nhỏ của người yêu đặt lên bụng mình, Bảy thật xúc động. Chàng đạp xe mà tưởng chừng như trên đường phố chỉ còn lại có hai đũa...

Một lúc sau, Xíu mới nói: "Pàpá cho phép em đi chơi với anh từ giờ tới năm giờ chiều". Rồi nàng nghẹn ngào: "Đi với nhau lần cuối". Bỗng nàng chồm tới, vòng cả hai tay ôm chặt lấy người yêu, úp mặt lên lưng chàng, khóc ngất. Chàng nghe rớt ra từng tiếng ròi rã trên lưng: "Tối ... nay ... em ... đi ...". Mồ hôi bỗng vã ra như tắm, nhưng Bảy vẫn còn tỉnh táo để đặt một bàn tay lên bàn

tay người yêu bóp nhẹ. Cử chỉ đó làm Xíu không kèm được nữa. Nàng vừa khóc lớn vừa giúi giúi mặt lên lưng người yêu, mạnh thật mạnh- Làm như nàng muốn chui hẳn vào người của chàng để hai đứa chỉ còn là một, để nước mắt và mồ hôi của hai đứa hòa quyện với nhau cùng chung niềm thống khổ, để đừng thấy đừng nghe đừng biết gì gì nữa, chết lịm đi cho cuộc tình khép lại, vĩnh viễn khép lại... Tội nghiệp ! Rồi ngày mai, rồi mãi mãi, cuộc đời này còn ý nghĩa gì nữa đâu ? Hai người vẫn đèo nhau đi... Đầu óc trống rỗng. Chẳng còn nói được với nhau chuyện gì hết. Và chắc cũng chẳng còn biết phát âm là gì nữa ! Niềm đau quá lớn đã làm cho họ như người câm. Hai người câm...

Xíu vẫn ôm lấy người yêu, áp một bên má lên cái lưng chắc nịch của người yêu, quên mất rằng đây là lần đầu tiên Xíu chạm vào người của Bầy ! Lâu nay, mặc dầu yêu nhau tha thiết, họ chỉ nắm tay nhau thôi, và nắm tay nhau chỉ có mấy lần. Xíu nhắm mắt, tưởng chừng như thời gian đang ngừng lại. Nàng bỗng nghe rõ hơi thở, nghe rõ nhịp tim của Bầy, những thứ mà lâu nay nàng chưa từng nghe. Mũi nàng bỗng hửi được mùi mồ hôi, hửi được mùi da thịt của Bầy, những thứ mà lâu nay nàng chưa từng dám nghĩ tới. Nàng bỗng nghe hơi ấm từ người của Bầy chuyển sang người nàng âm thầm nhưng rõ rệt, thứ cảm giác dịu dịu lân lân mà lâu nay nàng chưa từng được biết. Nàng bỗng nhận thức rằng người yêu nàng là đây, còn hiển hiện trong vòng tay. Rồi sẽ không bao giờ được như vậy nữa. Bởi vì đây là lần đầu và cũng là lần cuối, lần cuối... Thương xót quá ! Nàng siết chặt người yêu với tất cả sức mình mà nước mắt trào ra không dứt...

...Rồi Bầy cũng phải đưa Xíu về. Chàng vừa thắng xe, chống chân xuống đất, nàng đã đứng xuống chạy ù vào nhà. Tà áo dài trắng của nàng lật phất vài cái như vẫy chào lần cuối trước khi khuất sau cánh cửa. Bầy chống tay lên ghi-đông, đầu gục xuống giữa hai vai. Chàng có cảm giác như mình đã kiệt sức...

...Xíu đi rồi, ngày nào Bầy cũng đạp xe đi long bong. Không biết đi đâu, cứ đạp chậm chậm, đạp hoài. Khát, thì tấp vô uống cái gì đó. Đói, thì tấp vô ăn đại cái gì đó. Ăn gì uống gì, không cần để ý tới nữa.

Vậy mà Bầy cũng đạp tới cái công viên nhỏ mà hai đứa thường hẹn nhau. Chàng dựng xe cạnh chiếc băng xi măng mà hai đứa thường ngồi, rồi bước lại ngồi giống như ngày xưa chàng vẫn ngồi để đợi nàng tới. Nhưng bây giờ thì chàng ngồi một mình, ngồi thật lâu. Và không biết tại sao lại phải ngồi như vậy !

Rồi lại đạp xe đi loanh quanh. Không cần biết đi đâu...

Vậy mà Bầy cũng đi đến "Con Rùa" đường Duy Tân, chỗ hai đứa thường đến ăn kem, uống nước dừa. Chàng dựng xe rồi lại ngồi lên bệ gạch, chỗ quen ngồi để đợi nàng đến. Chỗ đó nhìn thẳng xuống sau lưng nhà thờ Đức Bà, nàng luôn luôn đi từ hướng đó đi lên, hướng mà bây giờ chàng nhìn đăm đăm, nhìn mãi...

Vậy mà Bầy cũng đi đến con đường Đinh Tiên Hoàng, khúc rộng thênh thang dẫn dài xuống bờ sông. Hai đứa thường đi bộ ở đó vì đường vắng và mát. Đường đó bây giờ vẫn vắng và mát, Bầy dẫn xe đi bộ chậm chậm như ngày xưa...

Rồi Bầy còn đến nhiều nơi nữa : sở thú, vườn Tao Đàn, con đò Thủ Thiêm, chùa Vĩnh Nghiêm, quán thạch chè Hiển Khánh... Những nơi những chốn mà hai đứa, ngày xưa, đã từng đến một lần, hai lần, nhiều lần. Không biết cái gì đã đưa đẩy chàng đi như vậy ?

Bầy không biết rằng mình đang đi lượm những mảnh vụn của cuộc tình. Nếu không có cái "ngay cách mạng thành công", thì cuộc tình đó đã không bị đập tan thành mảnh vụn... Để thấy cái gọi là "cách mạng thành công" đã thật sự thành công trong nhiệm vụ phá tan đập nát tất cả những gì của miền Nam, kể cả những gì nhỏ bé nhút tằm thường nhút như tình yêu của chàng trai và cô gái đó !

Chuyện không nói Xíu có đi được đến bờ đến bến nào không. Điều mà người ta biết là có vài chiếc tàu "đi chui bán chánh thức" bị chìm vì gặp sóng to gió lớn. Việt cộng đã cho đi bằng loại tàu gần như phé thải, không còn đủ tiêu chuẩn vượt đại dương.

Nhưng chuyện nói rằng Bầy vẫn đạp xe đi loanh quanh, hết ngày này qua tháng khác. Và bây giờ Bầy hay đứng ở bờ sông Sài Gòn, nhìn xa xăm rất lâu để chỉ gọi thầm có hai tiếng : "Xíu ơi..."

Ngụy

Trong ngôn ngữ thông thường miền Nam Việt Nam trước tháng tư 1975, tiếng "ngụy" nghĩa là "giả" ít thấy có ai dùng tới.

Cái gì không phải thứ thiệt, không phải thứ "chánh cống", không phải thứ "có cầu chứng tại tòa"... là người ta gọi hoạch tệt là "đồ giả", chứ không ai gọi là "đồ ngụy" hết. Ví dụ như rượu giả, thuốc giả, vú giả, bạc giả, v.v.

Bởi vì từ ngữ hồi đó rất... thật!

Sau tháng Tư 1975, tiếng "ngụy" đã theo gót... dép râu (Xin lỗi! Chỗ này văn chương nghe chỏi lỗ tai một chút, nhưng rất... tả chân. Không thể viết "theo gót giày" như xưa nay thường viết, vì đối tượng ở đây toàn mang dép râu cả!) quân nón cối và quân mũ tai bèo vào Nam làm cách mạng...

Sau biến cố, toàn dân miền Nam đều phải đi "học tập" ba hôm. Chính trong ba hôm đó người ta mới nghe lần đầu tiên tiếng "ngụy". Và nghe... đầy lỗ tai!

Vậy là đầu hôm sớm mai, tiếng "ngụy" được nhét vào ngôn ngữ miền Nam một cách "ngang xương", không cần phổ thông đầu phiếu! Mới đầu nghe lạ hoắc, không hiểu ý nghĩa sâu đậm của nó. Cũng chẳng có ai giải thích. Mà ví dụ có ai to gan lớn mật đặt câu hỏi thì cán bộ cũng chỉ giải thích... ngang như cua thôi!

Thành ra nhân dân miền Nam hiểu tiếng "ngụy" một cách rất... tự do, và sử dụng tiếng "ngụy" rất... rộng rãi (Được "giải phóng", có khác!). Thôi thì cái gì của miền Nam cũng đều biến thành "ngụy" ráo. Để phân biệt với "cách mạng"!.. Thằng ngụy, vợ ngụy, con ngụy, lính ngụy, chánh quyền ngụy, cơ sở ngụy, xí nghiệp ngụy, công nhân ngụy, "hàm-bà-lăng" ngụy... Và người ta nghĩ một cách rất đơn giản, rất thật thà: "Hễ thấy không có đóng con dấu ngôi sao đỏ thì cứ xếp vào đồ ngụy, là ăn chắc!".

Thật ra, khi dán cái nhãn "ngụy" lên miền Nam, "Đảng và Nhà Nước" muốn nhân dân "chủ yếu là nhân dân miền Bắc" hiểu theo định nghĩa "ngụy" là giả, "giả nhân giả nghĩa, giả đạo đức, giả yêu nước thương dân, "ngụy" là đoạt của người ta mà nói là của mình, là bịp, là láo, là phiến loạn...

Về sau, khi nhân dân cả hai miền đều... mở mắt, tiếng "ngụy" ít thấy dùng tới. Nhưng bây giờ thì mọi người đều nhận ra ai mới đúng là ngụy. Lớp ngụy trang bị rơi xuống, những ngụy ngôn bị vạch trần, thì chân tướng ngụy lòi ra rõ rệt, đến người mù cũng phải thấy!

Viết dài dòng để... "dã thông tư tưởng" trước khi vào chuyện.

Ông H là thiếu tá quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Ông làm việc ở Tổng Tham Mưu.

Ông thuộc gia đình trung lưu. Hồi 1945, cha và anh của ông đi kháng chiến rồi đi luôn ra Bắc. Từ đó, không được tin tức gì hết.

Mẹ của ông là giáo viên tiểu học, xem việc dạy dỗ trẻ con là một thiên chức. Bà thường nhắc về người cha và người anh vắng mặt, nhứt là người anh với những kỷ niệm đẹp của thời mà hai anh em còn ở chung với nhau: "Anh Hai của con thương con lắm. Đi học về là cởi trần rồi cũng con chạy cả bông cả bông quanh sân vừa chạy vừa hí rân như ngựa làm cho con cười hắc hắc. Mà con thì hay nhõng nhẽo với anh Hai con, đi đâu cũng bắt nó cống hết. Còn khi nào con đòi cái gì không được, con hay vừa khóc vừa la để ba tưởng là anh Hai chọc con, ba rầy ảnh! Tội nghiệp! Những lúc thấy con sắp sửa làm trận như vậy, anh Hai con thường đưa đầu biểu con đánh nó đi chứ đừng khóc la, sợ ba rầy!". Rồi bà kết luận: "Tánh tình nó tốt lắm!".

Ông lớn lên trong vòng tay người mẹ, được giáo dục bằng tình thương, xem gia đình là căn bản, lấy đạo đức làm phương châm. Và ông giữ mãi trong lòng sự mến mộ "người anh Hai lúc nào cũng làm vui lòng em, lo lắng cho em, bảo vệ em".

Mãi đến năm 1973, mới được tin qua một người bà con rằng cha mất đã lâu và người anh bây giờ là tướng của "ngoài đó". Thật là bàng hoàng. Mẹ ông khóc hết nước mắt. Thời gian sau, bà nói: "Mẹ chỉ mong cho mau hết giặc, để anh em con về sống bên mẹ yên vui như ngày xưa."

Chừng đó, mẹ mãi nguyện để theo ông theo bà..."

Mẹ ông qua đời vào giữa năm 1974, chưa kịp thấy cảnh "hết giặc" ra làm sao và chưa kịp gặp đứa con làm tướng...

Mấy hôm sau ngày 30 tháng tư 1975, ông tướng nhờ người bà con đưa lại nhà ông H. Xa cách đã ba mươi năm, nhưng hai anh em vẫn nhìn ra được nhau. Bởi vì họ giống nhau như đúc. Sau mấy giây ngỡ ngàng, họ xà vào ôm lấy nhau siết chặt. Cả hai đều không cảm được nước mắt. Bà H và bốn đứa con "ba trai một gái, đã lớn hết, hai đứa đại học và hai đứa trung học cấp hai" đứng nhìn cảnh hai anh em ôm nhau, cũng bồi hồi xúc động...

Sau đó là bữa cơm gia đình để hai anh em kể cho nhau nghe những biến thiên của đời mình, của thời cuộc. Tiếp theo là ông tướng mang hành trang lại ở với gia đình ông H, để có anh có em.

Ông bà H có hai cái nhà. Cái mà ông bà đang ở với hai con học trung học, là loại vi-la lầu có sân lót gạch và vườn cây kiểng hồ cá trang trí theo kiểu Nhật. Nhà này do ông bà tự cất lấy hồi thời các con còn nhỏ. Về sau, ông được chuyển chuyên ra miền Trung một thời gian. Ông đem hết gia đình ra ngoài đó, để nhà cho Mỹ mượn. Nhờ vậy, mấy năm sau, ông mua thêm một căn phố nhỏ cho hai đứa con trai lớn ở, khi chúng nó vừa vào đại học.

Sau khi đi xem nhà, ông anh bảo:

- To thế thi ở làm gì cho hết? (Bây giờ ông anh nói pha giọng Bắc rất nhiều). Nguyên cái buồng ngủ thôi cũng chứa cả một hộ bốn năm người đấy!

Hôm sau, ông H được người anh khuyên:

- Chú làm cái vườn như thế này là phí đất. Đào lên đi để trồng trồng khoai bắp cho các cháu có mà ăn. Phải biết tăng gia chứ!

Mới đầu, ông hơi phật ý. Nhưng, khi nhìn sang hàng xóm thấy nhà nào cũng đào cũng xới kể cả dải đất hẹp tẻ nằm dọc theo chân tường rào phía ngoài đường, ông nghĩ: "Minh cũng phải làm như thiên hạ, cho yên thân".

Vậy là cha con ông hụi đập nạy cạy khươi, gạch, bê-tông, hồ cá... cho lòi đất rồi tria đậu trồng mì! Khu vườn Nhật Bản mà ông Bà H đã tự tay xây đắp, bây giờ tan hoang lồi lõm giống như bãi đỗ... xà bần. Nhà ông H bây giờ mới thật sự mang nét cách mạng!

Ông anh "tên R" làm việc ở đâu, hỏi không bao giờ nói. Chỉ thấy mỗi sáng có xe của cơ quan đến rước, chiều đưa về. Ông H, sau khi khai lý lịch ở tòa đô chánh, tối ngày ngồi nghe tin tức qua ra-đi-ô. Bà H không dám nấu nướng trong bếp bằng lò ga. Bà sợ làm như vậy nó... nguy quá đi, nên bà dựng ở hàng ba mấy cục gạch rồi nấu bằng than củi bằng lá khô... Bà kê cạnh đó một cái bàn thấp để chén đĩa mắm muối, còn nồi niêu dao thớt thì cứ bỏ nằm lũng chông dưới đất bên cái thau nhôm lớn đựng nước để dùng cho việc nấu nướng rửa ráy. Nước lấy từ ống cao su trước đây dùng tưới vườn. Nước dơ thì cứ tạt... cha nó ra sân. Bà H ngồi chồm hồm làm bếp, chông khu thổi lửa khói bay um tùm làm đôi khi bà nhớ thời thơ ấu – bốn mươi mấy năm về trước – hồi ở dưới quê với bà ngoại, bà hay nhìn bà ngoại nấu cơm như bà làm bây giờ. Chỉ khác là hồi đó chưa có cách mạng! Ông anh có vẻ hài lòng về tác phong của bà H, nên khen: "Cô thật là sớm giác ngộ!".

Một hôm, đài phát thanh gọi các sĩ quan nguy đi trình diện học tập. Và nói rõ: "Đem theo tiền ăn cho một tháng". Ông H lo lắng, hỏi ý kiến ông anh thì được trả lời:

- Chú cứ yên tâm đi học tập. Anh bảo đảm không sao hết.

Vậy là ông H hun vợ con, xách ba-lô lên đường, còn dặn:

- Ở nhà có bác Hai. Mẹ con bây cần gì thì nhờ bác, nghen.

Một tháng sau, không thấy ông về, bà H hỏi ông anh thì được trấn an một cách rất bình thản:

- Cô yên tâm. Vài hôm là về thôi!

Cứ thế, vài hôm rồi vài hôm... dài dài... Bà H nóng lòng, chạy đi gặp mấy bà bạn cũng là vợ sĩ quan, mới hay rằng có thể chồng đã bị chở đi luôn ra ngoài Bắc. Bà lau nước mắt, về quây quần với mấy con, ngồi đợi ông anh. Gặp ông, bà mếu máo:

- Họ chở nhà tôi đi mất rồi...

- Đi đâu mà mất? Còn tập trung cải tạo ở trong Nam chứ phải biệt xứ đâu mà mất? Đi học tập chứ đi tù đâu mà cô sợ.

- Nghe đồn trong trại khổ lắm. Nhờ anh can thiệp cho nhà tôi về. Dù gì anh cũng là tướng và cha đã hy sinh vì cách mạng.

- Cách mạng không phải như ngụy đầu cô! Không có chuyện móc ngoặc bè phái. Không có chuyện tư vị nể nang. Luôn luôn xử sự có tình có lý. Chú ấy cứ học tập tốt là về ngay thôi! Nói thế chứ... để tôi xem có làm gì được không.

Một hôm, ông anh họp các con ông H lại, khuyên:

- Ba các cháu là ngụy. Cách mạng khoan hồng gọi đi học tập cải tạo. Ba các cháu có sớm được trả về hay không là còn tùy thuộc ở thái độ học tập của ba các cháu. Và cũng tùy thuộc ở trình độ giác ngộ cách mạng của má các cháu và các cháu nữa.

- Vậy, mình phải làm sao?

- Dễ thôi! Bác sẽ giới thiệu các cháu vào đội thanh niên xung phong, nếu các cháu muốn giúp ba các cháu.

- Vô đó để làm cái gì, thưa bác?

- Để phục vụ nhân dân theo khả năng của mình. Nếu các cháu có tinh thần phục vụ cao, Nhà Nước sẽ cho điểm tốt trong việc cứu xét trường hợp của ba các cháu.

Sau một lúc bàn tính, cả bọn bốn đứa đều đồng ý... xung phong.

Bốn đứa được thụ nhận nhưng không cùng ở chung một đơn vị. Phân tán chúng nó ra, cô lập từng đứa một, để dễ theo dõi kiểm soát, tránh mầm móng phản loạn... Nhà Nước đi một nước cờ thật cao!

Chúng nó được đưa đi đào đất đắp nền ở các vùng kinh tế mới hay đi đào kinh làm thủy lợi. Lâu lâu mới về thăm nhà một vài hôm. Nhưng không bao giờ cùng về một lúc. Và đứa nào về cũng xác xơ hốc hác, tay chân gẻ lở giống như bị đi đày! Đứa con gái trước đây học năm thứ bảy dương cầm ở quốc gia âm nhạc, bây giờ tay cứng còng, không đánh nổi một bài tầm thường của hồi đó. Bà H nhìn các con mà đứt ruột. Cho nên mỗi lần đứa nào về, bà cũng chạy lo thuốc men và nấu nướng cho ăn uống tẩm bổ. Chỉ có ông anh là hài lòng và cho rằng đó là thành quả tốt đẹp của lao động!

Một hôm, ông anh bảo người em dâu:

- Bây giờ các cháu đã có Nhà Nước lo. Cô giữ làm gì đến hai cái nhà? Đây là lúc mà cô phải chứng tỏ trình độ giác ngộ cách mạng của mình bằng cách hiến cái nhà này cho Nhà Nước để làm cơ quan phục vụ nhân dân. Như vậy, chú ấy có cơ được về sớm.

Sau vài phút suy nghĩ, bà H chỉ bằng lòng cho Nhà Nước mượn thôi.

- Ủ! Thì cho mượn cũng được, tôi nghĩ thế. Để tôi liên hệ với các đồng chí ấy xem sao.

Vậy là tuần lễ sau, bà dọn về căn phố nhỏ ở cách đó độ mười lăm phút xe đạp, nhưng thuộc về một quận khác. Sự chuyển hộ (nghĩa là dời chỗ ở, địa chỉ) không gặp khó khăn, nhờ ông anh cách mạng (Trong thời này, muốn chuyển hộ phải làm đơn xin phép nơi mình sắp dọn đến. Phải "có lý do chánh đáng" và điều này phải được chứng nhận bởi chánh quyền nơi mình đang ở! Khi đã được chấp thuận (có ký tên đóng dấu) đương sự phải vác đơn đó về trình cho chánh quyền nơi đang ở để... xin phép được di chuyển. Khi được chấp thuận - ký tên đóng dấu- mình mới được quyền dọn đi!

Rắc rối như vậy nên lúc nào cũng có một sự giải thích rất "có trình độ": "Đằng kia có cho anh vô thì ở đây tôi mới cho anh ra. Chớ tôi cho anh ra mà đằng kia không cho anh vô thì anh... đi đâu?".

Rõ như vậy, nhưng nhiều khi vác đơn đến "đằng kia" trước, thì bị từ chối và dĩ nhiên được giải thích cũng rất "có trình độ" không kém: "Anh phải xin phép nơi anh đang ở trước rồi mới đến đây sau. Anh có được cho đi thì tôi mới nhận cho anh đến. Chớ bảo tôi nhận cho anh đến, trong lúc anh chưa được cho đi thì làm sao được? Phải có đi rồi mới có đến chớ! Dễ hiểu thôi!".

Cứ lẩn quẩn loanh quanh như vậy nên việc chuyển hộ thật là khó khăn.

Trong trường hợp chuyển từ tỉnh sang tỉnh hay từ vùng sang vùng thì khỏi nói, thật là "trần ai gian khổ!".

Ông tướng có "động viên" một số đồng chí trẻ trong cơ quan đến phụ dọn nhà cho bà H. Và có cho mượn một chiếc xe cam-nhông-nét (cũng của cơ quan) nên việc dọn nhà cũng nhanh. Sau

đó, ông anh cho bà ký tên tờ ủy quyền để ông anh thay mặt bà quản lý cái nhà lớn mà ông đang ở. Bởi vì bây giờ, bà đã chuyển hộ thì mặc nhiên ông anh trở thành chủ hộ ở ngôi nhà đó, mà muốn sử dụng cái nhà thì phải có sự ủy quyền của chủ nhà.

Mười lăm ngày sau, bà H được biết là nguyên cả tầng trệt nhà của bà đã trở thành "tổ gạo", còn ông anh thì vẫn ở một mình trên lầu. Nghe nói bà tướng có vào thăm chồng một lần, ở độ mười lăm hôm rồi trở về Hà Nội. Không hiểu sao ông tướng không có đưa bà vợ lại thăm cô em dâu. Cách mạng có khác!

Bảng đi một thời gian dài gần cả năm, một hôm ông anh ghé nhà thăm bà H để báo tin đã tìm ra trại cải tạo của người em ở ngoài Bắc và chỉ vẽ cho bà cách thức xin đi thăm nuôi, đường đi nước bước, xe cộ vv... và nhứt là những thứ cần thiết như lương khô quần áo. Nghe như vậy, bà H đã đoán ra phần nào đời sống của chồng ở ngoài đó, nên bà rút nước mắt hỏi:

- Sao trước đây anh không nói rõ để tôi lo cho nhà tôi có đầy đủ phải hơn không?

- Chuyện Nhà Nước, đâu nói ra được. Cô phải hiểu như thế chứ!

- Cái gì cũng che đậy. Cái gì cũng giấu diếm. Nhưng lần hỏi thiên hạ đều biết hết. Bộ anh tưởng thiên hạ đui sao?

Đến đây bỗng nghe tiếng bà hàng xóm la lớn: "Đi đâu đó nữa? Mấy bữa nay tao nói mày kê lại dùm mấy ông Táo kéo mấy ông sụm xuống thì không còn khi gì để nấu nướng... mà mày cứ ăn rồi là xách đít đi hà!".

Giọng người con trai: "Bộ má tưởng con đi chơi hả?".

Giọng bà hàng xóm: "Chớ đi đâu mà ngày nào cũng đi, mày nói tao nghe coi!". Giọng người con, có vẻ hãnh diện, nói rời ra từng tiếng: "Con-đi-phục-vụ-nhân-dân!".

Giọng bà hàng xóm, tức tối: "Phục vụ nhân dân! Phục vụ nhân dân! Con gái mẹ mày cũng là nhân dân đây nè! Mày phục vụ cho nó đi! Kẻo không chửi chà nó đơm lên đầu bây giờ!".

Ngừng một lúc, lại nói: "Cha... Lúc này nói giọng cách mạng quá há! Phải mà! Con mẹ buôn gánh bán bưng này hăm mấy năm nay nó kèm kẹp mày quá mà! Nó nhét cho mày ăn để mày lớn! Nó ép mày học để mày khôn! Nó ác ôn quá phải hông? Nó ngụy quá phải hông? Nó giả nhơn giả nghĩa quá phải hông?"

Nghe đến đây, ông tướng nhăn mặt:

- Ăn với nói! Rõ là không có trình độ!

Rồi ông đứng lên:

- Tôi phải vào cơ quan. Bao giờ cô được phép đi thăm nuôi, gặp chú ấy nhớ bảo tôi nhấn chú ấy luôn vững tin vào sự sáng suốt của Đảng và Nhà Nước. Ta khác ngụy ở chỗ xử sự có tình có lý và lúc nào cũng khoan hồng đối với những người biết quay về với nhân dân.

Bà H làm thinh, nhưng nhìn người anh chồng chỉ có nửa con mắt!

Lúc đó, nghe tiếng thằng con trai nhà hàng xóm: "Rồi đó! Con kê lại mấy ông Táo rồi đó!". Giọng bà mẹ, vẫn còn hậm hực: "Dữ hôn! Có bao nhiêu đó mà cũng phải đợi tao nhắc năm lần bảy lượt! Thôi! Mày đi phục vụ nhân dân của mày, đi. Chiều, vắc mỗ về, con mẹ ngụy này nó nấu cơm cho mà ăn".

Từ ngày dọn về đây, bà H đi làm ở tổ hợp may thêu gần đó. Cũng phải đi làm như thiên hạ để đừng bị để ý theo dõi, chớ thật ra bà chưa đến nỗi túng thiếu nhờ đã cất giữ nữ trang trong nhà thay vì gởi ở ngân hàng. Bây giờ, lâu lâu bà bán một vài chỉ...

Bà hàng xóm (tên là bà Năm) có cái sạp cháo lòng ở đầu ngõ. Sáng nào, bà cũng đi bộ theo thằng con trai đạp xe ba bánh chở thùng tô đĩa muống dưa, thùng lòng dồi gia vị, nồi cháo lớn bằng nhôm, lò dầu hôi và mấy can nhựa đựng nước rửa chén... ra cây trướng cá nằm trên lề đường Phan Đăng Lưu (tức là đường Chi Lăng hồi trước).

Ở đây, có cái sạp gỗ dựng đứng và bốn năm cái ghế gỗ nhỏ được... xiềng vào gốc cây trướng cá. Hai mẹ con mở ống khóa, hạ cái sạp rồi kê ngay ngắn dưới tàn cây. Xong, thằng con về nhà lấy xe đạp, đạp đi "phục vụ nhân dân" cho tới tối. Thành ra, đến trưa khi bán hết nồi cháo - bà chỉ bán có buổi sáng - bà thâu xếp dọn dẹp một mình ên, rồi đẩy xe ba bánh chở đồ nghề về nhà (Bà không đạp vì không biết đi xe đạp!).

Cứ vài bữa, bà lại mang biếu bà H một tô cháo lòng. Bà biết bà H là vợ thiếu tá quốc gia và

chồng đi học tập nên bà hay tới lui thăm viếng để an ủi. Bà H thật cảm động. Có hôm bà nhắc chừng:

- Bà Năm cẩn thận. Có thể tụi nó theo dõi.

- Ôi... Cái lũ cô hồn đó tụi đâu có sợ, cô Hai. Hồi tụi nó mới vô, bắt mình làm tờ "báo công báo tội". Tôi phát ghét nên khai là tôi tội lỗi đầy đầu bởi vì gần hai chục năm nay tôi bán cháo lòng cho ngụy ăn chứ không cho cách mạng ăn! Vậy mà có thấy thằng nào đặng tới tụi đâu, cô Hai!

- Coi vậy chớ cũng nên coi chừng, bà Năm à! Nhứt là khi bà rầy la thằng nhỏ, nói đặng chạm tới họ quá, không nên.

- Tụi nó đã coi mình là ngụy thì cứ thí mạng cùi chửi cho sưng miệng. Tội vạ gì mà nín thinh? Há?

Nói xong, bà Năm nhếch mép cười, làm như bà đang thách đố cách mạng vậy!

Khi bà H được giấy phép đi thăm nuôi chồng, bà báo tin cho bà Năm và nhờ bà Năm coi chừng nhà giùm. Bà Năm mừng rỡ, làm như ông H là người nhà:

- Dữ hôn! Tới bây giờ mới cho con người ta đi thăm nuôi. Quân ác ôn! Được rồi, cô Hai cứ yên tâm, tôi giữ nhà cho. Mà chừng nào cô Hai định đi?

- Chắc mười hôm nữa, bà Năm à. Để có thì giờ lo cho đầy đủ. Chớ gấp rút quá thì quên trước quên sau...

- Cô Hai nói phải đó. Đi ra tới ngoài Bắc chớ bộ gần gụi gì hay sao?

Ngừng một chút, bà Năm cầm tay bà H lắc nhẹ:

- Cần gì thì cứ nói nghe cô Hai, đừng ngại. Mình với nhau mà...

Bà H xúc động, lí-nhí "cám ơn" mà nước mắt chảy quanh.

Lạ quá! Chỉ có mấy tiếng "mình với nhau" mà sao nghe ám cúng vô cùng. Nhứt là trong hoàn cảnh này, trong giai đoạn này. "Mình với nhau" là sự nhận diện của những người cùng đứng về một phía. "Mình với nhau" nói lên sự cảm thông của những người cùng cảnh ngộ, cần nương tựa vào nhau, nâng đỡ nhau để sinh tồn. "Mình với nhau" là tình người không dị biệt giai cấp. Cho nên, khi mở rộng vòng tay, bà Năm cháo lòng chỉ cần nói có mấy tiếng đó thôi là quá đầy, quá đủ...

Hai hôm trước ngày bà H khăn gói đi thăm chồng, bà Năm qua nhà đưa một lon ghi-gô được ràng chằng chịt bằng dây thun:

- Cô Hai cho tôi gửi ồng lon thịt chà bông. Tôi làm có hơi mặn để ăn cho lâu. Tôi ém chặt và ràng kỹ, cô Hai đừng lo đường xa nó sút sủ. Cô cho tôi gửi lời thăm ồng, nghen.

Bà H "cám ơn" mà có cảm tưởng như bà Năm là người trong quyền thuộc!

Trong khi đi ra cửa, bà Năm còn quay lại nói:

- Cô Hai đi yên tâm. Tụi nhỏ của cô có về chơi thì tôi lo cơm nước cho hết. Cô nhớ viết ít chữ để lại cho tụi nó biết, nghen!

Bà H gật gật đầu, nhìn theo mà thấy bà bán cháo lòng đó còn cao cả gấp mấy mươi lần người anh chồng làm tướng của cách mạng!

Đi thăm chồng về, bà H như già đi năm bảy tuổi. Mắt bà sưng húp, tóc tai rối bời, mặt mũi hốc hác. Bà Năm nhìn bà H, động lòng chảy nước mắt. Ngồi xuống bên bà H, bà Năm hỏi:

- Sao, cô Hai? Khổ lắm phải không?

Bà H méo máo khóc, chỉ gật gật đầu chớ không nói được một lời. Bà Năm nhích lại gần, choàng tay ôm vai bà H, chửi đồng:

- Mẹ bà nó! Quân ác ôn!

Bà H bỗng quay sang ôm chầm lấy bà Năm, khóc nức nở. Vừa khóc vừa cố gắng nói, câu nói đứt ra từng khúc:

- Ảnh... ồm... đến nỗi... tôi... nhìn... ảnh... không ra...

Đến đây, bà Năm cảm động nghẹn lời. Bà chỉ còn biết vuốt vuốt lưng bà H, giống như bà đang dỗ về người em gái.

Hôm sau, bà H đội nón lá cầm cái thơ ông H viết cho người anh để gửi gắm vợ con, đi bộ về cái vi-la của bà ở quận ké bên. Bà cố tình đi bộ, vì bà nghĩ đến chồng. Đối với những gian khổ cùng cực mà chồng bà đã chịu đựng từ bao nhiêu năm nay - theo lời kể lại của ông H - thì sự đi bộ của

bà không thấm thía vào đâu hết. Nhưng, khi bà đi bộ, bà tưởng chừng như bà đang chia xẻ một phần nào những khổ dịch của chồng, người tù cải tạo.

Vi-la của bà, bây giờ thấy khác trước. Tường rào đã xây lên cao. Cổng song sắt được gắn thêm lưới sắt ô vuông. Nhìn vào trong không còn tổ gạo, mà sân thì đã được tráng xi-măng lót gạch khứa sạch sẽ.

Thấy có bóng người, bà H bấm chuông. Có giọng đàn bà hỏi vọng ra, giọng Bắc:

- Ai đấy?

- Dạ... tôi.

Một bà cỡ tuổi bà H bước ra hát hàm:

- Chị muốn gì?

- Thưa... Tôi muốn tìm ông R. Nhà tôi có viết cho ông cái thơ...

- Đồng chí R à? Đồng chí ấy đã phục viên lâu rồi. Đồng chí bán nhà cho chúng tôi, xong, dọn hết về thủ đô. Thế... chị là gì của đồng chí ấy?

Bà H choáng váng mày mặt, chỉ còn kịp tỳ người vào trụ cổng để khỏi quỵ xuống. Tuy nhiên, bà vẫn nghe tiếng mình nói:

- Dạ... Tôi... À... Không!

Rồi câm luôn. Thấy bên ngoài làm thinh, bà người Bắc bỏ đi vào trong, nhưng vẫn nói với ra:

- Đồng chí R hiện ở đâu, tôi cũng không biết. Thôi, chị về đi!

Phải một lúc lâu sau, bà H mới hoàn hồn. Bà đứng thẳng nhìn vào trong. Bà bỗng thấy bà đã biến thành một người khác. Một người cứng rắn hơn, lì lợm hơn. Một người sẽ dám nhìn thẳng vào mặt kẻ địch mà chửi như bà Năm cháo lòng. Ví dụ có người anh chồng đứng trước mặt bây giờ, bà sẽ xáng cho anh ta một bạt tai – điều mà trước đây bà chẳng bao giờ dám làm dám nghĩ!

Bà H vẫn đứng thẳng, nhìn vào trong. Mắt mở to, ráo hoảnh. Môi mím chặt. Tay bà vò nát cái thơ của chồng viết. Bà vò nó mà bà không hay! Bà chỉ cảm thấy một sự căm thù đang dâng lên làm bà trạo trọc. Bà nghe buồn nôn!

Phải rồi! Bà muốn nôn mửa lên những giả dối gian manh mà bọn chúng nó thẳng nào cũng có sẵn trong đầu. Bà muốn nôn mửa lên những lời lẽ giả nhân giả nghĩa mà bọn chúng nó thẳng nào cũng có sẵn trên đầu môi chót lưỡi.

Bà muốn nôn mửa lên những thủ đoạn xảo quyệt được ngụy trang bởi những chiêu bài yêu nước thương dân, có nghĩa có tình... mà bọn chúng nó thẳng nào cũng sẵn sàng hành động. Bà muốn... Bà muốn...

Bà H liệng cái thơ nhàu nát xuống đất, phun nước miếng nghe cái phụt một cách khinh bỉ, rồi cúi lượm cái nón lá bỏ rơi khi nãy đội lên đầu, đi thẳng.

Mấy năm sau, ông H vẫn "còn được cải tạo", bà H lâu lâu vẫn lặn lội đi thăm nuôi chồng, hai thằng con lớn vượt biên rồi định cư ở Úc, đưa con gái lấy chồng đánh cá ở Minh Hải, thằng con út cặp với con bạn cùng xóm mở quán cà phê vỉa hè cạnh hàng cháo của bà Năm. Còn bà Năm vẫn bán cháo lòng, lâu lâu vẫn chửi thằng con mà giống như bà chửi Nhà Nước!...

Chợ trời

Nói đến "chợ trời" chắc ai cũng biết. Ở đó, người ta bán đủ thứ, không cần xếp "ngành nghề" gì cả, hàm-bà-lãng! "Thượng vàng hạ cám" gì đều ngang nhau hết. Rất bình đẳng, không "phân biệt giai cấp", không "kỳ thị chủng tộc". "Anh" ti-vi loại "xịn", loại tổ bố, loại "made in Japan", vẫn đứng cạnh "anh" quạt máy nhỏ xíu cỡ bằng bàn tay loại "không made in gì cả". Những món hàng ăn cấp vẫn ngang nhiên... kể vai với những món hàng thuộc diện "bảo đảm có phắc-tuya đàng hoàng". Và cũng đứng rất tự nhiên, không kênh kiệu tự tôn, không tự ti mặc cảm. Thậm chí đến đồ thiết đồ giả cũng... đứng chung với nhau, lẫn lộn một cách rất hài hòa thân thiết! Cái thế giới "chợ trời" đúng là cái thế giới lý tưởng bởi vì đã san bằng được giai cấp và mọi dị biệt đều được hòa đồng...

Vậy mà sau “ngày cách mạng thành công”, chánh quyền cách mạng đã “cách mạng” chợ trời ráo riết. Nay càn quét chỗ này, mai càn quét chỗ kia. Chợ trời rách nát te tua, rồi mất dạng. Rồi hiện trở lại, rồi lại mất dạng... vv nhiều lần. Giống như trò cút bắt.

Chính trong thời gian kể trên, một hôm đi ngang Lăng Ông Bà Chiêu, tôi “được” một anh thanh niên kè theo hỏi nhỏ mà cặp mắt láo liên:

- Chú mua quần tây không chú ?

Thật bất ngờ và cũng thật bất thường làm tôi phải lấy ngay “tư thế cảnh giác”. Do bản năng và nhứt là do thói quen sau này – tôi muốn nói sau cuộc đời vĩ đại – lúc nào cũng phải thủ thế, luôn luôn coi chừng lời ăn tiếng nói, luôn luôn coi chừng hành động của mình, luôn luôn coi chừng những người chung quanh... Bởi vì không biết lúc nào trắng lúc nào đen, không biết ai là ai nữa. Thấy chẳng còn ai tin ai nên tôi cũng chẳng dám tin ai. Vậy là lúc nào cũng có ngay một phản ứng rất... thời đại: nghi ngờ !

Tôi nghi gã thanh niên “có ý gì”. Bởi vì nói bán quần tây mà đi hai tay không, lại còn phì phà điều thuốc đầu lọc mà chính bản thân tôi – công nhân viên với ngạch trật “kỹ sư bậc hai trên sáu” – không đủ tiền để mua hút ! Tôi vội nhìn quanh: chẳng còn ai hết ngoài tôi và gã. Vậy là ở đây không có loại “chợ trời mi-ni” để gã có lý do bắt mỗi chào hàng. Tôi nghiêm nghị trả lời:

- Không !

Gã vẫn đeo theo:

- Mua giúp con mà chú. Quần tây thứ tốt, loại đa-cờ-rong nhập cảng đàng hoàng.

Tôi làm thinh, tiếp tục bước đi và vẫn tiếp tục... thủ. Bỗng, gã đổi giọng than thở:

- Chú không biết chớ bây giờ chợ trời bị dẹp hết, còn chỗ đâu mà buôn bán. Dân chợ trời rã ra đi bán chui lẻ tẻ vẫn bị “cum” như thường. Khổ lắm chú ơi ! Bữa nay con lang bang xóm này cầu may mà sáng giờ chưa bán được cái quần nào hết. Chú mua giúp đi chú !

Tôi không cần quần nên không cần mua. Nhưng vẫn thắc mắc:

- Anh nói bán quần mà đi tay không, có thấy hàng họ gì đâu ?

Anh ta nhăn mặt:

- Trời ơi ! Cầm trong tay cho tụi nó thấy đặng mang họa à !

Rồi hấn dừng bước, để điều thuốc lên khoe môi, một tay ôm vạt sơ-mi lên, một tay chỉ vào quần hấn đang mặc:

- Nè ! Quần đây nè ! Thiệt mà ! Chú coi đi !

Tôi thật ngỡ ngàng, không biết phải nói gì làm gì. Gã cầm lấy bàn tay tôi đặt lên hông gã:

- Đây ! Chú rờ coi ! Đa-cờ-rong thứ thiệt mà. Còn mới tinh hà !

Tôi vẫn chưa hết ngỡ ngàng, tay mân mê một cách máy móc chéo vải quần của hấn. Thấy vậy, giọng hấn trở nên dồn dã:

- Để con cời ra cho chú coi nghen !

Gã dọm mở nút quần, tôi cản lại:

- Dừng ! Dừng ! Tôi không mua đâu.

- Hay là chú muốn coi quần màu khác ? Cũng đa-cờ-rong.

Không đợi tôi trả lời, hấn phun mẩu thuốc trên môi, lẹ làng kéo phệt-mơ-tuya xuống. Rồi một tay ôm vạt áo, một tay tuột quần khỏi hông, để lộ bên trong một cái quần khác màu sậm hơn ! Hấn xoay người qua xoay người lại để... bày hàng, rồi nói:

- Cái này “xịn” hơn. Đa-cờ-rong Mỹ mà. Chú rờ coi ! Bảo đảm chưa mặc lần nào hết !

Tôi bỗng thấy tội nghiệp anh ta vô cùng. Và tôi đoán rằng bên trong còn một cái quần thứ ba nữa, bởi vì tôi vừa nhận ra là anh ta ôm tong ốm teo, dư sức để mặc dễ dàng ba cái quần.

Tôi đặt tay lên vai gầy của hấn, thân mật:

- Chú không mua đâu. Dừng mắt thì giờ. Tốt hơn cháu nên chào hàng người khác đi !

Trong lúc tôi bỏ đi, hấn còn nói với theo:

- Chú chưa coi hết mà ! Còn một cái nữa nè !

Tự nhiên, hai chân tôi bước nhanh hơn, bước dài hơn. Làm như muốn chạy.

Thầy Năm Chén

Sau trận Tết Mậu Thân (1968) ở Huế, gia đình ông thầy thuốc Nam đó chết hết, chỉ còn lại có hai cha con. Nhà cửa tiêu tan, sự nghiệp tiêu tan, thầy không muốn ở lại cái vùng đất mà thầy cho là còn gần với quân xâm lăng miền Bắc. Thầy gạt nước mắt, dẫn thằng con trong tuổi quân dịch đi vô Nam. Thầy nói: "Ở trong nó tuy tứ cố vô thân nhưng chắc chắn là mình được yên ổn lâu dài".

Trên chuyến xe vào Sài Gòn, ông bắt chuyện với một sư ông lên xe ở trạm Nha Trang. Thì ra sư ông cũng là thầy thuốc Nam nữa. Nhờ vậy, tâm sự được dần trải dễ dàng. Sư ông trụ trì ở chùa Thiên Lâm Gia Định, vừa làm phật sự vừa bắt mạch vừa bốc thuốc. Sư ông nói:

- Tôi làm không xuể.
- Bệnh nhân có đông không ?
- Tùy mùa. Nói chung chung thì cũng nhiều. Với tôi, phật sự là chánh, còn chữa bệnh là phụ. Vì không đủ thời giờ nên tôi đành từ chối bệnh nhân ... Thấy cũng tội nghiệp !

Khi sư ông biết tình cảnh của cha con ông thầy thuốc Nam, sư đề nghị:

- Nếu ông anh không chê thì tôi xin mời ông anh về tá túc với chúng tôi. Mình sẽ phụ nhau chữa bệnh cho đồng bào thì thật là hoan hỉ.

Trong cảnh "tứ cố vô thân", đề nghị của sư ông như một cái phao. Ông thầy nhận lời và cảm ơn rối rít. Sư ông nói:

- Đời sống trong chùa đạm bạc như thế nào chắc ông anh cũng đoán biết, không cần phải giải bày. Duy chỉ có điều này là cần nói rõ: bệnh nhân đến chùa phần đông là đồng bào nghèo, mà chùa thì không có khả năng tài chánh để chữa thí, vì vậy, mình chỉ lấy tiền thuốc thôi.
- Ngoài nó, gặp bệnh nhân nghèo, tôi cũng làm như rứa. Đôi khi còn không lấy tiền.
- A di đà Phật ...

... Chùa Thiên Lâm nằm giữa một nghĩa trang vây quanh bởi một bức tường rào xây bằng gạch bờ-lóc không có tô và cũng không quét vôi. Nhiều nơi tường bị nứt dài, gạch bể lổ đổ. Dọc theo mặt tiền là mấy "tiệm" hớt tóc (Không biết gọi là gì cho đúng. Mấy anh thợ hớt tóc, trước đây hớt tóc dạo, bây giờ ... đóng đô ở đó bằng cách đóng lên tường mấy cây đinh rồi móc tấm ni-lông hay tấm vải trắng cỡ thước rưỡi bề ngang, có mấy cây trúc chống căng ra như một mái nhà. Bên dưới, đặt hai ghế đầu - một cho khách, một cho thợ hớt tóc - và trên tường treo ngang tầm mắt người ngồi ghế đầu là tấm kiếng cỡ hai trang giấy lớn. Trên tường cũng có viết nguệch ngoạc bằng sơn dầu các kiểu tóc và giá cả. Chiều, họ gỡ hết đem đi. Sáng, họ trưng lên, ngồi đánh cờ tướng với nhau hay hút thuốc rung đùi ... đợi khách !). Cổng vào nghĩa trang, bằng sắt rỉ sét xiêu vẹo, mang một bảng gỗ đã mục nhiều nơi, lớp sơn tróc rơi để lộ sớ gỗ, nhưng cũng còn vừa đọc vừa ... đoán ra được hàng chữ: "Nghĩa trang Hội Tương tế X...". Từ ngoài ngõ chạy thẳng vô chùa là đường đất đỏ nằm giữa hai hàng cây điệp. Vây quanh chùa là mã thấp mã cao xếp hàng dài dài ...

Chùa là một ngôi nhà cất theo kiểu xưa: nền cao, nóc bánh ịch, cột kèo gỗ, ba gian hai chái, hàng ba thật rộng. Không có mái cong chạm rồng chạm phụng gì hết. Mới nhìn tưởng là nhà ở chứ không phải chùa ! Biết là chùa nhờ có tấm bảng nằm dưới mái hiên: "Thiên Lâm Tự" ! Bên trong không có "năm ngăn bảy nắp đầy dầy tượng Phật, tượng Bồ Tát sơn son thếp vàng" như mấy chùa nổi tiếng. Nhưng cũng có đầy đủ ngôi tam bảo với các vật dụng cần thiết để làm phật sự. Ở đây, đúng là một cảnh chùa nghèo. Tuy nhiên, theo lời sư ông, những ngày rằm ngày vía, phật tử đến cúng bái khá đông. Phần lớn là đồng bào ở trong vùng và những người không thích "chùa nhà giàu" - chính họ nói như vậy.

Về chùa Thiên Lâm, sư ông phân công rõ rệt: sư ông và người đệ tử lo phật sự và trông nom trong ngoài, còn cha con ông thầy thì lo phần chữa bệnh kể cả việc đi bốc thuốc. Cái chái phía bên phải xưa nay vẫn là phòng mạch, bây giờ giao hẳn cho ông thầy tự do sắp xếp. Cha con ông được cho một căn buồng ở hậu liêu, có cửa sổ nhìn ra vườn rau cải của chùa. Lâu lâu, có ai rước sư ông đi làm đám ở đâu thì cha con ông thầy lãnh phần đèn nhang cúng bái thường nhật ...

Ông thầy chữa bệnh mát tay nên bệnh nhân càng ngày càng đông. Thầy bắt mạch, rờ trán, xem lưỡi... rồi bốc thuốc gói từng thang bằng giấy báo. Khi trao thuốc lúc nào thầy cũng dặn: "Đỗ vô năm chén nước, sắc còn một chén uống". Thang nào của thầy cũng là năm chén nước và không thang nào là không đi kèm với câu dặn dò trên. Vì vậy, bệnh nhân và người trong vùng gọi ông là "thầy năm chén". Lâu ngày thành tên luôn, làm như thầy thứ Năm và tên Chén vậy ! Cho nên, về sau, khi nói chuyện với thầy, bệnh nhân gọi thầy bằng "thầy Năm" rất tự nhiên. Không thấy thầy ngạc nhiên hay cái chảnh gì hết !

Thằng con thầy Năm Chén, tên Kiệt, thông minh học giỏi cần cù. Kiệt thi đậu vào trường kỹ thuật Cao Thắng. Mấy năm sau, chưa ra trường đã phải nhập ngũ, đi công binh. Lâu lâu được kỳ phép, về chùa giúp cha bốc thuốc bốc thuốc, giống như thời mới vào Nam với hy vọng "nơi ni mình sẽ được yên ổn lâu dài"...

... Vậy rồi có ngày 30 tháng tư 1975...

Hồi thời Tết Mậu Thân, thầy còn chạy vô Nam. Bây giờ, thầy không biết chạy đi đâu nữa. Thầy thở dài: "Đúng là cái số !". Bản chất thầy hiền hòa mộc mạc như các vị thuốc Nam của thầy, cho nên sự miền Nam mất vào tay cộng sản, thầy nghĩ rất đơn giản: "Tại ông Trời ! Ngon bắt thằng Thiên, ông bà mình dạy như rứa. Khi ông đã định, mần răng mà cãi được !". Hồi xưa, thầy học "chữ thánh hiền" trước khi thầy học thuốc. Chữ thánh hiền đã cho thầy có cái nhìn rất khiêm tốn khi thầy chữa bệnh: "Chẳng qua là phước chủ may thầy ...". Bây giờ, sống trong nghĩa trang, ngày ngày nhìn mấy lô mả to mả nhỏ nằm im hàng hàng, thầy càng tin ở số mạng. Cái số thầy phải bỏ xứ để vô Nam, cái số thầy phải ở chùa bốc thuốc, rồi bây giờ cái số thầy "bị mất nước; sống mần răng với bọn cộng sản đây ?". Nghĩ đến đó, thầy tự an ủi: "Chừ, mình sống giữa những người chết, chắc bọn nó để cho yên ...".

Kiệt đi học tập mấy hôm rồi về chùa phụ sư ông quét dọn trong ngoài, bởi vì bên phòng mạch bệnh nhân cũng vắng. Làm như người ta lo sợ quá rồi ... quên bệnh ! Trái lại bên phía chùa thì lại đông người lui tới và ngày nào cũng có người. Làm như bây giờ người ta chỉ còn biết ... dựa vào Phật !

Thời gian sau, Kiệt tìm được việc làm ở Khánh Hội, trong một ga-ra nằm cạnh bờ sông, chuyên sửa máy xe hơi máy tàu. Thầy Năm Chén và sư ông lâu lâu đóng cửa phòng mạch, đóng cửa chùa để đi học tập chánh trị. Bởi vì "tu tưởng Mác Lê là ngọn đuốc soi đường cho nhân loại", phải thông suốt để về chùa làm phật sự cho đúng ... "tác phong cách mạng" và về phòng mạch kê toa bốc thuốc cho hợp với ... "yêu cầu đấu tranh giai cấp" !

Một hôm, mấy cán bộ thành vào viếng nghĩa trang. Sau khi đi một vòng, họ khen ... hai hàng phượng đẹp ! Cuối cùng, họ nói:

- Theo quy hoạch của thành phố, nơi này sẽ là công viên cây xanh, để đồng bào quanh vùng có nơi thư giãn. Việc bốc mộ sẽ có thông cáo. Mấy người được ở lại đây để trông chừng việc bốc mộ cho đến thời hạn ấn định trong thông cáo là phải dọn đi ngay. Rõ chứ ?

Sư ông làm thình. Thầy Năm Chén cũng làm thình. Nói cái gì bây giờ ? Đối với những người không biết luật pháp, đối với chế độ CS không có luật pháp, thì nói "ừ" hay nói "không" cũng đều là vô nghĩa ! Bởi vì họ không chấp nhận sự đối thoại. Ngoài ra, họ kiêu căng đến mức độ có thể viết một câu tỏ bỗ và lố lăng quá mức mà ai cũng thấy trên đường đi Bến Lức - câu này dân chúng chuyền miệng cho nhau nghe từ mấy tháng nay và chính mắt thầy Năm Chén đã đọc khi đi bỏ thuốc ở vùng đó - "Thằng trời đi chỗ khác chơi; Để cho Nông Hội tiến lên làm mùa". Thì ... còn lời gì để nói ?

Nhưng sự "làm thình" của sư ông và thầy Năm Chén không phải chỉ đơn thuần ở chỗ "hết nước nói", mà còn là cách để tỏ thái độ của hai ông: làm thình là khinh miệt bọn chúng, những thằng không đáng để nói chuyện, những thằng mất gốc, tổ tiên không thờ đi thờ hai thằng tây mũi lõ Mác gì gì Lê gì gì đó không biết nữa. Sự làm thình của hai ông - sự làm thình của kẻ sĩ - có giá trị gấp mấy lần những lời thóa mạ chửi bới, vậy mà mấy cán bộ CS lại cho là "thành quả của giác ngộ cách mạng" !

Mấy hôm sau, thầy Năm Chén kéo thằng con ra góc nghĩa trang, thấp giọng nói:

- Cha có chuyện gì muốn nói với con. Nhưng con phải giữ kín.
- Dạ.
- Con nên tìm đường đi chui đi.
- Cha nói chi lạ rứa ?
- Không có chi lạ hết. Cha không muốn con ở lại xứ này. Mình không còn đất đứng nữa, con à.

Nói đến đây, giọng thầy nghẹn lại. Thầy không nhìn con. Thầy nhìn ra mấy lô mả. Thầy chớp mắt thật nhanh để nước mắt đừng đọng thành giọt. Rồi thầy thở dài ...

Mồ mả sao mà an bình chi lạ. Rồi sẽ không còn được như vậy nữa, nay mai ... Chế độ không để cho ai được yên, kể cả người chết !

Kiệt nhìn cha, bồi hồi. Con người đó xưa nay hiền hòa, an phận. Vậy mà bây giờ lấy một quyết định có tánh cách chống đối đầu là tiêu cực, chứng tỏ ông "chịu đựng hết nổi".

- Nghèo như mình thì lấy vàng mô mà đi chui, cha ?
- Cha nghe nói có nhiều người làm việc trên tàu. Họ đi được.
- Nhưng đó là họ đi một mình. Đi đánh cá, gặp dịp là đi luôn.
- Thì cha cũng muốn con tìm cách làm như rứa. Con cũng một mình chớ mấy mình.
- Không ! Con còn có cha nữa.
- Đừng lo cho cha. Cha già rồi. Tương lai là con, mô phải là cha.
- Gia đình mình chết hết, còn lại có hai cha con. Con đâu thể nào bỏ cha được, cha.
- Chính bởi vì cha chỉ còn lại có mình con mà cha muốn con phải đi khỏi xứ này. Cha không muốn thấy con làm tội mọi cho một lũ ngu dốt. Cha muốn thấy con được sống trong một xứ tự do. Có nghèo cũng nghèo trong tự do. Mà rủi có ... rủi có chết cũng chết trong tự do, con à.

Đến đây thì Kiệt không dám nhìn cha, bởi vì gương mặt héo hon đó vừa nhăn nhúm lại như một miếng cau khô. Lòng quặn thắt, Kiệt nhìn đi nơi khác.

Mồ mả sao mà an bình chi lạ. Đàng kia, hai hàng phượng trở bông đỏ ối. Màu đỏ trong nghĩa trang, xem vừa lạc lõng vừa vô duyên, không hợp tình hợp cảnh chút nào. Vậy mà bao lâu nay Kiệt không hề để ý. Làm như phải lâm vào một nghịch cảnh, người ta mới nhìn thấy rõ những nghịch cảnh chung quanh ! Bây giờ thì đến phiên Kiệt thở dài ...

... Từ ngày có thông cáo dán trên cổng nghĩa trang, đồng bào tới lui chùa nườm nượp. Làm như thiên hạ muốn gần Phật thường hơn, đều đặn hơn, lâu hơn ... trong những ngày những tháng

còn lại này. Bởi vì Phật sẽ không còn được ở đây nữa, mặc dầu - theo lời ông già bà cả trong xóm - Phật đã được an vị ở chùa này gần ba mươi năm, hồi thời chưa có nghĩa trang, hồi thời bà phủ S. chưa bán đất cho Hội Tương tế X. Họ nói với nhau: "Nhà Nước CS này ngang ngược không nể nang ai hết. Có ngày sẽ bị Trời Phật trừng phạt cho coi !".

Bên phòng mạch, bây giờ, lúc nào cũng đông người. Có bệnh nhân đến xem mạch và có những người không phải đến xem mạch nhưng đã từng uống thuốc của thầy Năm Chén. Những người này, sau khi cúng bái bên chùa, bước qua đây ngồi nói chuyện cà kê. Làm như để hỗ trợ tinh thần thầy vậy. Có người hỏi:

- Rồi thầy dọn đi đâu ?

- Biết đi mô chừ !

- Quân gì mà vô nhân đạo. Muốn đuổi ai thì đuổi. Muốn lấy của ai thì lấy. Mà mở miệng ra là "cho nhân dân, vì nhân dân".

- Tại cái số của tôi như rứa, máy ông à. Nói mần chi ?

Bây giờ, thầy Năm Chén, sau khi trao mấy thang thuốc cho bệnh nhân, không phải chỉ nói vồn vện câu quen thuộc "đổ năm chén nước, sắc còn một chén uống", mà còn dặn dò thêm phải ăn uống như thế nào, phải kiêng cử những gì bởi vì "cái tạng ni dễ bị bệnh khi trái gió trở trời"... Thầy còn nói: "Khi mô thấy bắt đầu khó chịu thì lấy bao nhiêu lá gì với lá gì kèm theo bao nhiêu bông gì với bông gì ... sắc uống cho nó chận". Thầy làm như ngày mai thầy sắp đi xa. Và chắc đi lâu lắm, bệnh nhân cần bảo trọng lấy thân. Người nào cũng cảm động khi nhận mấy thang thuốc của thầy, mấy thang thuốc không phải chỉ có những vị này vị nọ, mà có cả tình người nằm trong đó. Chất liệu trân quý này, trong thời buổi này, thật hiếm hoi. Cho nên, khi cầm trên tay mấy thang thuốc, cử chỉ của họ bỗng trở nên trang trọng. Và người nào cũng nghĩ: "Tội nghiệp ! Người hiền hậu như vậy, bảy tám năm nay giúp đỡ đồng bào bệnh nhân ai cũng mang ơn ... Vậy mà nhà cầm quyền CS cũng không để cho yên !".

... Ít lâu sau, Kiệt được một người bạn có tàu đánh cá rủ đi chui bởi hấn đang cần người xếp máy. Kiệt về chùa cho cha hay. Thầy Năm Chén mừng rớt nước mắt:

- Rứa là lời cầu nguyện của cha đã được Ông Trên chứng giám. Khi mô đi ?

- Mươi hôm nữa.

- Ở ... Chừ thì mình vô thấp nhang lạy tạ Trời Phật, đi con.

Năm hôm sau, bỗng thầy Năm Chén than "khó thờ", "tỳ vị bất thông". Thầy không ăn được cơm, thầy ăn cháo. Cháo với cháo, tương, rau luộc. Không ăn được những món cứng như dưa leo, dưa cải, củ cải muối ... những món thường dùng trong bữa cơm chay lạt ở chùa. Không thấy thầy uống thuốc. Thầy nói: "Cứ ăn cháo vài hôm là khỏi". Sư ông thương hại, an ủi: "Họ đuổi thì mình đi. Thầy lo làm chi cho sanh bệnh. Chừng hết hạn bốc mộ, tôi sẽ đưa thầy về quê tôi ở Nha Trang. Ở đó, cũng có một ngôi chùa nhỏ như vậy. Mình sẽ tiếp tục giúp đồng bào như đã làm lâu nay. Thầy yên tâm đi. A di đà Phật t...".

Ngày thứ mười, cha con thầy Năm Chén qua chùa lạy Phật. Xong, thầy đưa cho Kiệt một gói bằng vải đỏ đã phai màu nhỏ bằng đầu ngón tay cái, cột làm nhiều gút, nói:

- Cha cho con cái ni. Con giữ kỹ trong người để hộ thân.

Kiệt cho vào túi áo trên ngực, cẩn thận gài miệng túi bằng cây kim tây, nhìn cha cảm động, nghĩ: "Cha thật chu đáo Còn nhớ cho mình bùa ngải để hộ thân nữa".

Chia tay mà hai cha con không dám ôm nhau. Sợ người ta để ý. Thầy không đưa con ra cổng nghĩa trang. Sợ người ta để ý. Thầy không dám để rơi một giọt nước mắt. Sợ người ta để ý !

Thầy chỉ thờ dài. Thời buổi bây giờ, chỉ có thờ dài là không thấy ai để ý. Bởi vì, ai cũng thờ dài hết !

... Thời gian sau, thầy Năm Chén theo sư ông về chùa ở ngoại ô Nha Trang. Thầy lại bốc thuốc giúp đồng bào nghèo. Kiệt đi chui, lọt. Rồi định cư ở Canada ...

Một hôm, sực nhớ gói bùa ngải của cha, Kiệt tò mò mở ra xem: đó là ba cái răng vàng, loại răng cấm. Thì ra thầy Năm Chén đã cạy ba cái răng vàng của mình để cho con làm của hộ thân ! Không còn răng để nhai cơm, thầy chịu ăn cháo suốt phần đời còn lại. Nhớ cha, thương cha, Kiệt cầm ba cái răng vàng trong tay mà khóc hết nước mắt ...

Thằng dân

Trong chuyện phiếm này, tôi gọi " thời chú Sam" để chỉ miền Nam trước tháng 4 năm 1975 và " thời bác Hồ " để chỉ miền Nam dài dài sau đó. Cho thấy miền Nam trước có chú, rồi sau có bác thay thế nhau chăm sóc tận tình. Thật là...đại phước !

Ở xứ nào không biết, chớ ở Việt Nam xưa nay người dân vẫn được coi như không có... kí lô nào hết, mặc dù họ đông như kiến !

Hỏi thời Pháp thuộc (Phải lấy thời này để làm cái mốc cho thời chú Sam và thời bác Hồ. Bởi vì không có Pháp thuộc thì làm gì có bác Hồ, làm gì có chú Sam ?), có " ông Tây bà Đầm" ăn trên ngai trốc. Người dân sanh ra vốn... thấp cổ bé miệng, không ngóc đầu lên được. Văn chương hồi đó hay viết " dân ngu khu đen " nghe thật miệt thị nhưng lại diễn tả rất rõ nét vị-trí... sát đất của người dân (chỉ có ngai lê dưới đất nên khu mới đen như vậy !) và xác nhận với chính sách ngu dân thời ấy, người dân ngu là cái chắc.

Câu " dân ngu khu đen " cũng từ từ biến thể cho hợp thời trang ngôn ngữ, và trở thành " dân đen " cục lốc. Không... sáng sủa hơn bao nhiêu, nhưng bớt được tiếng " ngu " cũng đã là một... tiến bộ. Không phải nhờ vậy mà người dân khôn ra, lẽ dĩ nhiên. Nhưng hai tiếng " dân đen " nói lên rõ rệt sự khác biệt giữa dân bản xứ da vàng và nhà cầm quyền hồi đó, toàn là dân da trắng !

Người dân hồi đó được thực dân gọi một cách miệt thị : cu-li, nhà quê. Dù anh có ăn học, dù anh có nghề nghiệp, người da trắng vẫn coi anh là cu-li là nhà quê tuốt.

Nhớ lại một hôm, anh tôi và tôi đạp xe đi dạo bến tàu Sạc-ne (sau này gọi là bến Chương Dương và sau này nữa tên là... Tôn Đức Thắng !). Thấy hai tên lính lê-dương (légionnaire) Pháp, to như cái tủ đứng, ngồi chổng lên nhau trên một chiếc xích-lô đạp, làm chổng bánh sau lên. Anh phu xích-lô, óm tong óm teo, không biết làm sao để giải thích rằng ảnh không thể nào chở được hai người, vì ảnh nhẹ quá. Ảnh bèn cầu cứu chúng tôi. Có lẽ ảnh thấy chúng tôi có vẻ học sinh sinh viên chắc biết ít nhiều tiếng Pháp nên nhờ thông-ngôn. Anh tôi " ra tay nghĩa hiệp " can thiệp. Một tên lê-dương túm ngực anh tôi, sừng sộ bằng tiếng Pháp : " Đi chỗ khác ! Đờ cu li khôn nạn ! ". Dĩ nhiên chúng tôi không đợi nói thêm một tiếng, vội vã phóng lên xe, đạp đi. Một đôi xa nhìn lại thấy một thằng lê-dương đạp xích-lô chở một thằng lê-dương, chạy vù vù, cười hắc hắc ! Còn anh phu xích-lô thì hỏn hển chạy bộ phía sau, chẳng nói chẳng rằng... Những hình ảnh đó bây giờ nhớ lại, đã sáu chục năm qua mà sao lòng vẫn còn nghe căm phẫn !

Sau hiệp định Genève, Pháp... phú-lơ-căng (Âm tiếng Pháp " Foutre le camp " = dông mắt – rất thông dụng thời đó) Việt Nam bị chia làm đôi, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Người dân miền Bắc sống với cái-gọi-là tự do của miền Bắc. Người dân miền Nam cũng có cái tự do riêng của miền Nam. Cũng là " tự do " cả nhưng trong hình thức có rất nhiều dị-biệt. Bắc Nam bỗng trở thành hai xứ như là lạ hoắc ! Tuy nhiên, dù đất nước bị chia hai, cái " khối " người dân không có gì thay đổi, nghĩa là vẫn còn nguyên là những con cò...

Rồi miền Nam có ông vua Bảo Đại – chuyên sống ở Pháp – vì thương dân nên gọi ông Diệm về Việt Nam tham chánh. (Ông vua này thì người dân biết từ lâu. Ít ra cũng biết... tên !). Rồi có ông Diệm, vì thương dân nên... lật ông Bảo Đại rồi lên làm tổng thống. (Ông này thì người dân chỉ mới biết khi ông trèo lên ghế tổng thống. Cứ nghe ra rả hàng ngày " Toàn dân nhớ ơn Ngô tổng thống ", không biết rồi cũng phải biết !) Rồi có chú Sam, vì thương dân Việt Nam, ra tay giúp đỡ ông Diệm hết mình. Người dân bắt đầu biết đến chú Sam với lá cờ nhiều sao và hình vẽ hai bàn tay nắm lấy nhau được dán lên nhiều món hàng ngoại quốc nhập cảng. Nhìn cái nhãn, người ta hiểu đơn giản là bàn tay chú Sam nắm bàn tay người bạn mà chú giúp đỡ. Chẳng nghe ai thắc mắc : " Chú Sam muốn nói chú giúp mình hay chú muốn nói tao bắt mày phải đi theo tao ? " Người dân miền Nam vốn... thiệt thà !

Bây giờ, người dân hết là dân đen. Không phải được... đổi màu như người dân miền Bắc, mà là được tẩy sạch trong từ ngữ miền Nam. Tuy nhiên tùy hoàn cảnh, tùy trường hợp, tùy tâm trạng mà người ta cũng có gọi người dân bằng " thằng dân ", nghe hơi nặng một chút. Nhưng riết rồi " người dân " hay " thằng dân " đều nghe cũng... xem xem (Âm tiếng Mỹ " Same same " = như nhau). Bởi vì, nặng nhẹ gì thì người dân cũng đã quen được coi như không có kí lô nào hết xưa nay !

Lâu lâu người dân cũng nghe các chánh trị gia gọi mình là " khối quảng đại quần chúng " nghe thật... rồn-rảng khó hiểu nhưng lại khoái lỗ tai, hoặc gọi là " toàn thể nhân dân " rất nho-nhã nhẹ nhàn, và lắm khi gọi " đồng bào thân mến " nghe thật là... âu yếm !

Thật tình, người dân vào thời này bắt đầu thấy rằng mình coi vậy mà cũng " có giá ". Hết còn nghe gọi người " dân " cộc lốc, mà lại được ghép vào với tiếng " công " oai vệ để trở thành " công dân ". Không có gì, nhưng mang thêm chữ " công " vẫn thấy quan trọng như " công chức ", " công sở ", " công khó ", " công an " ...những thứ " công " làm toát ra sự " chẳng có thằng nào dám đụng tới ". Sướng chó ! Mà thật vậy, có ai dám gọi " thằng công dân " đâu ? Thường thì gọi " người công dân " hay ít lắm cũng gọi "anh công dân ". (Chưa nghe ai gọi " ông công dân". Có lẽ tại vì gọi như vậy, người ta sẽ nghĩ là có " ẩn ý nhạo báng " !)

Từ ngày mang " chức " công dân, người dân được nhà nước chiếu cố... " đậm ". Ngày nào cũng kêu gọi " Này công dân ơi ! Quốc gia đến ngày giải phóng... ". Rồi gần đến ngày bầu cử tổng thống, dân biểu v.v... luôn luôn được nhắc nhở " đi làm bổn phận công dân ".

Nhân nói đến vụ bầu cử, phải thấy lúc đó người dân được... trọng vọng đến mức nào. Các ứng cử viên hay các liên danh ứng cử, trong thời gian vận động bầu cử, đều hết lời " o bế " người dân. Hàng ngày, trên truyền thanh truyền hình, trên báo chí bích chương... họ cúi xuống nâng người dân lên như nâng trứng mỏng, nói ngon nói ngọt để người dân bầu cho họ. Còn khuyên " nên chọn mặt gửi vàng ", làm cho người dân thấy tự nhiên mình... giàu ngang xương ! Cái lá phiếu trong tay người dân - bằng giấy – coi vậy... mà nặng kí !

Sau bầu cử, người dân được trả về cương vị bình thường của người dân, cộng thêm những người bị thất cử. Những người này, không cần hỏi ý kiến ai, cứ " đánh trống thổi kèn" tuyên bố rân lên rằng "Chúng tôi đứng về phe người dân để đối lập với chánh quyền!" Làm như hễ là dân là phải đối lập với chánh quyền vậy ! Cũng chẳng thấy có người dân nào đứng lên phản đối. Đã nói: người dân miền Nam vốn... thiệt thà !

Bỗng một hôm, " người ta " đảo chánh ông Diệm. Người dân ngỡ ngác bởi vì, trái với những lần bầu bán, lần này người dân không được ai " hỏi thăm " hết, thậm chí chẳng nghe ai tuyên bố theo... truyền thống rằng " đảo chánh vì dân " ! Thì ra, " người ta " toàn là tướng tá, binh chủng này binh chủng nọ. Họ không phải... dân !

" Họ " đảo rồi, lại đảo nữa. Cuối cùng cũng lật được ông Diệm. Lần này, người dân thấy có vẻ an toàn nên cũng xuống đường hoan hô. Thật ra, trong thời đệ nhứt cộng hoà, người dân đâu có bị chèn ép dè dặt đầu cỡi cổ bốc lột tội bởi như thời Pháp thuộc. Người dân chỉ " ngửa con mắt " ở cái lối trích thượng ăn trên ngồi trốc quá lố lăng của gia đình ông Diệm, cộng thêm hành động kỳ thị tôn giáo quá lộ liễu. Vì vậy, khi ông Diệm và gia đình bị lật xuống, người dân thấy như được... nhổ cái gai trong con mắt, cho nên họ cũng vỗ tay hoan hỉ !

Tiếp theo là mấy ông tướng, ông tá đảo chánh nhau, đảo qua đảo lại. Người dân vẫn bị cho ra rìa, nên đứng ở bên ngoài xem như xem tuồng hài hước trên sân khấu. Vở tuồng đang diễn bỗng bị chú Sam núp ở đâu đó giật giây hạ màn ! Người dân ngẩn ngơ, rồi cũng... xách đít " đi chỗ khác chơi " để " người ta " làm chánh trị.

Thật ra, vào thời điểm đó, miền Nam còn được cái may là có một người trong giới lãnh đạo " biết " nghĩ đến dân : đó là ông tướng tàu bay Nguyễn Cao Kỳ. Khi nắm chánh quyền, ông tuyên bố và cho kẻ khải hiệu đầy đường : " Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ là chính phủ của dân nghèo ". Thật là ngạc nhiên đến... ngỡ ngàng ! Người dân nào đã lỡ giàu bỗng thấy mình thuộc vào loại... vô chánh phủ nên cứ phập phồng lo sợ, còn người dân nghèo thì lại băng khuâng không dám hoan hô vì không biết mình có thuộc vào cái... " típ " nghèo mà ông tướng đã tuyên bố ? Bởi vì có hạng nghèo xơ nghèo xác, có hạng nghèo rớt mồng tơi, có hạng nghèo mặc rệp, có hạng nghèo kiết .v.v... Thành ra, lời tuyên bố rất " nổ " của ông tướng giống như cục đá nhỏ rơi xuống mặc nước hồ, nghe cái chũm rồi... hết ! Tuy nhiên, lần đầu tiên người dân thấy mình được đứng chung với chánh quyền – dù chỉ là trên khẩu hiệu – cũng thấy có chút gì an ủi !

Rồi chú Sam ồ ạt đổ quân và đồ " PX " lên miền Nam mà chẳng thấy có " trưng cầu dân ý ". Người xưa nói " ý dân là ý trời ". Người nay cầm quyền, đã không cần đến ý dân thì đâu có ông nào nói với chú Sam : " Thưa chú, ông bà tôi nói như vậy...như vậy... ". Cho dù có ai nói cho chú Sam thì cũng chỉ làm cho chú cười văng... sơ-quynh-gum, bởi vì chú đâu có tin. Chú đã từng bay lên trời, bay lên cung trăng, bay lên bay xuống như ăn hamburger hằng bữa... chú đã gặp ông trời đâu mà tin ! Vả lại xưa nay chú Sam chỉ thấy ý của chú là " năm bờ oan " thì chú đâu cần hỏi ý kiến của ai khác. Vì vậy, chú cứ... nhắm mắt đưa quân vào miền Nam như đi... vào chỗ không người. Chẳng có một người dân nào đứng lên phản đối. " Họ " – người dân – nói : " Mấy ông (ám chỉ nhà cầm quyền) đã ô-kê Salem với chú Sam rồi, mình có la nô-gút nô-gút (no good ! no good !) chỉ có... chó nó nghe !"

Trong " thời chú Sam ", mặc dù đang đánh giặc với Bắc Việt, người dân vẫn đi lại thông thả, miễn là đừng...l ội sông Bến Hải để ra ngoài Bắc. Năm khi mười hoạ mới bị hỏi căn cước. Trong trường hợp vào ra ở các " lãnh địa " của chú Sam thì lúc nào người dân cũng bị chú lính của chú Sam hỏi giấy bằng tiếng Việt bỏ sai dấu : " Cán cước!Cán cước !". Chẳng thấy người dân nào ...cười !

Ngoài ra thì đời sống của người dân rất tự do thoải mái. Tự do buôn bán. Đồ PX (dân gọi là pi-éc – là các mặt hàng nhập vào Việt Nam bán riêng cho quân đội chú Sam, không có thuế nên giá rẻ – lính chú Sam mua ra bán lại cho dân) tràn ngập các chợ trời. Còn hàng hoá sản xuất trong xứ cũng bán đầy các chợ các phố. Tự do ngôn luận, in sách, ra báo. Thật tình, ở đây có... lạm phát : báo đủ loại – báo ngày, báo tuần, báo tháng... khoảng chừng trên 30 tờ ! Người dân đọc... mờ con mắt luôn !

Cuộc sống tương đối dễ chịu, dễ...thờ. Đùng một cái,Việt Cộng tổng tấn công ngay trong ngày tết Mậu Thân. Chúng tin tưởng rằng " toàn dân miền Nam sẽ nổi dậy lật đổ chánh quyền !". Té ra, người dân, vì sợ, nên chỉ lo bồng bế nhau chạy ! Lần đó, Việt Cộng thất bại nặng. Lần đó, người dân thật sự thấy tận mắt Việt Cộng là ai, để sau đó biến sợ hãi thành căm thù. Chỉ cần một ngòi nổ là nó bùng lên để " quạt " cho Việt Cộng một đòn " chí tử ". Vậy mà không thấy chú Sam... nhúc nhích một ngón tay ! Chú không đánh trả, đã đành. Chú còn ngăn không cho quân đội quốc gia đánh trả. Chú đi một nước cờ mà không ai hiểu gì hết ! Và lần đó người dân nhìn chú Sam bằng một con mắt khác. Họ nói : " Không biết cái thằng cha chú Sam này muốn cái gì ? Thiệt là ngược đời ! Kẻ thù thì mình biết rõ còn thằng bạn đồng minh nhai sơ-huynh-gum này thì mình...mù tịt !".

Từ chỗ nhận định nói trên, người dân bắt đầu nghi ngờ cái ý nghĩa của hai bàn tay nắm lấy nhau dưới lá cờ nhiều sao làm nền cho loại nhãn dán trên các đồ viện trợ. Ai cũng nghĩ rằng cái nhãn đó có...hai mặt. Giống như chú Sam, chú cứ phải nhai sơ-huynh-gum liên tù tì để không ai " bắt gân mặt " mà đoán chú đang nghĩ gì, bởi vì chú muốn giấu " cái mặt bên kia " của chú, không phải giấu với địch mà giấu với thằng bạn đồng minh ! Thế mới đau !

Rồi vì không còn tin tưởng nữa, người dân lo... thủ. Ai cũng dự trữ đồ ăn ! Có tiền thì trữ nhiều, không tiền thì chạy nợ để trữ chút chút. Cho nó " ăn chắc ", bởi vì thằng cha chú Sam này coi vậy mà không phải vậy !

Tình trạng nhập nhằng này kéo dài tới hiệp định gì gì đó ở Paris. Tiếp theo là lính chú Sam " gõ hôm " từ từ, trước sự đứng đưng của người dân, bởi vì họ đã lật tẩy " cái mặt bên kia " của chú. Cái nhần " hai bàn tay nắm lấy nhau " không bị mưa mà nó cũng tróc, giống như đồ thợ mã ! Rồi thì " cơm không lành canh không ngọt " giữa chú Sam và ông Thiệu (tổng thống đệ nhị cộng hoà – xin nhắc lại cho những ai không... muốn nhớ !) Đùng một cái, ông Thiệu ra lệnh bỏ Pleiku/ Kontum rút hết quân về vùng Duyên Hải. Quân đội và dân chúng ngạc nhiên đến bàng hoàng, bởi vì đã bị Việt cộng tấn công đâu mà phải rút ? Còn phía Việt cộng thì... giật mình vội vã " nâng cao cảnh giác ", nín thở bất động, bởi vì không biết " thằng ngụy ác ôn này định dở trò gì đây ?". Người ta đồn (Hồi này, tin đồn đi nhanh hơn hỏa tiễn và người dân miền Nam chỉ sống bằng... tin đồn !) rằng ông Thiệu giận lây thằng bạn đồng minh " xỏ lá " nên chơi một cú cho nó xanh mặt ! Không biết chú Sam có xanh mặt hay không chớ thằng dân thì xanh mặt dài dài... Bởi vì không biết không hiểu gì hết. Cứ thấy quân đội tự nhiên rút chạy là cấm đầu chạy ! Mà có hỏi quân đội thì – than ôi ! – quân đội cũng bù trất ! Vậy là kinh hoàng, là hỗn loạn ! Vậy là cứ... nhắm mắt chạy. Chạy càng sợ ! Chạy càng sợ ! Chạy càng sợ ! Người dân giống như những con cò bị người chơi cò hất trọn bàn cờ xuống đất, văng tung toé khắp nơi, rơi vào hốc vào kẹt, rơi vào lỗ cống đường mương... Ai biết ? Ai thêm biết ? Nghĩ mà thương cho người dân miền Nam " sanh chẳng gặp thời "...

Từ miền Trung dài vô Sài Gòn, chỗ nào cũng thấy chạy. Dân chạy trước. Phía sau dân là quân đội. Phía sau quân đội, xa thật xa, là Việt cộng. Họ đã mất thời gian " điều nghiên tình hình " để nhận thấy hiện tượng " ngụy quân " rút đi là có thật. Thế là " ta " xua quân chạy theo " toé phờ " nhưng vẫn láo phét rằng " quân ta đuổi chúng nó chạy...toé khói " !

Tình trạng hỗn loạn này được tiếp nối bằng sự ồ ạt di tản ra... biển Đông. Cũng là chạy nhưng chạy ra khỏi xứ !

" Thời chú Sam " được hạ màn vào cuối tháng tư năm 1975. Màn không được hạ từ từ theo đúng " điệu nghệ sân khấu " với giàn kèn đồng thổi bản " ò e rô be đánh đu " ! Màn bị hạ... cái rẹt như bị đứt giây, bởi vì anh hạ màn... bỏ mẹ nó xuống cho rồi để còn vắt giò lên cổ chạy cho kịp nhảy lên chiếc trực thăng di tản cuối cùng !

Chú Sam " gõ hom " để lại miền Nam vô số sơ-huỳnh-gum đã... nhai rồi và một lô con lai, có trắng có đen... gọi là kỷ niệm !

Đây nói về người dân vào " thời bác Hồ "...

" Thời bác Hồ " được... kéo màn khai diễn bằng một hình ảnh lẽ ra phải hào hùng, nhưng mấy anh Bắc Việt đã dàn cảnh vụng về cho nên đã trở thành ra lố bịch. Số là...

Ngày 30 tháng tư năm 1975, cổng vào dinh Độc Lập đã được mở rộng để " đón tiếp các anh em Giải Phóng ", sau lời tuyên bố đầu hàng của ông Dương văn Minh. Thay vì cứ đường hoàng oai vệ tiến thẳng vào dinh – vì là người thắng trận – mấy ông Bắc Việt đã dàn cảnh bằng cách đóng cổng lại để cho một xe tăng mang cờ Giải Phóng ủi sập rồi ngất ngưỡng... bò vào bên trong như một thằng say. Báo chí, truyền hình chụp ảnh quay phim liên tục, cho thế giới thấy rằng " chính quân đội và nhân dân ta đã tiến công ủi sập chính quyền miền Nam ". Trong màn diễn xuất đó, họ quên mất người dân nên chỉ thấy có lèo tèo mấy anh Giải Phóng ! Trong lúc đó, dân chúng – khá đông – đứng xa xa nhìn một cách bàng quan, không hiểu "tại sao không chạy thẳng cha nó vô cho rồi, chớ đóng cổng làm chi để rồi phải ủi sập mới vô được, thiệt... làm chuyện ruồi bu !" Tiếp theo là lá cờ Giải Phóng Miền Nam lớn bằng tám chiếu phe phẩy trên nóc dinh giống như người chạy việt dã vừa về tới đích. Và tiếp theo là hai câu đối thoại đáng " đi vào lịch sử " : Khi được ông Dương Văn Minh – vị tổng thống... phù du nhứt lịch sử – nói : "Mời các ông ngồi vào bàn để chúng tôi bàn giao ", một ông... nón cối Bắc Việt " phang " cho một câu " Bàn giao cái gì ? Các anh thua trận, đầu hàng vô điều kiện mà còn cái gì để bàn giao ? ". Không biết những người miền Nam có mặt lúc đó – tổng thống, tổng bộ trưởng v.v... – có nghe " đau như hoạn " ?

Vậy là...giải phóng ! Người dân cũng có võ tay. Hết chạy loạn là... vui rồi. Hết giặc, con cái hết đi lính... là vui rồi. Một phóng viên miền Bắc phỏng vấn một bà già miền Nam : " Thế... bà má có vui không nào ? ". Trả lời : " Ở... vui chứ ! Nhờ có mấy ông giải phóng về kịp nên mới yên ! Chớ không, tụi Việt Cộng nó pháo kích riết chắc chết quá !". Ở một nơi khác, phỏng vấn một anh xích lô, anh ta trả lời : " Vui chứ sao không vui ! Đạp xích lô lúc nào cũng bị tụi nó nghi là Việt Cộng". Rồi anh chỉ vào mặt mình : " Anh coi ! Mặt tui vậy mà là Việt cộng à ?"

Mà vui thật ! Ở Sài Gòn đông lắm. Thiên hạ đi đầy đường. Xe hơi, xe gắn máy, xe đạp... nói đuôi nhau nhích nhích. Vậy mà chẳng thấy ai gây gổ với ai, cũng chẳng nghe ai nóng nảy tin một tiếng kèn ! Đó là lần đầu tiên người dân tự động " xuống đường ", không phải để đấu tranh mà là để đi coi... bộ đội ! Cũng giống như đi coi chợ phiên sở thú. Vui lắm !

Gánh hát mới khai diễn chưa kịp đánh trống thổi kèn quảng cáo mời mọc mà đã được khán giả bốn phương kéo tới xem thật đông như vậy thì thật là... " thành công, thành công, đại thành công !" Người dân cũng thấy khoái bởi vì toàn là đào kép mới – cái gì lạ cũng hấp dẫn – và bởi vì được đi coi...thả giàn.

Sau mấy lớp hài hước mở màn như chuyện mấy anh bộ đội nói dóc nói phét " Hà Nội cái gì cũng có ", chuyện " nhà ỉa nhà đái... trong xô ".v.v... sân khấu bỗng chuyển sang bi hài kịch mà trong đó người dân được kịch tác gia cách mạng đẩy lên đóng vai chánh ! Người dân ngạc nhiên dờ khóc dờ cười... Vai chánh đó có cái tên nghe lạ hoắc : " nhân dân làm chủ " !

Từ một tay ngang bước lên sân khấu, dĩ nhiên là cần được các đạo diễn chăm sóc dạy dỗ tận tình để người dân được... lột xác biến thành kịch sĩ.

Đầu tiên, người dân được mang một cái tên khác cho đúng với điệu nghệ kịch trường: tên " Nhân Dân " (Xưa nay, trong giới cải lương kịch nghệ có... truyền thống là khi đã " đi hát " thì người ta thường lấy một cái tên khác đẹp hơn kêu hơn là cái tên cúng cơm. Vậy mới là nghệ sĩ !) Rồi " cái " nhân dân đó được dạy hô khẩu hiệu – đó là những bài bản... gốc của cách mạng mà ai ai cũng phải biết hát, cũng như trong giới cải lương kép độc hay hề gì cũng phải rành " sáu câu "...Đại khái, chỉ có mấy khẩu hiệu như " vĩ đại, vĩ đại, vĩ đại ", như " muôn năm, muôn năm, muôn năm ", như " sống mãi, sống mãi, sống mãi ". Vậy mà không phải dễ ! Phải hô cùng một lúc và hô cho đúng nhịp. Hô lòn chòn là " có vấn đề đấy nhá !". Tiếp theo là tập võ tay. " Á... võ tay cũng phải tập chứ ! Có phải như thời Mỹ Ngụy đâu mà các anh các chị muốn võ thế nào là võ. Muốn làm chủ, nhân dân phải tập cả võ tay nữa cơ !" Thế là học võ tay : mọi người trong hội trường cùng võ một lúc, không cần khoái tử hay thích thú gì ráo, chỉ cần thấy anh cán bộ đang nói bỗng ngừng lại võ tay là ta võ tay thôi !

Tiếp theo là đi học tập ba hôm về đường lối chủ trương của cách mạng. Thượng vàng hạ cám gì cũng phải học tập ráo. Cùng ngồi chung với nhau – thường thì ngồi dưới đất vì không có đủ băng đủ ghế, và vì không đủ chỗ nên ngồi cả ra hàng ba, ra sân – cùng nghe chung những gì mấy cán bộ nói. Và vì mấy cha cán bộ nói dài quá, lại thay nhau nói cùng một đề tài bằng những lời lẽ y chang như nhau nên người " nhân dân ", kể trước người sau, cùng chung nhau... ngáp ! Suy cho cùng, ngáp cũng là một cách... phát biểu. Nó nói lên sự mệt mỏi chán chường. Về sau, khi đã..." quen nước quen cái " với những buổi hội họp học tập, với cái gọi là " Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý "...cách " phát biểu " độc đáo đó đã được người dân " khai triển " rất thoải mái, không phải giơ tay xin phép ai hết và cũng không sợ bị quy tội " bôi bác không khí nghiêm túc của hội trường ". Để thấy " Trong chế độ ta, nhân dân vẫn làm chủ... cái ngáp của mình đấy chứ !".

Tiếp theo (trong " thời bác Hồ ", lúc nào cũng có một sự " tiếp theo " nghĩa là chẳng bao giờ thấy một sự ngưng nghỉ, cứ " học tập tiếp theo học tập ", cứ " đấu tranh tiếp theo đấu tranh ", cứ " khai báo tiếp theo khai báo "...) nhân dân học tập khai lý lịch, học tập báo công báo tội, học tập làm sổ hộ khẩu sổ gạo... Hết học tập ở tổ dân phố thì kéo nhau ra học tập ở phường – cũng như vậy thôi nhưng đông hơn nên... vui hơn – rồi học tập ở quận... Rồi đi mét-tinh, đi đón tiếp phái đoàn này, đi chào mừng phái đoàn nọ, đi làm lễ đón nhận lẵng hoa của bác Tôn (ông già này thay thế bác Hồ, nhân dân đoán như vậy) Ôi thôi ! Rộn rịp, vui lắm !

Khác hẳn với " thời chú Sam ", người nhân dân bây giờ đi đến đâu cũng thấy cái sự làm chủ của mình nó... lòi ra cả đống. Bằng cớ là cái gì cũng thuộc về nhân dân ráo, cái gì cũng thấy dân

nhân " nhân dân " mà chẳng cần phải " cầu chứng tại toà ". Sướng như vậy ! Này nhá : Ủy Ban Nhân Dân này, Toà Án Nhân Dân này, Quân Đội Nhân Dân này, Công An Nhân Dân này... đến tờ báo to nhất nước – của Đảng – cũng phải mang tên " Nhân Dân " đấy ! Làm chủ , sướng nhá ! Thế nhưng, có hai cơ quan mà nhân dân không được làm chủ : đó là tổng cục kế hoạch và ngân hàng. Chỉ có hai cơ quan này là đặc biệt mang nhãn " Nhà Nước " nên được gọi là " Tổng cục kế hoạch Nhà Nước " và " Ngân Hàng Nhà Nước ". Nhà Nước nắm cái tổng cục để độc quyền lên kế hoạch... hốt bạc đổ vào ngân hàng của Nhà Nước, vậy là an toàn nhứt rồi ! Người ta nói : " Đồng tiền là huyết mạch, Nhà Nước nắm cái huyết mạch đó là nhân dân... nhãn rắng ! " Nói như vậy là có ý bôi bác chế độ. " Hãy nhớ rằng, trong chế độ ta có sự phân công rõ rệt : Đảng lãnh đạo, Nhà Nước quản lý, Nhân Dân làm chủ. Muốn quản lý, Nhà Nước phải nắm cái... hầu bao chứ. Không có cái đó thì quản lý cái đéch gì được. Rõ như thế đấy !". Lý luận chắc nịch như đing đóng cột, nhân dân chỉ còn nước đi chỗ khác chơi.

Dù sao đi nữa, được lên đóng vai chủ trong vở trường kịch của " thời bác Hồ " vẫn thấy khoái hơn ở " thời chú Sam ". Thời đó, người dân chỉ là người dân quen với bộ mặt thật của nó, chưa từng biết thế nào là " vẽ lọ bôi hề ". Còn bây giờ, trên sân khấu cách mạng, người dân được tô son trét phấn để có bộ mặt khác – một bộ mặt không giống ai – vui chớ !

Qua " thời bác Hồ ", cái gì cũng thay đổi hết. Đặc biệt là người dân. Ngoài chuyện " nhân dân làm chủ ", người dân bây giờ nhìn lại mình cũng thấy không còn là mình nữa ! Cả cái thân hình trước đây, chỉ còn lại có... cái miệng. Mỗi một người dân được xem như là một " nhân khẩu " – một cái " miệng người " – Tờ khai gia đình thời trước bây giờ được thay bằng " sổ hộ khẩu " trong đó kê khai có bao nhiêu...cái miệng ! Nghĩ cho cùng, Nhà Nước cách mạng có lý, bởi vì trong công tác " quản lý ", chuyện đầu tiên phải lo là " nuôi ăn ". Vậy, phải biết rõ " ta " có bao nhiêu cái miệng. Thế... Ngoài ra, nếu thấy cái miệng nào đã có ăn mà còn đòi cả quyền " nói " thì " ta " chặn ngay không cho nó ăn. Có nói, đến chừng đói rã ruột ra thì cũng phải cầm lại thôi. Đỉnh cao trí tuệ là ở chỗ này đấy !

Sau khi đã học tập tốt, nghĩa là người nhân dân đã rành bài bản để đóng vai " nhân dân làm chủ ", người nhân dân phải biết " đi thưa về trình ". Nói cho văn vẻ chớ thật ra là đi đâu phải xin giấy di chuyển của chánh quyền nơi cư ngụ và về phải trình lại giấy di chuyển có đóng dấu nơi mình đã đến. Nhân dân làm chủ khi dọn nhà qua ở chỗ khác phải làm thủ tục giấy tờ dời địa chỉ – gọi là chuyển hộ – có sự chấp thuận của chánh quyền hai nơi – nơi ở cũ và nơi ở mới – Nhân dân làm chủ phải đi lao động xã hội chủ nghĩa (Thời trước gọi là " đi làm...chùa "). Nhân dân làm chủ " phải " triệt để thực thi quyền làm chủ của mình nghĩa là " phải " làm thế này, " phải " làm thế nọ... toàn là những thứ " phải " mà ở " thời chú Sam " tìm đồ con mắt không có, ví dụ như phải đổi tiền, phải bị đánh tư sản, phải đi kinh tế mới, phải đi tập trung cải tạo... Chánh quyền mới gọi là " một cuộc đổi đời ". Họ nói đúng ! Có điều là cuộc đổi đời đó xoay đến 180 độ, làm cho người dân thấy... ngất ngư !

Sau khi miền Nam được giải phóng, mấy cha Giải Phóng Miền Nam còn đang " cờ phát trống khua " trên sân khấu cách mạng bỗng bị... cúp điện hạ màn, đuổi vào hậu trường lãnh " lương cà phê " (Tiếng nhà nghề nói gánh hát không trình diễn, nghệ sĩ chỉ lãnh chút tiền để uống cà phê thôi) Họ bị giải tán một cách êm ru và dễ ợt như người ta liệng một miếng giẻ rách vào đồng rác, trước sự ngạc nhiên của người nhân dân làm chủ. Bởi vì chuyện " đại sự quốc gia " như vậy mà chẳng thấy " lủ đầy tớ " nó hỏi qua ý kiến một lần ! Rồi đến vụ thống nhất đất nước, những " công bộc của nhân dân " cũng cứ quyết định một mình ên !

Thật ra, lấy công tâm mà nói, nếu có được hỏi thì cái " nhân dân làm chủ " cũng chỉ gặt đầu nhất trí. Cứ xem nhân dân miền Bắc, tính đến năm 1975, họ " làm chủ " đã hai mươi năm, có thấy họ không nhất trí bao giờ ? Người dân chắc nghĩ rằng mình làm chủ nhưng còn thằng khác nó làm chủ cái bao tử và sinh mạng của mình nữa, vậy, cứ luôn mồm nhất trí là...chắc ăn nhứt ! (Một nhà văn lớn thời tiền chiến vào Nam thăm bạn bè sau 1975 đã nói nhỏ : " Tôi còn sống đây là nhờ tôi biết sợ ". Một câu để đời !) Cái ưu việt của chế độ là ở chỗ này đấy !

Tiếp theo là người dân học tập – lại học tập ! – đi bầu. Hồi thời trước, người dân cầm lá phiếu thấy mình... oai ghê lắm. Họ tự do chọn lựa ứng cử viên, họ nhìn ảnh của từng người và còn phê

bình " líp ba ga " : ông này dễ thương, giống kếp Hùng Cường , ông này...cha ! coi bậm trợn quá, à ! còn bà này giống Túy Hoa ghê, coi đặng à v.v... Bây giờ thì khác : Đảng chọn, dân bầu. Sợ nhân dân mất thời giờ và mất công nên Đảng chọn dùm cho dân. Nhân dân chỉ còn có... nhắm mắt bầu. Sướng gần chết còn muốn gì nữa ? Có điều là bầu bán bây giờ không còn rầm rộ trống kèn như thời trước nên chẳng thấy có gì hấp dẫn hết.

Sau giải phóng, người dân miền Bắc đưa nhau vào Nam để " cứu trợ đồng bào ruột thịt miền Nam sống trong sự kềm kẹp của bè lũ ác ôn Mỹ Ngụy, đói khổ thiếu thốn vô cùng ". Còn người dân miền Nam, ít lâu sau, cũng lục tục kéo nhau ra miền Bắc, không phải để " tham quan " mà để... thăm nuôi thân nhân bị đưa đi tập trung cải tạo ngoài đó. Kề vô người ra như vậy thật là một sự... giao lưu đáng đồng tiền bát gạo, bởi vì nó " mở mắt " người dân của cả hai miền. Để thấy rằng dù " ở " với bác Hồ hay " ở " với chú Sam, người dân vẫn là những con cò, không hơn không kém !

Bây giờ, gần ba chục năm sau giải phóng, cuộc sống miền Nam cũng đã ổn định, nghĩa là người dân vẫn... sống nhàn, không phải nhờ khẩu hiệu " dân giàu nước mạnh..." mà nhờ biết xoay sở để sinh tồn. Cũng có hàng hoá đầy chợ. Cũng có quán xá đầy đường. Cũng có vài tờ báo của đảng / đoàn / cơ quan để đọc – vài tờ cũng đủ... chán, đâu cần phải ba mươi tờ như " thời chú Sam " – Cũng có tiểu thuyết lai rai của Hội Nhà Văn – cái hội mà chế độ đẻ ra để " gò " các nhà văn đi cho ngay cho đúng " đường lối chủ trương " – Cũng có nhạc vàng lá lướt đã thông qua sự kiểm tra của Cục Nghệ Thuật Biểu Diễn, một loại " cục " lúc nào cũng thấy... nằm chình ình trên các DVD và băng nhạc dưới dạng con tem, trên đó có ghi rõ tên chương trình, hãng sản xuất, số giấy phép, mã số và hàng chữ đỏ "Ng nghiêm cấm in sao dưới mọi hình thức ".

Đảng vẫn lãnh đạo, Nhà Nước vẫn quản lý và Nhân Dân vẫn... làm chủ, lẽ dĩ nhiên !

Tính ra, " thời chú Sam " chỉ dài có hai mươi năm. Cái " số " như vậy thầy bói gọi là... yếu tử ! Trong lúc " thời bác Hồ " vẫn còn tiếp diễn dài dài, gần ba mươi năm mà chưa thấy hạ màn ! Đó là cái " lô-gích " của thời đại bởi vì bác Hồ lúc nào mà chẳng " sống mãi! sống mãi ! sống mãi ! " ? Chỉ tội cho người dân, với bộ mặt " không giống ai " vì bị tô son trét phấn, có nhãn nhớ vì đau quặn ruột người ta cũng vẫn thấy như đang...cười ! Và người ta kết luận : " Tốt đấy chứ !". Ở đây, phải hiểu " người ta " là Đảng và Nhà Nước.